

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) Bất kỳ một quan điểm nào cũng có thể thay đổi, điều quan trọng là bạn có “muốn” thay đổi hay không mà thôi. Mọi thứ không bỗng dưng mà có, thái độ cũng vậy. Để có một thái độ sống đúng đắn, trước tiên ta cần hình thành nó, rồi dần dần phát triển lên, biến nó thành tài sản quý giá cho bản thân. (2) Một số người từ chối việc thay đổi, họ cho rằng “Tôi đã quen sống như thế này từ nhỏ, thay đổi chỉ làm cho cuộc sống thêm rắc rối mà thôi!” hoặc “Cha mẹ sinh mình ra thế nào thì cứ để thế ấy, thay đổi làm gì cho mệt!”. Bạn cần biết rằng, không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi. Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc. Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn. Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nảy lộc, không ra hoa kết trái là gì? Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao? Con người chúng ta cũng vậy. Cuộc sống sẽ luôn được vận hành tốt nếu ta không ngừng hoàn thiện bản thân.

(3) Những ai không chịu thay đổi cho phù hợp với biến cố cuộc đời sẽ chẳng thể nào thích nghi được với hoàn cảnh. Có thể họ vẫn hiện hữu nhưng trong cuộc sống của họ sẽ bị tách biệt, không bắt nhịp được với dòng chảy của mình.

(Trích Thái độ quyết định thành công, Wayne Cordeiro,

NXB Tổng hợp TP. HCM, 2016, tr.34)

Câu 1: (NB) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (TH) Theo tác giả, cuộc sống của bạn sẽ ra sao khi không chấp nhận thay đổi?

Câu 3: (TH) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 4: (VD) Theo anh/ chị, tại sao tác giả cho rằng không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ ý nghĩa của văn bản trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của mình về những điều bản thân thấy cần thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Câu 2: (VDC)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị. Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phôi phôi trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lửng lơ bay ngoài đường. Anh ném pao, em không bắt Em không yêu, quả pao rơi rồi...

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ Văn 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, tr. 7-8)
Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về cách nhìn con người của nhà văn Tô Hoài.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo đoạn trích, khi không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn nếu bạn không chấp nhận thay đổi.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

Gợi ý:

Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn hai:

+ Câu hỏi tu từ: Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nảy lộc, không ra hoa kết trái là gì?
Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao?

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh hậu quả của việc không chấp nhận thay đổi để hoàn thiện bản thân.
+ Tăng tính biểu cảm, tạo giọng điệu trầm trở, suy tư cho câu văn.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh nêu được thông điệp có ý nghĩa, lý giải thuyết phục, hợp lý.

Gợi ý:

Vì chỉ cần chấp nhận thay đổi là ta có thể thích nghi với hoàn cảnh, bắt nhịp với dòng chảy và cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Sự cần thiết phải hoàn thiện bản thân.

2. Giải quyết vấn đề

Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải có hoàn thiện bản thân. Có thể theo hướng sau:

- Hoàn thiện bản thân là quá trình tự nhận thức, học hỏi, cải thiện, tu dưỡng chính mình để ngày càng tiến bộ, tốt đẹp hơn.

- Xã hội ngày càng phát triển, đòi hỏi con người không ngừng làm mới chính mình để phù hợp, thích nghi với hoàn cảnh, tạo cơ hội phát triển, thành công. Đó phải là sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi, từ những điều bé nhỏ nhất. Cần phân biệt việc hoàn thiện bản thân với những đột phá, nổi loạn có xu hướng tiêu cực.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Tô Hoài rất am hiểu phong tục tập quán của người dân miền núi, biệt tài phân tích tâm lí nhân vật và lời văn đậm chất khẩu ngữ.
- Vợ chồng A Phủ là sản phẩm của chuyến đi thực tế của ông cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc.
- Khái quát vấn đề: Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn của nhà văn Tô Hoài về con người.

II. Phân tích

1. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích.

- Giới thiệu khái quát nhân vật và vị trí đoạn trích.
- + Mị là một cô gái trẻ đẹp, yêu đời... Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị phải làm dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra, sống cuộc đời trâu ngựa khổ đau.
- + Thế nhưng tận đáy sâu tâm hồn câm lặng ấy vẫn le lói tia lửa sống, chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ. Trong một đêm tình mùa xuân phơi phới, giai điệu thiết tha bồi hồi của tiếng sáo đã đánh thức Mị, khiến tâm hồn Mị náo nức hồi sinh.
- Diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn:
 - + Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rượu làm cơ thể và đầu óc của Mị say nhưng tâm hồn đã tỉnh lại sau bao ngày câm nín. Mị quên như đi thực tại, chỉ sống về ngày trước, nhớ lại quá khứ tươi đẹp, hạnh phúc, tự do.

+ Sự nhận thức về hiện tại – quá khứ đã đã khơi dậy ở Mị lòng ham sống: thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị ý thức rõ về quyền sống quyền tự do và hạnh phúc: Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi...

+ Từ ý thức về quyền sống, Mị nhận ra bi kịch của mình: Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết, A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Mị uất ức muốn phản kháng: Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay.

+ Ý thức về thân phận: Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra giọt nước mắt của nỗi thương thân, xót phận, đau đớn, tuyệt vọng, bế tắc khi đối mặt với thực tại phũ phàng, giọt nước mắt hồi sinh của tâm hồn khao khát sống.

+ Khát khao tự do, hạnh phúc ẩn trong tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường với những giai điệu mang âm hưởng xót xa, nuối tiếc của tình yêu.

- Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế. Cách dẫn dắt tình tiết khéo léo, tự nhiên.

+ Giọng trần thuật của tác giả hòa vào những độc thoại nội tâm của nhân vật tạo nên ngôn ngữ nửa trực tiếp đặc sắc. Lời kể hấp dẫn, mang đậm màu sắc miền núi. Lựa chọn chi tiết, dựng cảnh tạo không khí, sử dụng nhiều câu văn ngắn, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm

2. Nhận xét cách nhìn của nhà văn Tô Hoài về con người.

- Qua diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị, tác giả bày tỏ sự cảm thông thấu hiểu, bên cạnh những con người với số phận bất hạnh; trân trọng yêu thương và cảm phục 0,5 sức sống tiềm tàng, khát vọng tự do, hạnh phúc và khả năng vươn tới tương lai. Đó là cách nhìn đầy tin yêu vào phẩm chất tốt đẹp của con người.

- Cách nhìn xuất phát từ sự gắn bó, am hiểu và tình yêu thương với mảnh đất và con người miền núi, từ hiện thực cách mạng với nhiều đổi thay. Truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài là sản phẩm của nền văn học cách mạng, đưa con tinh thần của nhà văn - chiến sĩ với cảm quan hiện thực, tinh thần lạc quan cách mạng: khẳng định, tin tưởng khả năng, sức mạnh, tương lai con người.

- Cách nhìn mới mẻ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, mang lại chất lượng mới cho văn học kháng chiến, khơi dậy sự đồng cảm, trân trọng người đọc, đồng thời thể hiện tài năng, tâm lòng nhà văn Tô Hoài.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com ĐỀ 2	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Tôi rất thích hoa bồ công anh, không phải là đóa hoa vàng rực rỡ mà là đóa hoa bạc trắng đã sẵn sàng cho chuyến phiêu lưu. Có lẽ không có loài hoa nào có vẻ ngoài mảnh mai, yếu đuối nhưng lại có cá tính mạnh mẽ như bồ công anh. Chúng là những nhà thám hiểm bẩm sinh, những “phượt thủ” mang sinh mệnh của mình trên đôi cánh. Đó không chỉ là sinh mệnh của một hạt giống đơn thuần mà còn là hy vọng và tương lai của thế hệ kế cận. Nhựa sống của bồ công anh tích tụ trong những nhánh hoa nhỏ bé, chỉ đợi một cơn gió nổi chúng sẽ tung mình bay đến những miền đất mới.... Nếu bồ công anh không can đảm gửi những thế hệ non nớt đến vùng đất mới, chúng có thể chết vì cạn kiệt nguồn nước, chất dinh dưỡng. Sống chen chúc trong vùng an toàn chật hẹp sẽ khiến chúng bị hủy diệt vì không đủ không gian. Chỉ có cách phiêu lưu, sinh sôi và tiếp tục mở rộng lãnh thổ thì mới có cơ hội duy trì sự tồn tại của giống loài. Vậy đó, cuộc sống đôi khi buộc chúng ta phải mạo hiểm bước ra khỏi vùng an toàn để tìm kiếm sự an toàn. Nhưng chúng ta đã được chuẩn bị gì cho chuyến đi dài đó? Chúng ta có bạn đồng hành hay chỉ là một hạt cát đơn côi trong chuyến đi của cuộc đời mình?

(Trích *Đến cỏ dại còn đang hoàng mà sống* – Phạm Sỹ Thanh,
NXB Thế giới, 2019, tr. 235-236)

Câu 1: (NB) Theo đoạn trích, cây bồ công anh có những đặc điểm như thế nào?

Câu 2: (TH) Trong đoạn trích, tại sao bồ công anh lại lựa chọn phiêu lưu đến những vùng đất mới ?

Câu 3: (TH) Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong những câu văn sau:
Nhưng chúng ta đã được chuẩn bị gì cho chuyến đi dài đó ? Chúng ta có bạn đồng hành hay chỉ là một hạt cát đơn côi trong chuyến đi của cuộc đời mình ?

Câu 4: (VD) Thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chị qua đoạn trích trên là gì? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều bản thân cần làm để thoát ra khỏi vùng an toàn.

Câu 2: (VDC) 1

Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “Bốn bề núi phủ mây phong - Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...

(Trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về chất trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Cây bồ công anh có những đặc điểm: màu vàng rực rỡ, bạc trắng; có vẻ ngoài mảnh mai, yếu đuối; có cá tính mạnh mẽ; nhựa sống tích tụ trong những nhánh hoa nhỏ bé; đợi gió nổi lên sẽ tung mình bay đến những miền đất mới.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Bồ công anh lựa chọn phiêu lưu đến những vùng đất mới để có cơ hội duy trì sự tồn tại của giống loài.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:**Gợi ý:**

- HS chỉ ra 01 biện pháp tu từ, có thể là:

+ Câu hỏi tu từ: *Nhưng chúng ta đã được chuẩn bị gì cho chuyến đi dài đó ? Chúng ta có bạn đồng hành hay chỉ là một hạt cát đơn côi trong chuyến đi của cuộc đời mình ?*

+ Ẩn dụ: chuyến đi, bạn đồng hành, hạt cát đơn côi.

- Tác dụng:

+ Khẳng định sự cần thiết của việc phải bước ra khỏi vùng an toàn và thôi thúc chúng ta thay đổi để tìm kiếm cơ hội mới cho bản thân.

+ Tạo tính hình tượng và tăng sức biểu cảm cho lời văn.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh nêu được thông điệp có ý nghĩa, lý giải thuyết phục, hợp lý.

(Gợi ý thông điệp có thể rút ra: cần phải học cách sống kiên cường, mạnh mẽ; dũng cảm lựa chọn đối mặt với những khó khăn, thử thách để thay đổi bản thân; cần phải mạo hiểm bước ra khỏi vùng an toàn để tìm kiếm những cơ hội mới cho chính mình....)

II. LÀM VĂN**Câu 1**

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:3

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Những điều bản thân cần làm để thoát ra khỏi vùng an toàn.

2. Giải quyết vấn đề

- Vùng an toàn là giới hạn, ranh giới con người tự đặt ra cho mình. Ở nơi đó ta có được trạng thái thoải mái, bình yên mà không có bất kì sự thay đổi hay đột phá nào. Tuy nhiên, việc ở quá lâu trong vùng an toàn sẽ khiến cuộc sống của chúng ta dần trở nên nhàm chán, trì trệ, thậm chí là thất bại. Vì vậy, ta cần phải học cách để thoát ra khỏi vùng an toàn đó.
- Để thoát ra khỏi vùng an toàn, chúng ta cần phải dũng cảm đối diện với những khó khăn, thách thức ở phía trước; vượt qua nỗi sợ hãi thất bại; tự tin vào chính mình; thử thách bản thân ở một môi trường mới, một lĩnh vực mới; thay đổi những thói quen cũ, hành động theo một cách thức mới; coi đó là cơ hội để trải nghiệm, trưởng thành ...
- Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một nhà văn am hiểu về Huế. Ông có sở trường về bút kí. Các sáng tác của ông thể hiện sự tài hoa và uyên bác.
- Ai đã đặt tên cho dòng sông được sáng tác sau đại thắng mùa xuân 1975 nên vẫn còn khí thế chủ nghĩa anh hùng. Tác phẩm thể hiện tình yêu của tác giả với thành phố Huế thân thương.
- Khái quát vấn đề: Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông và nhận xét về chất trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

II. Phân tích

1. Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích.

- Sông Hương mang vẻ đẹp kiều diễm, nữ tính của một người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại chờ người tình mong đợi đến đánh thức. Hình ảnh này gợi liên tưởng đến nàng công chúa xinh đẹp ngủ trong rừng, chờ đợi hoàng tử đến hóa giải lời nguyền trong câu chuyện nhuộm màu cổ tích.
- Sông Hương mang vẻ đẹp thanh tân, tràn đầy sức sống của một thiếu nữ bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ dài. Dòng sông bắt đầu về xuôi tựa như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai. Vì thế, nó chuyển dòng liên tục, vòng giữa những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, vượt qua khá nhiều gian truân, thử thách và hàng loạt chướng ngại vật: điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản, thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán, đồi Thiên Mụ... Trong hành trình ấy, sông Hương lại có cơ hội thể hiện tất cả vẻ đẹp gợi cảm của mình với những đường cong mềm mại như tấm lụa, với sắc nước xanh thẳm, với những mảng phản quang nhiều màu sắc “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” trên nền trời thành phố.
- Sông Hương mang vẻ đẹp trầm mặc, như triết lý, như cổ thi khi chảy qua những đám quần sơn lô xô, giữa giấc ngủ nghìn năm, với những lăng tẩm đồ sộ của vua chúa thời Nguyễn được phong kín trong những rừng thông u tịch và trong ngân vang của tiếng chuông chùa Thiên Mụ. Vẻ đẹp ấy gợi nhớ và phảng phất bóng dáng của những người cung nữ, những người con gái Huế ngày xưa.
- Vẻ đẹp của hình tượng sông Hương được thể hiện bằng ngôn ngữ tinh tế, giàu chất thơ; lối hành văn hướng nội, mê đắm, tài hoa; nghệ thuật so sánh, nhân hóa, những liên tưởng độc đáo, sáng tạo...

2. Nhận xét về chất trữ tình trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Chất trữ tình được thể hiện trước hết qua việc khám phá vẻ đẹp thơ mộng của sông Hương. Nhà văn không chỉ tái hiện lại một cách chân thực dòng chảy địa lí tự nhiên của con sông mà quan trọng hơn là biến thủy trình ấy thành “hành trình đi tìm người yêu” của một người con gái đẹp, duyên dáng và tình tứ.
- Chất trữ tình còn được thể hiện ở ngôn ngữ nghệ thuật gợi hình, gợi cảm, đậm màu sắc; lối hành văn súc tích, hướng nội và cái tôi đầy cảm xúc của tác giả.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 3

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(...) Thời phổ thông trung học, tôi học trường chuyên ở một thành phố nhỏ. Như bao trường chuyên khác, học sinh được ôn luyện từng ngày để tham gia các cuộc thi cấp địa phương và quốc gia. Mục tiêu của tất cả học sinh, giáo viên và phụ huynh là đỗ vào một trường đại học tốt. Trong suốt những năm phổ thông, tôi học cách trả lời tốt các câu hỏi, nhưng không bao giờ học cách đặt câu hỏi.

Khi lên đại học, tôi học tại một trường nữ sinh nhỏ ở miền Nam nước Mỹ. Tôi vẫn dùng phương pháp trả bài ấy, kỹ năng mà nhiều năm ở Việt Nam đã dạy tôi rất tốt để đạt điểm cao... Tuy nhiên tôi không phải là sinh viên sáng nhất khoa sử dù có thể ghi nhớ và luôn trả lời được hầu hết câu hỏi.

Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi sang Đức làm trợ lý nghiên cứu cho hai nhà nhân chủng học (anthropologists). Lần đầu tiên tôi được đồng nghiệp chỉ cho rằng, đặt câu hỏi là bước cơ bản để trở thành một nhà nghiên cứu. Họ khuyến khích tôi đặt những câu hỏi từ rất đơn giản, ví dụ "định nghĩa của từ này là gì?", "trong bối cảnh như vậy việc gì sẽ xảy ra?" cho đến những câu phức tạp cần miêu tả dài dòng. Tôi bắt đầu chú ý đến cách đồng nghiệp hỏi tại các buổi họp và hội thảo. Sau khoảng một năm, tôi đi thực địa cùng các giáo sư và bắt đầu phải viết rất nhiều ghi chép. Đây là cơ hội cho tôi luyện tập đặt câu hỏi.

Hai năm làm việc ở Đức, học cách đặt câu hỏi đã thôi thúc tôi trên con đường học vấn (...) Kỹ năng hỏi giúp tôi trong lúc làm nghiên cứu, và hiện giờ ở nơi làm việc. Tôi quyết định không theo đuổi sự nghiệp học thuật với tư cách là giáo sư mà trở thành nhà khoa học dữ liệu (data scientist). Công việc chính của tôi xoay quanh việc xây dựng giải pháp kỹ thuật cho các bài toán kinh doanh. 90% thời gian của tôi dành để trao đổi với đồng nghiệp và các bộ phận khác trong công ty.

Tôi luôn hy vọng các bạn chuẩn bị sẵn một danh sách câu hỏi, sắp xếp chúng thành 2-3 chủ đề. Các bạn sẽ cảm thấy chủ động, và tự tin hơn trong cuộc trò chuyện. Trong các

cuộc phỏng vấn xin việc, ứng viên cũng nên làm điều tương tự. Đây không chỉ là cơ hội để công ty đặt câu hỏi, mà còn là cơ hội để các bạn phỏng vấn ngược, nhằm nắm được nhiều thông tin hơn về nơi có thể là môi trường làm việc tương lai của mình.

Tôi học nghệ thuật đặt câu hỏi qua thử nghiệm và cả sai lầm, bằng cách đi thực địa lúc đi làm nghiên cứu, và hiện giờ là qua việc phỏng vấn rất nhiều ứng viên xin việc. Nhưng tôi vẫn ước rằng mình đã được học kỹ năng này sớm hơn, trong gia đình, ở trường phổ thông hoặc thậm chí ở trường đại học.

(Trích Học cách đặt câu hỏi – Thân Hạnh Nga)

Câu 1: (NB) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích.

Câu 2: (TH) Tác giả đã chỉ ra kỹ năng đặt câu hỏi sẽ giúp những ứng cử viên điều gì khi đi xin việc?

Câu 3: (TH) Theo anh/chị, vì sao nhân vật "tôi" lại có ước nguyện học kỹ năng này sớm hơn?

Câu 4: (VD) Nêu hai biện pháp cần thực hiện để rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp đối với các bạn trẻ trong xã hội hiện đại.

Câu 2: (VDC) Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà qua đoạn trích:

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh "Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm bão oán đời đời đánh ghen". Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm

Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(Trích *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân - Ngữ văn 12, tập Một – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).

Từ đó, liên hệ với vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà để rút ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Tác giả đã chỉ ra kỹ năng đặt câu hỏi sẽ giúp những ứng cử viên khi đi xin việc:

- Cảm thấy chủ động và tự tin hơn trong cuộc trò chuyện.
- Nắm được nhiều thông tin hơn về nơi có thể là môi trường làm việc tương lai của mình.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

Nhân vật “tôi” có ước nguyện học kỹ năng đặt câu hỏi sớm hơn vì:

- Đây là kỹ năng rất cần thiết cho cuộc sống và phát triển bản thân, được học càng sớm thì cơ hội phát triển bản thân càng cao.
- Khi được học kỹ năng đặt câu hỏi sớm, mỗi người có thể hoàn chỉnh kỹ năng giao tiếp, tự tin, bản lĩnh sớm hơn; chủ động khi tìm hiểu khai thác kiến thức; nâng cao vốn sống, vốn hiểu biết, khả năng tìm tòi, học hỏi, bồi đắp kinh nghiệm, thể hiện bản thân, xây dựng các mối quan hệ.

- Việc học kĩ năng này quá muộn có thể bỏ lỡ nhiều cơ hội khám phá bản thân hay phát triển công việc.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh có thể đề xuất các biện pháp theo quan điểm cá nhân, đảm bảo hợp lý và thuyết phục.

Gợi ý:

- Luôn tìm hiểu thấu đáo vấn đề; luyện tập đặt câu hỏi từ vấn đề nhỏ, đơn giản đến các vấn đề lớn, phức tạp.
- Rèn luyện sự tự tin, không ngại đặt câu hỏi khi có vấn đề mới.
- Xây dựng sự tập trung trong giao tiếp và tiếp nhận thông tin để có thể đạt câu hỏi đúng nhất.
- Tìm hiểu về các dạng câu hỏi cần thiết quan nhiều kênh thông tin khác nhau.
- Bổ sung vốn từ và hệ thống câu hỏi phong phú thông qua việc đọc sách, tự học,...

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Sự cần thiết của việc rèn luyện kĩ năng giao tiếp.

2. Giải quyết vấn đề

Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích: là khả năng sử dụng phương tiện ngôn ngữ nói/ngôn ngữ cơ thể, để diễn đạt một suy nghĩ, tình cảm, một quan điểm cá nhân một cách rõ ràng thuyết phục, đồng thời thúc đẩy được giao tiếp hai chiều.
- Bàn luận: Rèn luyện kĩ năng giao tiếp là rất cần thiết trong xã hội của hợp tác, hội nhập. Giao tiếp giúp con người gia nhập vào các môi quan hệ, lĩnh hội nền văn hóa, đạo đức, chuẩn mực xã hội, tạo dựng các môi quan hệ tốt đẹp; Tăng cường vốn sống, tự phát triển và hoàn thiện bản thân: rèn luyện sự tự tin, chủ động, linh hoạt, hình thành năng lực tự ý thức; Góp phần phát triển xã hội, tăng cường tính linh hoạt cho xã hội...

- Liên hệ rút ra bài học cho bản thân

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu cho nền văn học Việt Nam. Phong cách độc đáo, tài hoa và uyên bác.
- Người lái đò sông Đà là tác phẩm được trích trong tập Tùy bút sông Đà là kết quả của chuyến đi thực tế của tác giả lên vùng Tây Bắc. Tại đây ông đã phát hiện ra vẻ đẹp của thiên nhiên cùng chất vàng mười trong tâm hồn của người dân nơi đây.
- Khái quát vấn đề: Cảm nhận về vẻ đẹp trữ tình của sông Đà trong đoạn trích. Từ đó, liên hệ với vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà để rút ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của nhà văn Nguyễn Tuân.

II. Phân tích

1. Cảm nhận về vẻ đẹp trữ tình sông Đà

- Sông Đà được cảm nhận ở phương diện không gian, từ điểm nhìn trên cao với hình dáng, thủy trình và sắc nước sông Đà.
- + Hình dáng:
 - + Từ trên tàu bay nhìn xuống sông Đà như “cái dây thừng ngoằn ngoèo” uốn quanh núi rừng Tây Bắc, hài hòa với thiên nhiên Tây Bắc.
 - ++ Ở những quãng yên, dòng sông lại giống như một người thiếu nữ kiêu diễm “tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung

nở hoa ban hoa gạo”. -> So sánh, so sánh trùng điệp gợi vẻ đẹp độc đáo, ấn tượng, trẻ trung, mềm mại, thướt tha.

+ Thủy trình và sắc nước Sông Đà:

+ Mùa xuân dòng xanh ngọc bích...-> vẻ đẹp trong xanh, sâu thẳm thẳm, cao quý.

++ Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ...-> vẻ mặn mòi, trù phú của phù sa đồng thời mang theo cảm xúc của đất trời.

-> Màu nước sông Đà biến chuyển đổi lập theo mùa tạo nên sự hấp dẫn, diệu kì của con sông và thiên nhiên Tây Bắc (như một sinh thể có hồn).

- Cảm xúc của nhà văn: tự hào trước thiên nhiên kỳ thú, diễm lệ, tình yêu sâu sắc đối với đất nước quê hương; kịch liệt phản đối luận điệu xuyên tạc của kẻ thù trước đây: Chưa hề bao giờ tôi thấy Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đề ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

2. Liên hệ với vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà để rút ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Tuân.

- Hình ảnh sông Đà trong đoạn trích mang vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình. Hình ảnh sông Đà trong cuộc chiến với người lái đò Sông Đà là dòng sông hung bạo, hùng vĩ, sức mạnh phi thường, tâm địa hiểm độc, hiện diện như một “thứ kẻ thù số một của con người” (...)

- Đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Tuân:

+ Ngôn ngữ miêu tả giàu tính tạo hình, biểu cảm.

+ Vận dụng kiến thức của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau để sáng tạo hình tượng (thể thao, điện ảnh, quân sự, võ thuật...).

+ Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê, tương phản đối lập, ẩn dụ....

+ Lối so sánh, liên tưởng độc đáo thú vị.

→ Chất tài hoa uyên bác trong nghệ thuật miêu tả: Sông Đà không chỉ như một dòng chảy tự nhiên mà còn như con người có vẻ đẹp tâm hồn, tính cách phong phú.

* Đánh giá

- Hình ảnh Sông Đà đẹp từ hình dáng đến màu sắc. Đó là vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình, hiền hòa. Con sông cũng là biểu tượng cho thiên nhiên Tây Bắc, là chất vàng của Tây Bắc.

- Qua đó ta thấy được tấm lòng của Nguyễn Tuân yêu và say mê với vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Đoạn văn bộc lộ rõ nét chất tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân: Hình ảnh ngôn từ mới lạ, câu văn căng tràn trùng điệp mà vẫn nhịp nhàng về âm thanh nhịp

điều: cách so sánh, nhân hóa táo bạo mà kì thú, lối tạo hình giàu tính mỹ thuật, phối hợp nhiều góc nhìn theo kiểu điện ảnh.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com ĐỀ 4	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Tự trọng nghĩa là biết coi trọng mình nhưng không phải theo nghĩa vị kỷ (chỉ biết đến những danh lợi của bản thân mình) mà là coi trọng phẩm giá/đạo đức của mình. Một người có tự trọng hay không cũng thường được thể hiện qua câu trả lời hay qua hành xử của anh ta cho những câu hỏi như: “Điều gì khiến tôi sợ hãi/xấu hổ?”, “Điều gì khiến tôi tự hào/hạnh phúc?”...

Người tự trọng tất nhiên sẽ biết sợ sự trừng phạt của nhà nước (sự pháp lí) nếu làm trái pháp luật và sợ điều tiếng của dư luận của xã hội (sự đạo lý) nếu làm trái với luân thường, lẽ phải. Nhưng đó vẫn chưa phải là điều đáng sợ nhất với họ. Điều đáng sợ nhất với một người tự trọng là sự giầy vò bản thân khi làm những chuyện đi ngược lại lương tri của chính mình. Nói cách khác, đối với người tự trọng, có đạo đức “tòa án lương tâm” còn đáng sợ hơn cả “tòa án nhà nước” hay “tòa án dư luận”.

Nói cách khác người tự trọng/tự trị thường không muốn làm điều xấu, ngay cả khi không ai có thể biết việc họ làm; Họ sẵn lòng làm điều đúng mà không hề để ý đến chuyện có ai ghi nhận việc mình làm hay không. Nếu tình cờ ai đó biết và ghi nhận thì cũng vui nhưng nếu không có ai biết đến và không có ai ghi nhận điều tốt mình làm thì cũng không sao cả, vì phần thưởng lớn nhất đối với người tự do/tự trị/tự trọng là “được sống đúng với con người của mình”, tất nhiên đó là con người phẩm giá, con người lương tri mà mình đã chọn.

(Trích *Đúng việc*, Giản Tư Trung, NXB Tri thức, 2016, tr27-28)

Câu 1: (NB) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (TH) Theo tác giả, tự trọng là gì?

Câu 3: (TH) Theo anh/chị, vì sao “điều đáng sợ nhất đối với một người tự trọng là sự giầy vò bản thân khi làm những chuyện đi ngược lại với lương tri của mình”?

Câu 4: (VD) Anh/Chị sẽ hành động như thế nào để hoàn thiện “con người phẩm giá, con người lương tri” của bản thân?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về thái độ biết xấu hổ của mỗi con người.

Câu 2: (VDC)

*Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng mình hài hoà nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang đất nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó san sẻ
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...*

(Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.120-121)

Phân tích đoạn thơ trên. Từ đó, bình luận về thông điệp mà tác giả gửi gắm trong đoạn trích.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo tác giả: *Tự trọng nghĩa là biết coi trọng mình nhưng không phải theo nghĩa vị kỷ (chỉ biết đến những danh lợi của bản thân mình) mà là coi trọng phẩm giá/đạo đức của mình.*

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Điều đáng sợ nhất đối với một người tự trọng là sự giầy vò bản thân khi làm những chuyện đi ngược lại với lương tri của mình bởi lẽ người có tự trọng là người luôn coi trọng giá trị đạo đức, phẩm giá của chính bản thân mình. Đối với họ tòa án lương tâm là điều đáng sợ nhất.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày theo quan điểm cá nhân, có lý giải phù hợp:

- Để hoàn thiện con người phẩm giá, con người lương tri của bản thân chúng ta có thể:
- + Đặt ra những quy chuẩn đạo đức và tuân theo những quy chuẩn đạo đức đã được đặt ra.
- + Học tập trau dồi thêm kiến thức để ngày một hoàn thiện.
- + Không cho phép bản thân làm điều trái với lương tâm, đạo đức.

.....

II. LÀM VĂN**Câu 1**

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

*** Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Thái độ biết xấu hổ của con người.

*** Bàn luận**

- Người biết xấu hổ là người tự ý thức được về chính bản thân mình. Tự suy ngẫm về những thứ được mất của bản thân mình trong cuộc sống. Giúp bản thân tự tin hơn trong cuộc sống và công việc, có thêm động lực để vươn đến tương lai.
- Người biết xấu hổ là người biết đánh giá năng lực của chính mình. Biết bản thân mình như thế nào, để tự điều chỉnh cho phù hợp cho công việc, sinh hoạt, học tập.

- Tự xấu hổ với những hành vi sai trái của mình, từ đó nhận ra được khuyết điểm, lỗi lầm của bản thân để sửa đổi là một điều vô cùng tốt. Việc tự xấu hổ về bản thân là một điều đáng quý mà trong xã hội hiện đại đang không ngừng bị phai nhạt.
- Biết xấu hổ người ta sẽ dễ biết cảm thông chia sẻ hơn, sống có lương tâm hơn, biết nghĩ cho người khác hơn. Biết xấu hổ là một trong những biểu hiện tốt thể hiện một con người có lòng tự trọng, có nhận thức đúng đắn về phẩm giá con người.
- Tuy nhiên, không nên để sự xấu hổ trở thành mặc cảm để rồi tự mình càng tạo ra khoảng cách xa hơn với mọi người. Biết xấu hổ nhưng rồi cũng chỉ để đẩy thì sự xấu hổ lại trở thành ý nghĩa tiêu cực.

*** Liên hệ và tổng kết vấn đề.**

Câu 2:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông chứa đựng sự suy tư và đậm chất triết lí.
- Bài thơ Đất Nước được trích từ trường ca Mặt đường khát vọng. Đây là một trong những thi phẩm tiêu biểu của nhà thơ với tư tưởng bào trùm tác phẩm: “Đất Nước của nhân dân”.
- Khái quát vấn đề: Cảm nhận về đoạn thơ. Từ đó bình luận về thông điệp mà tác giả gửi gắm trong đoạn trích.

II. Phân tích

1. Cảm nhận đoạn trích.

Trong anh và em hôm nay

Đều có 1 phần Đất Nước.

- Lâu nay, trong suy nghĩ của nhiều người, Đất nước, quê hương, tổ quốc, dân tộc... luôn là những khái niệm trừu tượng. Với Nguyễn Khoa Điềm, đất nước trong mỗi một con người, đất nước trong ta: *Trong anh và em ... Đất nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm...* Hay nói cách khác, đất nước không chỉ là không gian địa lý, thời gian lịch sử, chiều sâu văn hoá, tồn tại bên ngoài, đất nước còn là một phần trong anh, trong em, trong tất cả chúng ta. Chính chúng ta – là một phần làm nên Đất nước.

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn to lớn.

- Nói rõ ràng ra, đó là mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa mỗi một con người với Đất nước. Điều đó càng khẳng định thêm, sống trong Đất nước, chính là một phần Đất nước, do đó, mỗi cá nhân không thể chỉ biết ích kỷ sống cho riêng mình.

Em ơi em

Đất Nước là máu xương của mình

- “Đất Nước là máu xương của mình”: Máu xương là sự sống. Đất nước là máu xương có nghĩa là Đất nước tồn tại như một sự sống và để có sự sống ấy hẳn phải có rất nhiều hi sinh. Quả đúng như vậy, biết bao con người, bao thế hệ đã ngã xuống cho sự sống còn của Đất nước.

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời.

- Đất nước là điều thiêng liêng mà giản dị, vì thế mỗi một con người phải biết gắn bó và san sẻ. Gắn bó là yêu thương, là kết nối. Từ sự gắn bó ấy mới có thể san sẻ. San sẻ niềm vui, nỗi buồn, san sẻ cho nhau từng công việc, trách nhiệm, từ nhỏ đến lớn lao.

- Đất nước vĩ đại nhưng đất nước là một thực thể sống. Thực thể ấy không phải là sự tập hợp của những cá nhân rời rạc mà là một cộng đồng. Hoá thân cũng có nghĩa là dâng hiến. Thời chiến, dâng hiến là quyết tử cho tổ quốc quyết sinh. Thời bình, người ta dâng hiến sức lực, mồ hôi để đất nước thịnh cường, vẻ vang, và thêm giàu đẹp.

2. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

- Khi nói đến Đất Nước chúng ta thường nghĩ tới những thứ lớn lao, mang tính chính trị. Thế nhưng trong suy tưởng của Nguyễn Khoa Điềm, đất nước được nhìn ở rất nhiều góc độ gần gũi với con người.

+ Đất nước trong suy tưởng của Nguyễn Khoa Điềm là sự thống nhất riêng chung, là sự hòa hợp của mỗi cá thể. Trong chính mỗi con người, cá thể chính là một phần của đất nước.

+ Đất nước trong suy tưởng của Nguyễn Khoa Điềm chính là máu xương, sự sống của mỗi con người sống trong đất nước; từ đó gọi lên trách nhiệm của mỗi công dân với Đất nước.

+ Đất nước của nhân dân, do nhân dân dùng xương máu của mình gây dựng nên.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 5

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Chiếc vé tàu cũng hồi hộp như con
khi con về với mẹ
con lại ngồi vào chiếc chõng tre xưa
nơi mẹ vẫn ngồi khâu cha thường chẻ lạt
bao xa cách lấp bằng trong chốc lát
trăm cánh rừng về dưới giọt ranh thưa
xin mẹ lại cho con bắt đầu đi gánh nước
gánh bao nhiêu trong mắt để dành
xin mẹ lại cho con nấu bữa cơm mà không
cần giấu khỏi
để con được cảm ơn ngọn lửa nhà ta
ngọn lửa biết thay con tìm lời an ủi mẹ
vẫn chiếc dây phơi buộc ở đuôi kèo
vẫn ở đó giờ cao hơn với mẹ

hàng gạch lún giữa sân cơn mưa còn đọng
nước.
hôm nay con trở về nhà
chiếc vó nhện trên tường cũ vô cùng thân
thuộc
với một người từng chịu nỗi cách xa
họ chỉ cần đi ngược con đường đã làm nên xa
cách
là có thể về với mẹ được ngay
nhưng với một người lính như con
muốn gặp mẹ phải vượt lên phía trước
phải lách qua từng bước hiểm nghèo
ở trên đó bất ngờ con gặp mẹ
như con đang gặp mẹ bây giờ

<i>con phơi áo nghe hai đầu dây kẻ</i>	<i>bước chân con chưa kín mảnh sân nhà</i>
<i>thương quá những khi mưa con trai mẹ</i>	<i>phía biên giới lại những ngày súng nổ</i>
<i>vắng nhà</i>	<i>ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ</i>
<i>chiến tranh đi qua mẹ con mình</i>	<i>chúng con đến và đi trong suốt cuộc đời mình.</i>

([https://www.thivien.net/Hữu Thỉnh/Ngôi nhà của mẹ](https://www.thivien.net/Hữu+Thỉnh/Ngôi+nhà+của+mẹ))

Câu 1: (NB) Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: (TH) Chỉ ra những hình ảnh gần gũi, thân thuộc nơi “ngôi nhà của mẹ” mà người con đã bồi hồi bất gặp trong những ngày trở lại.

Câu 3: (TH) Vì sao với một người lính như con Muốn gặp mẹ phải vượt lên phía trước?

Câu 4: (VD) Cảm nhận của anh/chị về hai câu thơ: Ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ/ Chúng con đến và đi trong suốt cuộc đời mình.

II. LÀM VĂN 1

Câu 1: (VDC) Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của mình về ý nghĩa của những điều bình dị tốt đẹp trong cuộc sống.

Câu 2: (VDC)

“Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyển ấy ở rìng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một

cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó dầm dề ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu đành đấy, rồi lại bần tỉnh và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”.

(Trích Người lái đò Sông Đà, Nguyễn Tuân, SGK Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam).

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về sự độc đáo trong cách miêu tả Sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các thể thơ.

Cách giải:

Thơ tự do.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Những hình ảnh gần gũi, thân thuộc nơi “ngôi nhà của mẹ” mà người con đã bồi hồi bất gặp trong những ngày trở lại: chiếc chõng tre, hình ảnh mẹ ngồi khâu - cha ngồi chẻ lạt, giọt ranh thưa, làn nước trong mát, khói bếp, ngọn lửa, chiếc dây phơi buộc ở đuôi kèo, sân gạch lún đọng nước, vó nhện trên tường cũ, mảnh sân nhà.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

- Những người lính trên chiến trường luôn phải đối diện với mưa bom bão đạn; cái chết, sự hi sinh đến với họ chỉ trong gang tấc.

- Bởi vậy nên, muốn được gặp mẹ, tức là muốn được trở về bên mẹ, bên gia đình thân yêu, họ chỉ có một cách duy nhất là vượt lên trên những gian khổ, hi sinh trong chiến đấu.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

- Về nghệ thuật: so sánh (ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ, hình ảnh chiếc ga gọi bến dừng đỗ, nghỉ chân), ẩn dụ (chúng con đến và đi từ nhà ga ấy).
- Về nội dung: Cảm xúc của người con về ngôi nhà của mẹ (thực chất là về mẹ) một bến đỗ bình yên, êm ả, chan chứa yêu thương trên mỗi chặng đường chiến đấu của người lính.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

* Xác định vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của những điều bình dị tốt đẹp trong cuộc sống.

1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề

- Kết nối với nội dung đọc hiểu giới thiệu ý nghĩa của những điều tốt đẹp bình dị trong cuộc sống.
- Dẫn từ một số câu danh ngôn có liên quan để giới thiệu ý nghĩa của điều tốt đẹp bình dị.

3

Ví dụ: “Những điều lớn lao được tạo nên từ nhiều điều nhỏ nhất.” (Van Gogh, Danh họa người Hà Lan,)

2. Thân đoạn: Triển khai vấn đề

- Giải thích những điều tốt đẹp bình dị trong cuộc sống: là những giản dị, nhỏ bé trong cuộc sống nhưng có ý nghĩa tích cực, lớn lao đối với con người.
- Phân tích ý nghĩa của những điều tốt đẹp bình dị trong cuộc sống:
 - + Những điều tốt đẹp bình dị sẽ khơi dậy và bồi đắp cho chúng ta tình yêu và nghị lực vượt lên trên khó khăn trong cuộc sống.
 - + Những điều tốt đẹp bình dị sẽ thức tỉnh chúng ta về những giá trị sống mà mình đeo đuổi. Thành công, hạnh phúc không chỉ là những điều lớn lao, vĩ đại mà có khi bắt đầu từ những điều tốt đẹp nhỏ bé, bình dị.

- + Những điều tốt đẹp bình dị sẽ uơm mầm, vun đắp nên những giá trị lớn lao, góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp.
- Chọn và phân tích một số dẫn chứng để chứng minh ý nghĩa của những điều tốt đẹp bình dị.
- + Những câu chuyện sẽ chia sẻ ấm áp tình người về những kỉ niệm tuổi thơ, về gia đình, về cha, về mẹ
- + Những điều tốt đẹp bình dị mà mỗi người dành cho người thân và cho cả chính mình.
- + Những việc làm nhỏ bé và đầy ý nghĩa của con người dành cho thiên nhiên, cho môi trường sống xung quanh mình.
- Nêu phản đề: Có những người không biết trân trọng, nâng niu,... không biết tạo ra những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cần phải giáo dục, uốn nắn, thức tỉnh...

3. Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động

- Những điều tốt đẹp dù bé nhỏ, bình dị nhưng có ý nghĩa, giá trị lớn lao. Vì thế, mỗi người cần trân trọng, nâng niu và phát huy những điều tốt đẹp bình dị để góp sức làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp. - Định hướng nhận thức và hành động của bản thân học sinh.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Tuân là một cây bút tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác, các tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn để lại ấn tượng khó quên trong lòng người đọc.

- Người lái đò Sông Đà được trích từ tập Tùy bút Sông Đà là kết quả của chuyến đi thực tế Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc. Tại đây, ông đã cảm nhận được thiên nhiên vừa dữ dội vừa trữ tình cùng với chất vàng mười trong tâm hồn người dân nơi đây.

- Khái quát vấn đề: Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về sự độc đáo trong cách miêu tả Sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân. **II. Phân tích**

1. Phân tích đoạn trích – Vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà.

- Trước đó nhà văn đã khám phá và thể hiện vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội của Đà giang với cảnh đá bờ sông dựng vách thành, những cái hút nước hay những trùng vi thạch trận trên mặt sông... ở phương diện này sông Đà hiện lên như một thứ kẻ thù số 1 với tâm địa độc ác, nham hiểm luôn muốn tiêu diệt những người lái đò. Trong đoạn văn này nhà văn tập trung thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình độc đáo của con sông.

- Từ điểm nhìn trên cao, Sông Đà có vẻ đẹp duyên dáng, mềm mại, yêu kiều.

+ Sông Đà thướt tha, duyên dáng, đầy nữ tính như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc: Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân....

+ Sông Đà có sự thay đổi kì diệu màu nước theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng: Mùa xuân – “dòng xanh ngọc bích”; mùa thu – “nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ”.

- Từ điểm nhìn gần hơn – điểm nhìn của một người đi rừng lâu ngày bất ngờ gặp lại con sông, Sông Đà gợi cảm, Sông Đà “như một cố nhân”.

+ Sông Đà lung linh, thơ mộng, mang đậm vẻ đẹp Đường Thi.

+ Sông Đà gợi niềm vui, đem lại cảm giác “đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân” cho con người. - Hình tượng Sông Đà được cảm nhận bằng ngôn ngữ tinh tế, giàu chất thơ; câu văn nhịp nhàng; hình ảnh bay bổng, lãng mạn; sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh...tạo những liên tưởng độc đáo thú vị, làm nổi bật vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của dòng sông.

- Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của nhà văn.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo...

+ Sử dụng từ láy gợi hình gợi cảm.

+ Câu văn giàu nhịp điệu, ngôn ngữ trong sáng đậm chất thơ...

2. Nhận xét nét độc đáo trong cách miêu tả sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Nhà văn nhìn Sông Đà không chỉ là một dòng sông tự nhiên, vô tri vô giác mà còn là một sinh thể có sự sống, có tâm hồn, tình cảm. Với Nguyễn Tuân, sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Vẻ đẹp của Sông Đà hòa quyện vào vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc nên càng trở nên đặc biệt. ...
- Cách miêu tả độc đáo này cho thấy Nguyễn Tuân có sự gắn bó sâu nặng, tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên Tây Bắc, với quê hương đất nước, đồng thời cho thấy được ngòi bút tài hoa, uyên bác, lịch lãm của ông...

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com ĐỀ 6	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Ông già Noel hiện diện để phát quà cho trẻ em lễ Giáng sinh. Siêu nhân, anh hùng tồn tại để giải cứu thế giới. Một vài người sinh ra để lãnh đạo đất nước, chiến đấu cho hoà bình nhân loại, hay cống hiến vì thiên nhiên môi trường. Thế còn bạn, đã bao giờ tự hỏi “sứ mệnh” của mình là gì khi tồn tại trên cuộc đời này chưa? Tôi từng gặp nhiều bạn trẻ đang ngơ ngác đi tìm mục tiêu sống. Tôi cũng gặp cả những người thành công, giàu có nhưng vẫn mãi trăn trở với hai chữ “sứ mệnh”. Mỗi ngày lên mạng, đập vào mắt là vô vàn những slogan cổ vũ con người tiến lên, vô vàn những khoá học phát triển bản thân. Nhưng tiến đi đâu được, nếu ngay cả bản thân còn mơ hồ với đích đến? Sứ mệnh không phải món quà ai đó ngoài kia đến đặt vào tay bạn, cũng không phải là điều gì viễn vông, xa xôi ngoài tầm với. Bạn biết bạn là ai, có năng lực gì, điểm mạnh yếu là gì, bạn dùng năng lực để xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, và lấy chính những điều đó chia sẻ lại cho cộng đồng. Một ca sĩ có sứ mệnh dùng giọng hát của mình mang niềm vui cho người khác. Một người công nhân vệ sinh môi trường lại có sứ mệnh giúp xã hội sạch sẽ, đẹp đẽ hơn. Sứ mệnh vốn không phải thứ cao xa, không cần phải sao chép của bất cứ ai.

Bạn tìm được giá trị của mình và lan toả, thì đó là cống hiến, là làm tròn “sứ mệnh” của mình rồi.

(Trích *Đừng sợ mình sai, đừng tin mình đúng*, Night-fly,

NXB Phụ nữ Việt Nam, 2020, tr 46)

Câu 1: (NB) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (TH) Theo đoạn trích, thế nào là làm tròn “sứ mệnh” của mình?

Câu 3: (TH) Chỉ ra sự tương đồng và sự khác biệt giữa “sứ mệnh” của ông già Noel, siêu nhân, anh hùng với “sứ mệnh” của người ca sĩ, người công nhân vệ sinh môi trường được nêu trong đoạn trích.

Câu 4: (VD) Rút ra một thông điệp có ý nghĩa với anh/chị.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của việc xác định được “sứ mệnh” của mỗi người trong cuộc sống.

Câu 2: (VDC)

Em ơi em!

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn ngàn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng

Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Nhiều người đã trở thành anh hùng

Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ

Nhưng em biết không

Có biết bao người con gái, con trai

Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm

Không ai nhớ mặt đặt tên

(Trích Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12 Cơ bản, NXB GD 2008, tập 1, tr 122)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét quan niệm về người anh hùng của nhà thơ.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo đoạn trích: tìm được giá trị của mình và lan toả, thì đó là cống hiến, là làm tròn “sứ mệnh” của mình rồi.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

- Sự tương đồng: “sứ mệnh” của ông già Noel, siêu nhân, anh hùng và “sứ mệnh” của người ca sĩ, người công nhân đều là sống cống hiến, đem giá trị của mình để lan toả, phục vụ cho xã hội. Đó đều là những sứ mệnh đẹp đẽ, đáng được ngợi ca và trân trọng.
- Sự khác biệt: “sứ mệnh” của ông già Noel, anh hùng, siêu nhân mang tầm vóc lớn lao, cần có tài năng và sức mạnh phi thường để thực hiện; “sứ mệnh” của người ca sĩ, người công nhân khiêm nhường, lặng thầm, có thể thực hiện nhờ khả năng và sự cố gắng của bản thân.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày theo quan điểm của bản thân mình, có lý giải.

Gợi ý:

- Học sinh rút ra được một thông điệp từ đoạn trích và lí giải ngắn gọn ý nghĩa của thông điệp đối với bản thân:

+ Hãy xác định được sứ mệnh của bản thân vì nó giúp mỗi người nhận thức được mục tiêu, hướng đi đúng đắn trong cuộc đời

.....

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Sự cần thiết của việc xác định được “sứ mệnh” của mỗi người trong cuộc sống

2. Giải quyết vấn đề

- Giải thích: Sứ mệnh là vai trò, trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình và với cộng đồng.

- Bàn luận: Xác định được sứ mệnh giúp mỗi người nhận thức được mục tiêu, hướng đi đúng đắn trong cuộc đời. Đây chính là động lực, nguồn sức mạnh giúp con người không ngừng phấn đấu, phát huy năng lực bản thân, vượt qua những khó khăn trong cuộc sống để thành công và lan toả những giá trị tốt đẹp, cống hiến cho cộng đồng.

- Phản đề: Phê phán những người sống hời hợt, lạc lối, không ý thức được sứ mệnh của mình trong đời.

- Bài học nhận thức và hành động (học sinh nêu ngắn gọn bài học nhận thức và hành động)

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Phong cách nghệ thuật đậm chất triết lí, giàu chất suy tưởng.
- Đoạn trích Đất Nước nằm trong tập trường ca Mặt đường khát vọng của được viết trong thời kì chống Mỹ. Đoạn trích là cách định nghĩa mới mẻ về đất nước với tư tưởng bao trùm “Đất nước của nhân dân”. - Khái quát vấn đề: Hình tượng nhân dân trong dòng chảy lịch sử qua đoạn thơ; quan niệm về người anh hùng của nhà thơ.

II. Phân tích

1. Phân tích đoạn trích:

- Ba câu thơ đầu: Lời tâm tình thể hiện niềm tự hào của nhà thơ về truyền thống lịch sử đất nước.
 - + Với lời tâm tình, trò chuyện thể hiện rõ phong cách kết hợp giữa chính luận và trữ tình, nhà thơ đưa ta trở về quá khứ lịch sử hào hùng của dân tộc, bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, bốn nghìn năm hầu như không bao giờ nguội tắt ngọn lửa đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Những người đã làm nên bề dày lịch sử ấy chính là nhân dân.
- Sáu câu thơ tiếp: Nghĩ về bốn ngàn năm của đất nước, nhà thơ đã nhận thức một sự thật đó là : người làm nên lịch sử không chỉ là những anh hùng nổi tiếng mà còn là những con người vô danh bình dị
 - + Nhìn về quá khứ “rất xa” để thấy về sự đông đảo vô cùng của nhân dân, mỗi lớp người là một thế hệ đều cần cù dũng cảm, nối tiếp nhau hết thời này tới thời khác, cần cù làm lụng trong thời bình để dựng xây đất nước, “ra trận” và trở thành anh hùng khi đất nước có giặc ngoại xâm để đánh giặc giữ nước.
 - + Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta là một chủ nghĩa yêu nước, anh hùng tập thể, bất phân già trẻ, đàn ông hay đàn bà.
 - + Nguyễn Khoa Điềm đã hết lời ca ngợi và tôn vinh lòng yêu nước của nhân dân: Trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc, có biết bao lớp người con gái, con trai giống như lớp tuổi chúng ta bây giờ đã được nhà thơ khẳng định vai trò của họ đối với đất nước thật vô cùng to lớn. Họ chính là những con người bình thường, giản dị, nhưng có một tình cảm sâu đậm đối với đất nước. Khi đất nước lâm nguy, bị kẻ thù xâm chiếm, họ

tạm gác lại những tình cảm riêng tư, lên đường đi chiến đấu, đem máu xương của mình hiến dâng cho Tổ quốc.

- Chín câu thơ tiếp: Nhìn vào lịch sử bốn nghìn năm Đất Nước, nhà thơ không nhắc lại các triều đại, kể tên các bậc vua chúa hay những vị anh hùng dân tộc đã từng rạng danh sử sách, văn chương, mà biểu dương sự cống hiến của muôn vàn những con người bình thường trong việc xây dựng, vun đắp và bảo vệ Đất Nước.

+ Hình ảnh “người người lớp lớp”, “bốn nghìn lớp người” chính là biểu tượng cho đông đảo tầng lớp nhân dân kế tiếp nhau. Họ đều mang những đức tính chung của con người lao động như sự cần cù, chất phác và khi có giặc ngoại xâm thì sẵn sàng tự nguyện đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Nguyễn Khoa Điềm đã đề cập đến cách sống, cách nghĩ và tiếp tục khẳng định công lao của biết bao người con gái con trai – trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi.

+ “Họ” là đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số nhiều, không mang tính chất xác định, và trong đoạn thơ này, theo cách nhìn nhận của Nguyễn Khoa Điềm thì đó là nhân dân, những con người vô danh và đông đảo, là quá khứ – hiện tại – tương lai của cha ông xưa, của chúng ta hôm nay, của con cháu muôn đời sau. - Về nghệ thuật:

+ Thể thơ tự do

+ Sự hòa quyện giữa chất chính luận và chất trữ tình, giọng thơ ngọt ngào như lời thủ thỉ, tâm tình.

2. Nhận xét quan niệm về người anh hùng của nhà thơ.

- Biểu hiện:

+ Khi nói đến người anh hùng trong lịch sử, cả đoạn thơ không nói đến tên tuổi cụ thể của những anh hùng hào kiệt, cũng không nhắc đến các triều đại hoàng kim nào mà nhà thơ chỉ nói đến những người anh hùng vô danh bình dị- họ chính là nhân dân.

+ Dù sao con số các triều đại, các anh hùng cũng là hữu hạn, còn sự đóng góp của nhân dân, của những con người vô danh và vô hạn, thâm lặng và lớn lao. Họ đã lặng lẽ hiến dâng từ mồ hôi xương máu, từ tâm hồn trí tuệ cho đến tuổi xuân và hạnh phúc lứa đôi để làm nên đất nước.

- Ý nghĩa:

+ Tác giả hướng đến anh hùng là những người trẻ tuổi, bằng tuổi chúng ta để ca ngợi và nhắc nhở thế hệ trẻ kế thừa truyền thống của thế hệ trẻ đi trước, góp phần bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước trong tương lai.

+ Đặc biệt, nhà thơ ca ngợi anh hùng vô danh. Họ là những người không tên tuổi, họ từ nhân dân mà ra. Như vậy, quan niệm về người anh hùng của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã góp phần sáng tỏ tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” trong tiến trình lịch sử dân tộc, đồng thời đóng góp cho thơ kháng chiến chống Mỹ một tiếng nói ca ngợi vai trò to lớn của nhân dân.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com ĐỀ 7	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
---------------------------------	--

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Một con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén và trưởng thành con bướm biết bay. Một hạt giống nằm sâu trong lòng đất để nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày và trở thành cây cứng cáp.

Con tằm nào được người ta cắt vỏ kén chui ra mãi mãi bò quẩn quanh cái kén mà không bao giờ thành loài bướm biết bay.

Hạt giống nằm trên mặt đất dễ dàng nảy mầm nhưng sẽ bị bật gốc khi gặp cơn giông tố. Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống; rèn luyện cho mình khả năng chịu đựng và bản lĩnh ý chí qua thử thách, khó khăn, bất hạnh và cả thất bại. Thất bại, bất hạnh có thể là điều tuyệt vọng với người này nhưng có thể là may mắn với người khác- tùy vào cách chúng ta đón nhận bằng cách dùng cảm vượt qua hay tự thương thân trách phận mà gục ngã.

(Dẫn theo “Hạt giống tâm hồn” – Tập 1, Phần I)

Câu 1: (NB) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (TH) Theo tác giả, để trở thành “con bướm biết bay” và “trở thành cây cứng cáp”, con tằm và hạt giống phải trải qua những thử thách gì?

Câu 3: (TH) Theo anh/ chị vì sao tác giả lại cho rằng: Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống.

Câu 4: (VD) Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) về cách đối diện với thử thách của bản thân để thành công.

Câu 2: (VDC)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã văn cả. Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơ phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

(Trích Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 7,8)

Anh/ Chị hãy phân tích diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt đã học.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo tác giả, để trở thành “con bướm biết bay” và “trở thành cây cứng cáp”, con tằm và hạt giống phải trải qua những thử thách:

- Con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén.
- Hạt giống nằm sâu trong lòng đất để nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

Tác giả cho rằng “Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống” vì:

- Khi ta sinh ra, ta đã được đặt trong một hoàn cảnh nhất định nhưng quá trình trưởng thành của chúng ta chính là quá trình ta sẽ tạo dựng cho mình một hoàn cảnh mới mà cuộc đời ta muốn.
- Ta chọn mình sẽ là người như thế nào thì sẽ nỗ lực cho việc trở thành một người như vậy chứ không phải là tuân theo hoàn cảnh
- Cái mà xã hội đánh giá và nhìn vào là cách bạn sống thế nào, nỗ lực ra sao và vươn lên bằng cách nào. Cách sống như thế nào là tùy sự lựa chọn của mỗi người, nó làm thay đổi điểm xuất phát vốn có thể không được tốt đẹp.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách, nhưng làm nổi bật được giá trị của thử thách đối với sự thành công của mỗi con người.

- Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải đối mặt với không ít khó khăn thử thách, thất bại, bất hạnh.
- Khó khăn thử thách tôi luyện thêm tinh thần, ý chí, quyết tâm, lòng dũng cảm.
- Khó khăn thử thách giúp con người rút ra những bài học, những kinh nghiệm quý báu cho mình.
- Ý chí, quyết tâm, dũng cảm và những bài học, những kinh nghiệm là những yếu tố quyết định đến sự thành công.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Cách đối diện với thử thách của bản thân.

2. Giải quyết vấn đề:

* **Giải thích:** “Thử thách” là những tình huống, việc làm khó khăn, gian khổ, đòi hỏi con người có nghị lực, khả năng mới có thể vượt qua.

*** Bàn luận:**

- Cần phải có can đảm, để đối mặt với tất cả các loại khó khăn, thử thách bởi không có hoàn cảnh khó khăn nào mà không vượt qua được.

- Phải thực sự nắm bắt được cốt lõi của từng vấn đề, tìm thấy những điều quan trọng nhất đối với mình. Suy nghĩ tích cực để đối mặt với những khó khăn.

- Sẵn sàng để chấp nhận thay đổi, bình thản đối diện với cuộc đời. Cố gắng học hỏi, làm việc chăm chỉ, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cuối cùng sẽ có thể để có được những thành quả của thành công. => Dùng dẫn chứng để minh họa cho các ý trên

- Phê phán: Lối sống thiếu nghị lực, bản lĩnh, dựa dẫm...

* **Bài học:** Khó khăn, thử thách chính là môi trường rèn luyện, tôi luyện ý chí con người.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Tô Hoài rất am hiểu phong tục tập quán của người dân miền núi, biệt tài phân tích tâm lý nhân vật và lời văn đậm chất khẩu ngữ.

- Vợ chồng A Phủ là sản phẩm của chuyến đi thực tế của ông cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc.
- Khái quát vấn đề: Phân tích diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tỉnh táo khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

II. Phân tích

1. Cảm nhận về đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích.

a. Những yếu tố ngoại cảnh tác động tới sự hồi sinh của Mị:

- Cảnh thiên nhiên Hồng Ngài bắt đầu vào xuân- cỏ gianh vàng ửng, gió rét dịu...;
- Cảnh sinh hoạt của các làng Mèo đỏ với những chiếc váy hoa đem phơi ở các mỏm đá, tiếng trẻ con nô đùa trước sân...
- Đặc biệt là âm thanh tiếng sáo ở đầu núi rủ bạn đi chơi...

b. Men rượu và tiếng sáo đã dẫn đến sự hồi sinh thực sự ở Mị.

b.1. Mị lén lấy hũ rượu uống ực từng bát:

- Nhà thống lí coi Mị chỉ như con trâu, con ngựa. Nhưng bằng hành động uống rượu này, Mị đã ý thức và tự khẳng định mình là một con người có quyền như mọi người trong nhà thống lí...
- Cách uống rượu “ực” từng bát ấy là một dạng thức của sự phản đời, hận đời của một con người đã ý thức sâu sắc bị kịch đời mình.
- Cách uống rượu của Mị chứa đựng đầy sự phản kháng. Mị uống rượu như nuốt hờn, nuốt tủi, nén giận vào lòng. => Mị uống rượu mà như uống những cay đắng của phần đời đã qua và những khát khao của phần đời chưa tới.
- Men rượu và hơi xuân khiến người đàn bà không còn liên hệ gì với cuộc sống, không còn liên hệ gì với quá khứ nay bỗng “lịm mặt ngồi đây... nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước”.

b2. Song, có tác dụng nhiều nhất trong sự hồi sinh của Mị vẫn là tiếng sáo.

- Khi tiếng sáo vọng lại, Mị không chỉ nghe mà còn hình dung rõ đôi lứa tình yêu qua tiếng sáo: “Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi”.
- => Điều đó chứng tỏ người đàn bà lâu nay dửng dưng, âm thầm giờ đây đã thoát khỏi trạng thái vô cảm, thờ ơ.

- Mị còn cảm nhận được sắc thái thiết tha, bồi hồi của tiếng sáo. Nhận ra sự rạo rực, đắm say của người thổi sáo. Thậm chí Mị còn ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi. Bằng cách ấy Mị đã trở về với quá khứ.

- Tiếng sáo đã làm thức tỉnh con người tâm linh trong Mị. Mị nhớ lại kỉ niệm đẹp ngày xưa, uống rượu bên bếp và thổi sáo, Mị thấy phơi phới trở lại, đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước.

- Tiếng sáo đã đưa Mị từ cõi quên về cõi nhớ. Đã dịu hồn Mị trở về với nỗi khao khát, yêu thương. Mị ý thức được Mị vẫn trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ, Mị muốn đi chơi.

b.3. Thế nhưng, bên cạnh cái khát khao, náo nức về sự tái sinh thì ở Mị vẫn đầy lo lắng, day dứt, tủi hờn về thân phận: lòng phơi phới mà vẫn theo quán tính, Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng.

- Hình ảnh cái buồng kín chỉ có một cửa sổ, một lỗ vuông bằng bàn tay cứ trở đi trở lại trong tác phẩm đã tô đậm thân phận nô lệ, tù nhân của Mị...

- Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy bao nhiêu thì Mị lại phần uất bấy nhiêu. Phần uất và đau khổ cho thân phận và số phận trở trêu đầy bi kịch: A Sử với Mị không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau.

- Nhận thức được số phận bi kịch ấy chưa xót đến mức Mị lại muốn chết để thoát khỏi cuộc sống đầy đọa, đau khổ ở nhà thống lí: “Nếu có năm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa”

5

=> Nghĩ đến cái chết là Mị đã phản kháng quyết liệt lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Đó chính là khi sức sống tiềm tàng đã thức tỉnh...

- Và rồi ngay trong lúc lòng đầy phần uất ấy, “tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường”.

+ Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, dịu hồn Mị theo những đám chơi.

+ Đến đây, khát vọng sống tự do, khát vọng tình yêu được đẩy lên đến cao độ trong Mị.

=> Tâm hồn Mị diễn biến rất phức tạp trong quá trình thức tỉnh, nổi loạn. Mị đang sống trong nghịch lí giữa thân phận con dâu gặt nợ và niềm vui phơi phới muốn đi chơi Tết.

b.4. Ý nghĩa của hình tượng Mị trong đoạn trích

- Thông qua nhân vật Mị trong đoạn trích, nhà văn đã khám phá, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người

- Thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt.

- Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người.
- Chính những nội dung trên của đoạn trích đã góp phần đem đến cho Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài những giá trị nhân đạo sâu sắc.

2. Nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài.

- Diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân của Mị được nhà văn khéo léo thể hiện bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, ngôn ngữ biểu cảm.

- Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tinh tế, rất phù hợp với tính cách của người con gái Mông vốn giàu sức sống.

- Nhà văn sử dụng nhiều yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình, bữa cơm đón năm mới... Tất cả đã hoá thành những tiếng gọi đánh thức ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức niềm khao khát một cuộc sống tự do và khao khát tình yêu của Mị.

- Với sở trường phân tích tâm lí tinh tế, ngòi bút tác giả đã lách sâu vào đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách nhân vật Mị; diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những trạng thái đột biến trong tâm trạng Mị.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) Và dần dà, tôi nhận ra, cuộc sống cũng như game, luôn bày ra trước mắt ta rất nhiều thử thách. Và mỗi người chơi đều có một chỉ số sức khỏe và năng lượng khác nhau giúp họ học tập và làm việc. Nếu muốn lên cấp, bạn phải rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm bằng việc làm nhiệm vụ hay còn gọi là vượt chướng ngại vật. Cấp độ mình càng tăng thì độ khó của chướng ngại vật cũng tăng theo. Nhưng cứ không ngừng rèn luyện và tích lũy, chơi đúng luật chơi của cuộc đời, rồi bạn sẽ là người chiến thắng

(2) Cũng giống như game, trong cuộc sống, chúng ta cần có đồng đội. Đồng đội giúp cho mình không cảm thấy cô đơn và có đủ bản lĩnh để vượt qua thách thức. Sau này tôi đã

mở công ty, giống như thành lập hội nhóm trong game để cùng nhau rèn luyện và phát triển. Và tôi đã có được chỉ số sức khỏe tuyệt vời với một trái tim khỏe mạnh, mức năng lượng luôn trong trạng thái đầy ắp vì luôn biết cách làm tăng năng lượng và tận hưởng cuộc sống như một cuộc chơi.

(3) Cũng giống như game, cuộc sống cũng có phần thưởng. Phần thưởng của người thắng cuộc là một cuộc sống hạnh phúc, vui vẻ, ý nghĩa và thành công.

(4) Còn luật chơi là gì? Bất mí cho bạn biết nhé: đó là thành thật, đạo đức, hồn nhiên và tích cực. Chúc bạn thành công!

(Hãy sống như chơi - trích Không có định quả cao,

Phan Văn Trường và nhiều tác giả, NXB Trẻ)

Câu 1: (NB) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: (TH) Theo đoạn trích, cuộc sống và game có những điểm nào tương đồng?

Câu 3: (TH) Nêu tác dụng của phép điệp cấu trúc trong đoạn văn số (2) và (3).

Câu 4: (VD) Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: cứ không ngừng rèn luyện và tích lũy, chơi đúng luật chơi của cuộc đời, rồi bạn sẽ là người chiến thắng hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải có tinh thần đồng đội trong cuộc sống.

Câu 2: (VDC)

Phân tích đoạn thơ sau:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương, xay, giã, dần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

(Trích *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm, SGK Ngữ Văn 12, Tập 1, tr 118)

Từ đó, nhận xét về cách vận dụng chất liệu dân gian của tác giả trong đoạn trích.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Cuộc đời cũng giống như game ở điểm: thử thách, đồng đội và phần thưởng.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

Gợi ý:

- Điệp cấu trúc: Cũng giống như game, cuộc sống....
- Tác dụng:
 - + Nhấn mạnh những điểm tương đồng giữa game và cuộc sống.
 - + Giúp người đọc dễ hình dung, dễ hiểu.
 - + Tạo nhịp điệu cho bài viết.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

- *Học sinh có thể đưa ra quan điểm của bản thân mình, có lý giải.*
- Đồng tình với quan điểm.
- Vì khi ta không ngừng nỗ lực, cố gắng, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách thì ta sẽ đạt được "phần thưởng", sẽ được thành công.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Sự cần thiết phải có tinh thần đồng đội trong cuộc sống.

2. Giải quyết vấn đề

- Giải thích:

+ Tinh thần đồng đội: là sự đoàn kết, gắn bó, sẻ chia để vượt qua những khó khăn, thử thách.

+ Tinh thần đồng đội là yếu tố vô cùng cần thiết đối với con người.

- Bàn luận:

+ Vì sao chúng ta cần phải có tinh thần đồng đội?

Tinh thần đồng đội giúp nâng cao tinh thần đoàn kết.

Tinh thần đồng đội giúp gắn bó giữa các thành viên, giúp mọi người thấu hiểu nhau hơn.

Tinh thần đồng đội còn khơi gợi, kích thích sự sáng tạo.

...

+ Dẫn chứng: Học sinh tự lấy ví dụ minh họa.

- Phê phán những kẻ sống chia bè kéo cánh, không biết giúp đỡ, chia sẻ.

- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Phong cách nghệ thuật đậm chất triết lý, giàu chất suy tưởng.

- Đoạn trích Đất Nước nằm trong tập trường ca Mặt đường khát vọng của được viết trong thời kì chống Mỹ. Đoạn trích là cách định nghĩa mới mẻ về đất nước với tư tưởng bao trùm “Đất nước của nhân dân”.

- Khái quát vấn đề: Phân tích đoạn thơ trong Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm từ đó nhận xét về cách vận dụng chất liệu dân gian của tác giả trong đoạn trích.

II. Phân tích

1. Cảm nhận về nội dung đoạn trích.

- Đoạn thơ thể hiện cảm nhận tinh tế, sâu sắc của Nguyễn Khoa Điềm về nguồn cội xa xưa và quá trình sinh thành lâu dài của Đất Nước: Đất nước được tạo dựng, bồi đắp qua nhiều thế hệ, được truyền nối từ đời này sang đời khác. Đất nước có trong những cái ngày xưa ngày xưa, từ khi dân mình biết làm ra cái nhà để ở, hạt gạo để ăn...

- Đất Nước dung dị, gần gũi trong muôn mặt đời thường. Đất Nước không phải là những gì xa xôi trừu tượng mà ở ngay trong cuộc sống bình dị của mỗi con người. Đất Nước hiện hình qua câu chuyện của mẹ, miếng trầu của bà, rặng tre bên đường, căn nhà mái rạ, cái kèo cái cột, hạt gạo

- Đất Nước có chiều sâu lịch sử và bề dày văn hóa: Gắn với những thuần phong mỹ tục (tục ăn trầu, tục người phụ nữ bới tóc sau đầu), lối sống ân nghĩa thủy chung, giàu truyền thống đánh giặc giữ nước, truyền thống lao động cần cù, chịu thương chịu khó, một năng hai sương.

- Suy tư, chiêm nghiệm về Đất Nước, tác giả đã bày tỏ tình yêu nồng nàn đối với Đất Nước. Từ đó khơi thức ở người đọc niềm tự hào về một Đất Nước vừa thân thương gần gũi vừa cao cả thiêng liêng, một Đất Nước bao dung hiền hậu, thủy chung nghĩa tình nhưng cũng vô cùng quyết liệt khi chống quân xâm lược.

+ Khái quát nghệ thuật: Thể thơ tự do; giọng điệu trò chuyện thủ thỉ, nhẹ nhàng, ngọt ngào, tha thiết, lắng sâu; vận dụng khéo léo chất liệu văn học dân gian; ngôn ngữ giản dị; đậm chất trữ tình chính luận.

2. Cách vận dụng chất liệu dân gian trong thơ Nguyễn Khoa Điềm.

- Chất liệu dân gian được sử dụng rất đa dạng, phong phú, tất cả đều gần gũi, quen thuộc với mỗi con người Việt Nam.

+ Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, giần, sàng, hòn than, con cúi,...).

+ Có ca dao, dân ca, tục ngữ, truyền thuyết, cổ tích.

- Cách vận dụng độc đáo, sáng tạo:

+ Vận dụng ca dao, tục ngữ nhưng dẫn dắt khéo léo, khi lấy nguyên vẹn toàn bài khi chỉ mượn ý mượn tứ để khẳng định, tôn vinh những nét đẹp trong sinh hoạt và tâm hồn con

người Việt Nam. Đó là sự chăm chỉ chịu thương, chịu khó; là tấm lòng thủy chung son sắt trong tình yêu; là sự duyên dáng, ý nhị trong từng lời ăn tiếng nói...

+ "Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn" lấy ý từ bài ca dao "Tay nâng chén muối đĩa gừng/ Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau" hay "Muối ba năm muối hãy còn mặn, gừng chín tháng gừng hãy còn cay/ Đôi ta tình nặng nghĩa dày/ Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa" - "Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng"

...

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Trong cuộc sống, rất may hầu hết chúng ta được quyền lựa chọn theo ý mình, và chính sự chọn lựa của ta mới mang đến những kết quả ý nghĩa. Có thể không phải lúc nào chúng ta cũng hành động đúng đôi khi chúng ta có thể cảm thấy là mình không còn sự lựa chọn nào khác. Chúng ta buộc phải hành động như thế và chỉ có cách ấy. Nhưng thường thì chúng ta có quyền lựa chọn. Khi nhận ra hầu hết những điều mình làm đều do lựa chọn, lúc đó chúng ta mới có thể kiểm soát được cuộc sống của chính mình.

Bạn hãy thử trải nghiệm những điều sau đây xem sao. Trong 48 giờ kế tiếp, hãy loại bỏ các từ "tôi phải" ra khỏi vốn từ của bạn và thay thế bằng "tôi sẽ". Đừng nói: "Tôi nay tôi phải làm việc khuya", thay vào đó, hãy nói: "Tôi sẽ làm việc khuya". Khi bạn chọn làm một điều gì đó tức là bạn đang kiểm soát được cuộc sống của mình. Thay vì nói: "Tôi phải ở nhà", hãy nói: "Tôi muốn ở nhà". Sử dụng thời gian có ý nghĩa chính mình là lựa chọn khôn khéo. Bạn là người chịu trách nhiệm. Bạn nắm quyền kiểm soát cuộc đời mình — không ai khác ngoài bạn.

Trong cuộc sống những điều mà chúng ta buộc phải làm thật ra không nhiều. Bạn và tôi chọn làm một số việc bởi vì chúng ta tin rằng đó là điều tốt nhất. Khi loại bỏ cụm từ "tôi phải" khỏi kho từ vựng của mình, chúng ta đã nắm được quyền kiểm soát nhiều hơn.

(Sự lựa chọn của bạn, Steve Goodier, Sự mâu thuẫn của lòng quan tâm,

NXB Phụ nữ, 2010, tr.73-74)

Câu 1 (NB): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (TH): Theo đoạn trích khi nào thì chúng ta có thể kiểm soát được cuộc sống của chính mình?

Câu 3 (TH): Anh/ chị hiểu như thế nào là “quyền lựa chọn” được nhắc đến trong đoạn trích?

Câu 4 (VD): Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: “Khi loại bỏ cụm từ “tôi phải” khỏi kho từ vựng của mình, chúng ta đã nắm được quyền kiểm soát nhiều hơn” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN.

Câu 1 (VDC): Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của việc tự chịu trách nhiệm về những việc làm của bản thân.

Câu 2 (VDC)

“...Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh thế, Mị chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy. Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc đó bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó. Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...”

Lúc ấy, trong nhà tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng. Mị chỉ thì thào được một tiếng “Đi ngay...”, rồi Mị nghen lại. A Phủ bỗng khuyu xuống không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi.

(Trích Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập 2,
Nxb Giáo dục Việt Nam, 2018, tr13,14)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị. Từ đó, nhận xét ngắn gọn về giá trị nhân đạo được Tô Hoài gửi gắm trong đoạn trích trên.

2

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng những kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc kỹ tìm ý.

Cách giải:

Chúng ta có thể kiểm soát cuộc sống của chính mình khi: những điều mình làm đều do lựa chọn.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải.

Cách giải:

"Quyền lựa chọn" trong đoạn trích có thể hiểu là:

- + Ta được phép tự lựa chọn những điều ta muốn làm, muốn thực hiện.
- + Ta làm lựa chọn nó một cách chủ động.
- + Ta lựa chọn trong tâm thế yêu thích, chứ không phải bắt buộc.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh nêu quan điểm của bản thân mình, có lý giải cụ thể, phù hợp.

Gợi ý:

- Đồng tình với quan điểm.

- Vì:

+ Khi ta "lựa chọn" tức quyền chủ động thuộc về mình. Ta muốn làm gì, làm như thế nào đều do ta quyết định. Khi ấy ta được tự chủ.

+ Khi ta "phải làm" tức là ta bị tước quyền chủ động, thực hiện công việc theo mệnh lệnh, khi đó ta sẽ làm trong tâm thế bị ép buộc, không hứng thú.

=> Bởi vậy, khi loại bỏ được cụm từ "tôi phải" ra khỏi từ điển thì khi đó quyền kiểm soát cuộc sống sẽ thuộc về chính bạn.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Viết đúng một đoạn văn nghị luận xã hội theo cấu trúc.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

- Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa của việc tự chịu trách nhiệm về những việc làm của bản thân.

- Giải thích:

+ Tự chịu trách nhiệm được hiểu là chúng ta dám đứng ra nhận lỗi với những việc làm sai, biết lên kế hoạch cho cuộc sống của mình, không lệ thuộc, phụ thuộc hay trông chờ vào người khác.

- Bàn luận:

+ Tự chịu trách nhiệm về bản thân sẽ giúp chúng ta có các nhìn đúng đắn và khắc khe đối với bản thân từ đó khắc phục được những khuyết điểm của mình và tốt hơn từng ngày.

+ Người biết tự hoàn thiện bản thân là những người không ngừng nỗ lực học tập, tích lũy, tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau, biết nhìn nhận vào những lỗi sai của mình, từ đó rút ra bài học và khắc phục. Họ cũng là những người có ý thức vươn lên trong cuộc sống, sống có đam mê và cố gắng theo đuổi đam mê đó.

- Phê phán những người sống ỷ lại, phụ thuộc, không dám nhận lỗi.
- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

*** Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với hiểu biết sâu rộng đặc biệt là phong tục tập quán trong sinh hoạt đời thường của người dân miền núi kết hợp với ngôn ngữ phong phú, giàu chất biểu đạt, đậm chất khẩu ngữ, Tô Hoài đã để lại một kho tàng tác phẩm hết sức phong phú.

- Vợ chồng A Phủ là kết quả của chuyến đi thực tế dài 8 tháng của Tô Hoài lên vùng núi Tây Bắc, cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Tác phẩm đã tái hiện cuộc sống khổ cực tăm tối của con người trong giai đoạn này dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. Đồng thời bày tỏ thái độ trân trọng đối với sức mạnh tiềm tàng trong con người nơi đây.

* **Khái quát vấn đề nghị luận:** Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị. Từ đó, nhận xét ngắn gọn về giá trị nhân đạo được Tô Hoài gửi gắm.

II. Phân tích:

1. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị.

a. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích được trích ở phần cuối của tác phẩm. Đây là diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm Đông khi chứng kiến cảnh A Phủ bị trói và hành động giải thoát cho A Phủ và cho chính mình của nhân vật Mị.

b. Giới thiệu khái quát về nhân vật Mị:

- Mị vốn là một cô gái trẻ, đẹp, một bông hoa rừng ngát hương có khát vọng tự do, khát vọng hạnh phúc.
- Mị là một cô gái hiếu thảo (xin trả nợ thay bố, vì cha sẵn sàng đánh đổi cả hạnh phúc đời mình)
- Thế nhưng bi kịch xảy ra từ khi Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lý Pá Tra.
- + Cô có cuộc sống tăm tối, lúc nào cũng lủi lủi ở xó cửa, làm việc ngày đêm như con trâu con ngựa nhưng cô không hề phản kháng. -> Bị bóc lột thể xác, tê liệt tinh thần.
- + Sự thức tỉnh của Mị trong đêm tình mùa xuân, tuy ngay lập tức bị A Sử dập tắt nhưng đã bước đầu tạo tiền đề cho hành động của Mị trong đêm Đông.

c. Diễn biến tâm lý của Mị trong đêm Đông cởi trói cho A Phủ.

*** Bối cảnh gặp gỡ:**

- A Phủ là người ở gạt nợ trong nhà của thống lý Pá tra.
- + Quanh năm bôn ba, rong ruổi ở ngoài gò, ngoài rừng.
- + Năm ấy đói rừng -> Để hổ bắt mất một con bò cho nên A Phủ đã phải lãnh hậu quả nặng nề. A Phủ bị trói đứng vào cây cột trong góc nhà.
- Mị: Sau đêm tình mùa xuân -> Rơi vào trạng thái chết tinh thần -> Trạng thái nặng nề hơn trước.
- + Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn -> Mị không ngủ được, trở dậy thổi lửa để hơ tay, hơ lưng không biết bao nhiêu lần. Chỉ chớp mắt từng lúc rồi dậy để sưởi lửa suốt đêm -> Mị chỉ quan tâm đến ngọn lửa để xua tan lạnh lẽo về thể xác và băng giá trong tâm hồn.
- + Có đêm A Sử về đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp, đêm sau Mị vẫn dậy để sưởi lửa.
- + Trong những đêm A Sử xuất hiện trong tình thế bị trói đứng trên cây cột trong góc nhà -> Khi Mị thổi ngọn lửa bùng lên thì A Phủ đang đứng trong góc nhà thêm thiếp đi như một phản xạ tự nhiên, A Phủ mở mắt trừng trừng. Cùng lúc ấy, Mị nhìn sang mới biết là A Phủ còn sống nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Thậm chí nếu A Phủ là xác chết đứng đấy với Mị cũng thế thôi. -> Sự vô cảm của Mị xuất phát từ hai lý do: Một là,

cảnh trối người đến chết đã từng xảy ra không quá lạ lẫm với Mị. Hai là, sự tê liệt trong đời sống tâm hồn Mị đã lên đến đỉnh điểm. Mị chỉ còn biết chỉ ở với ngọn lửa.

*** Sự thức tỉnh, hồi sinh:**

5

(+) Nguyên nhân: Đêm ấy, Mị lại dậy thổi lửa vào lúc đã khuya mọi người trong nhà đã ngủ yên, Mị lại trở dậy thổi lửa, Mị thấy A Phủ cũng vừa mở mắt. Mị thấy một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ. -> Mị bừng tỉnh từ cõi quên trở về với cõi nhớ, từ cõi vô thức, Mị đã sống lại ý thức.

(+) Diễn biến tâm lý:

- “Dòng nước mắt lấp lánh”: Mị sống lại kí ức đau khổ trong một trường liên tưởng tương đồng hết sức tự nhiên. Nhớ lại năm xưa và nhận ra sự giống nhau đến kì lạ giữa hai người.

+ Cùng là thân phận người làm không công – trâu ngựa cho gia đình thống lý.

+ Cùng bị đối xử tàn tệ, bị trói đứng vào cây cột trong góc nhà. Chỉ khác Mị bị trói bằng một thừng sợi dây đay do chính tay Mị tước chỉ trong một đêm nhưng lại là đêm tình mùa xuân còn A Phủ bị trói bằng dây mây do chính A Phủ chuẩn bị trong nhiều đêm mùa đông.

+ Cuối cùng chảy tràn những giọt nước mắt đau đớn và bất lực. Mị nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ mà không lau đi được. -> Thức dậy tình thương: Thương thân rồi đến thương cho người trong sự đồng cảnh và đồng cảm.

- Xuất phát từ hình ảnh hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ. Dấu hiệu cái chết đang đến rất gần. Thần chết đang bắt đầu những nét vẽ đầu tiên trên gương mặt của A Phủ. Mị nhớ lại người đàn bà ngày trước đã chết ở nhà này -> Mị phán đoán: “Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết: Chết đau, chết đói, chết rét, phải chết”. Đó là sự tất yếu khi học làm thân trâu ngựa cho nhà thống lý. -> Chúng nó thật độc ác. -> Tình thương người đang lớn dần.

- Từ liên tưởng tương đồng thì dẫn tới liên tưởng so sánh, tương phản giữa Mị và A Phủ.

+ Mị nghĩ về chính mình: Ta là thân đàn bà – sự ảnh hưởng nặng nề tư tưởng nam quyền. Lại bị cúng trình ma – Mang thân phận con dâu gặt nợ bị trói buộc, tư tưởng thần quyền chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây mà thôi - > Vĩnh viễn không có tự do.

+ Mị so sánh với A Phủ: A Phủ khác với Mị, là một chàng trai khỏe mạnh, ưu tú. Đặc biệt anh ta chỉ là người ở gặt nợ nghĩa là anh ta vẫn còn cơ hội tự do. Cái chết rất phi lý rất

đáng tiếc: “Người kia việc gì mà phải chết”. -> Cái tình thương người lớn dần, lấn át cả thương thân -> Người ta chết là đáng tiếc, đáng thương.

- Mị rơi vào tình huống trải nghiệm tưởng tượng: Biết đâu A Phủ trốn thoát, bố con nhà thống lý sẽ bảo Mị cời trói cho A Phủ và kết tội Mị, xử tội Mị bắt Mị phải trói thay và chết thay trên cây cột kia. Cái chết ấy vô cùng đau đớn, chết từ từ trong cảm giác đau đớn và rét. Thế mà Mị không hề sợ -> Tình thương người lấn át nỗi thương thân.

- Mị quyết định hành động táo bạo vì đám tha vạc hắt lửa khiến cho trong nhà tối bùng. Bóng tối triuwer thành đồng minh rất an toàn của Mị, hậu thuẫn cho Mị. Mị lấy con dao cắt lúa để cắt dây mây cời trói cho A Phủ. -> Hành động quyết liệt cắt dây cời trói cho A Phủ cũng có nghĩa là cắt đi sợi dây trói buộc, ràng buộc sợi dây cương quyền và thần quyền của Mị.

- Sau khi lần gỡ hết những vòng dây mây trên người A Phủ -> Mị trở nên hốt hoảng. Tình thương người được giải tỏa, chỉ còn lại nỗi thương thân -> thức dậy nỗi sợ hãi nhất là khi A Phủ đi rồi nghĩa là cái chết đang đến rất gần với Mị.

- “Mị đứng lặng trong bóng tối” Câu văn được tách ra đứng độc lập thành đoạn văn -> Có sức dồn chứa đấu tranh, giằng co. Nếu ở lại đồng nghĩa với việc Mị phải chờ cái chết khủng khiếp sắp đến. Nếu ra đi thì Mị phải liều lĩnh đối mặt với cương quyền, thần quyền -> nỗi sợ -> thôi thúc bản năng tự vệ tích cực -> quyết định vùng chạy, băng đi trong bóng tối -> quyết liệt tìm đường sống cho mình.

- Mị đuổi kịp A Phủ, Mị vừa mới, vừa thở trong hơi gió thốc lạnh buốt. “A Phủ cho tôi đi. Ở đây thì chết mất”. Sau bao nhiêu năm tháng câm lặng, câu nói đầu tiên của Mị là câu nói xin được giải cứu, quyết liệt tìm đường sống. -> Trước lời đề nghị của Mị, A Phủ đã đáp lời bằng một câu rất gọn chắt “Đi với tôi”. A Phủ thốt ra câu nói trong tình thế kiệt sức không chắc, không biết có đi nổi không; Bị động không hề có kế hoạch trốn thoát từ trước mà bản thân không biết sẽ đi đâu. Thế nhưng câu trả lời Mị vẫn đầy tự tin thể hiện sự mạnh mẽ truyền niềm tin và sức mạnh cho Mị.

- Hai người lẳng lặng đỡ nhau loạng choạng chạy xuống dốc núi. Họ đang phải nương tựa vào nhau khi A Phủ có sức mạnh tinh thần còn Mị mang sức mạnh thể chất.

-> Hai người đang chấp chới những cánh bay mở đầu giúp họ đi từ thung lũng đau thương ra đến cánh đồng vui.

- Hai người đã đến với mảnh đất Phiềng Sa nên vợ nên chồng, cùng nhau xây dựng tổ ấm hạnh phúc. Họ cùng tham gia du kích để không chỉ có thể giải phóng hoàn toàn cuộc đời chính họ mà còn quay trở lại để giải phóng bản làng quê hương.

=> Hành động dù là tự phát nhưng lại mang ý nghĩa rất tích cực: Là sự vỡ bờ khi quá tức nước, là sự vùng dậy đấu tranh để tự cứu mình. Đó là con đường tất yếu, duy nhất để họ có thể thoát khỏi chốn địa ngục trần gian, để học có cơ hội tìm được hạnh phúc.

2. Nhận xét về giá trị nhân đạo được Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích.

+ Đồng cảm, xót thương với số phận khổ đau của nhân vật A Phủ dưới ách áp bức của giai cấp thống trị miền núi.

+ Lên án, phê phán mạnh mẽ giai cấp thống trị miền núi đã đẩy con người vào tình cảnh khốn cùng.

+ Phát hiện, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của A Phủ.

+ Tìm hướng giải thoát cho cuộc đời nhân vật: dũng cảm đứng lên chống lại cường quyền, tiền quyền, thần quyền để giải phóng bản thân; tham gia du kích.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề được đặt ra ở đầu bài.

.com ĐỀ 10	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
-----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Một người trẻ nói: “Tôi vốn quen sống ngẫu hứng, tôi muốn được tự do. Kỷ luật không cho cuộc sống của tôi điều gì”. Bạn có biết khi quan tâm quá nhiều đến điều có thể nhận được sẽ khiến bản thân mê đắm trong những điều phù phiếm trước mắt. Kỷ luật chính là đôi cánh lớn nâng bạn bay lên cao và xa. Người lính trong quân đội được học từ những điều cơ bản nhất của kỷ luật như đi ngủ và thức dậy đúng giờ, ăn cơm đúng bữa, gấp quân trang đúng cách,... cho đến những kỷ luật cao hơn như tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh cấp trên, đoàn kết trong tập thể.... Tất cả những điều đó để hướng tới một mục đích cao hơn là thao trường đổ mồ hôi chiến trường bớt đổ máu, là tất cả phục vụ vì nhân dân vì đất nước. Đó là lý tưởng của họ. Thành công đến cùng tinh kỷ luật tạo dựng sự bền vững lâu dài. Kỷ luật là sự huấn luyện nghiêm khắc mang đến cho bạn rất nhiều thứ. Đó là niềm đam mê, sự quyết tâm, tinh thần không bỏ cuộc. Nó giúp bạn giữ vững cảm hứng

hoàn thành ý tưởng ban đầu, can đảm thực hiện tới cùng. Không những vậy, kỷ luật còn là người thầy lớn hướng dẫn từng bước đi của bạn. Người thầy luôn đặt ra những thử thách rèn bản thân sống có nguyên tắc hơn nhắc nhở bản thân từ mục đích ban đầu khi ra bước đi là gì. Kỷ luật không lấy đi của bạn thứ gì nó đem đến cho bạn nhiều hơn những điều bạn tưởng.

(Nguồn: <https://www.ctgroupvietnam.com/Tin-Tuc/cau-chuyen-cuoi-tuan-suc-manh-cua-tinh-ky-luat>)

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2 (TH). Theo văn bản, tính kỷ luật mang đến cho bạn những lợi ích nào?

Câu 3 (TH). Vì sao tác giả cho rằng: Kỷ luật còn là người thầy lớn hướng dẫn từng bước đi của bạn?

Câu 4 (VD). Anh /chị rút ra được những bài học gì từ quan điểm của người viết?

II. LÀM VĂN.

Câu 1 (VDC). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của tính kỷ luật trong cuộc sống con người.

Câu 2 (VDC).

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đứng ngó mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió. Cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra. Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy; cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ăn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay

lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới.

(Trích *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018).

Cảm nhận của anh/chị nét tính cách dữ dội và hung bạo của con sông Đà được thể hiện trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng những kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc kỹ tìm ý.

Cách giải:

Lợi ích của tính kỉ luật:

- Mang lại niềm đam mê, sự quyết tâm, tinh thần không bỏ cuộc .
- Giữ vững cảm hứng, hoàn thành ý tưởng ban đầu, can đảm thực hiện tới cùng.
- Kỉ luật còn là người thầy lớn hướng dẫn từng bước đi của ta.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải.

Cách giải:

Gợi ý: Kỉ luật đặt ra cho ta những thử thách rèn bản thân mỗi người sống có nguyên tắc, nhắc nhở mục đích ban đầu để ta không ngừng nỗ lực, cố gắng.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

- Bài học rút ra:

- + Sống phải có kỉ luật.
- + Sống phải có quyết tâm, không ngừng nỗ lực, cố gắng để trở nên tốt đẹp hơn.
- + ...

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Viết đúng một đoạn văn nghị luận xã hội theo cấu trúc.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

- Giới thiệu vấn đề: Vai trò của tính kỉ luật trong đời sống con người.
- Giải thích:

Tính kỷ luật là sự tuân thủ thực hiện các nguyên tắc trong công việc và cuộc sống một cách nghiêm khắc. Bàn luận:

- Ý nghĩa của tính kỷ luật:
 - + Kỉ luật là cầu nối giữa mục tiêu và thành tựu.
 - + Tính kỉ luật giúp con người không bao giờ rời bỏ mục tiêu dù có khó khăn, trở ngại.
 - + Tính kỉ luật có sức mạnh lan truyền nghị lực cho người khác, khơi bùng được tình yêu và niềm hăng say lao động trong tập thể và cộng đồng.
 - + Người có tính kỉ luật lúc nào cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, dễ gặt hái được nhiều thành công.
- Dẫn chứng: Nhà phát minh vĩ đại của nhân loại Thomas Edison...
- Hiểu được sức mạnh của tính kỷ luật, rèn luyện ý chí, quyết tâm chinh phục những điều lớn lao. Phê phán những người sống thiếu kỷ luật, vô tổ chức, sống thiếu nghị lực và quyết tâm.
- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Mở bài:

*** Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

- Tác giả: Nguyễn Tuân (1910-1987), quê quán quận Thanh Xuân- Hà Nội, là nhà văn lớn, một nghệ sĩ lớn suốt đời đi tìm cái đẹp. Ông có vị trí quan trọng và đóng góp lớn cho nền văn học VN hiện đại: thúc đẩy thể tùy bút, bút kí đạt tới trình độ nghệ thuật cao; làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc; đem đến cho văn xuôi hiện đại một phong cách tài hoa và độc đáo.

- Tác phẩm: “Người lái đò Sông Đà” là bài tùy bút in trong tập “Sông Đà” (1960), là thành quả nghệ thuật mà tác giả thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc. Chuyến đi không phải chỉ để thỏa mãn niềm khát khao “xê dịch” của tác giả mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên, đặc biệt là “thứ vàng mười đã qua thử lửa” trong tâm hồn con người Tây Bắc, được kết đọng ở hình tượng người lái đò Sông Đà.

*** Khái quát vấn đề nghị luận:** Cảm nhận của anh/chị nét tính cách dữ dội và hung bạo của con sông Đà được

thể hiện trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

II. Thân bài:

1. Cảm nhận về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích.

*** Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích là phần đầu của tác phẩm khi tác giả phân tích vẻ đẹp hùng vĩ của Sông Đà. *** Sự hung bạo thể hiện ở cảnh đá bờ sông dựng vách thành:**

- Hình ảnh “mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời” đã gợi ra được độ cao và diễn tả được cái lạnh lẽo, âm u của khúc sông.

- Hình ảnh so sánh “*vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu*” đã diễn tả sự nhỏ hẹp của dòng chảy gợi ra lưu tốc rất lớn nhất là vào mùa nước lũ với bao nhiêu nguy hiểm rình rập.

- Hai hình ảnh liên tưởng: “Đứng bên này bờ nhẹ tay ném một hòn đá qua bên kia vách”. “Có quãng con nai, con hổ đã có lần nhảy vọt từ bên này sang bên kia” => Sự nguy hiểm tiềm ẩn ở dòng sông Đà.

- Bằng liên tưởng độc đáo, Nguyễn Tuân đã tiếp tục khắc sâu ấn tượng về độ cao của những vách đá, sự lạnh lẽo, u tối của đoạn sông và sự nhỏ hẹp của dòng chảy “*ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện*”. Mượn khoảnh khắc của đời sống thị thành để giúp người đọc có thể hình dung ra cảm giác đứng giữa thiên nhiên hoang sơ-> Lưu tốc rất mạnh, nhất là vào mùa nước lũ. Đoạn sông này tiềm ẩn rất nhiều nguy hiểm.

****) Sự hung bạo thể hiện ở ghềnh đá “quãng mặt ghềnh Hát Loóng”.***

Đoạn văn chỉ với hai câu văn nhưng kết hợp nhiều biện pháp nghệ thuật để câu hình ảnh hiện lên một cách sống động.

- Nhân hóa con sông như một kẻ chuyên đi đòi nợ thuê:

+ Dữ dằn, gắt gao: Gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt.

+ Vô lý: Đòi nợ bất cứ người lái đò nào tóm được qua đây mà không cần biên người ta có nợ nần gì không.

+ Vô cùng tàn bạo: Đòi trả bằng tính mạng.

- Điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc (nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió) được hỗ trợ bởi những thanh trắc liên tiếp đã tạo nên âm hưởng dữ dội, nhịp điệu khẩn trương, dồn dập như vừa xô đẩy, vừa hợp sức của sóng, gió và đá khiến cho cả ghềnh sông như sôi lên, cuộn chảy dữ dằn, tạo nên một môi đe dọa thực sự đối với bất kì người lái đò nào “quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra”.

- Sự kết hợp giữa nhịp ngắn với nhịp dài theo lối tăng tiến -> Gợi ra sự chuyển động của sóng, gió, đá ngày càng lớn trở thành môi đe dọa với những người lái đò.

****) Sự hung bạo thể hiện ở những “cái hút nước” quãng Tà Mường Vát:***

- Được tái hiện từ các góc nhìn khác nhau:

+ Từ trên nhìn xuống mặt nước sông “giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”;

+ Từ dưới lòng sông Đà nhìn ngược lên “thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào...”

- Được cảm nhận từ các vị thế trải nghiệm khác nhau:

+ Vị thế của người quay phim “ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút sông Đà...”

+ Vị thế của người xem phim “thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gây đánh phèn...”

+ Được cảm nhận bằng các giác quan khác nhau: thị giác là những hình ảnh liên tưởng độc đáo và mới lạ; thính giác: lúc thì “nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”, lúc thì “nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”

- Giải pháp: “Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu...”

-> Đó chính là sự minh chứng rõ nhất cho mức độ nguy hiểm tột cùng của những cái hút nước.

- Hậu quả khủng khiếp mà những cái hút nước gây ra:

+ “Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống”

+ “Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và bị đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”

=> Nó đã thực sự gây ra hậu quả khủng khiếp. Nó đã lấy đi sinh mạng của những người lái đò trên Sông Đà.

*** Đánh giá:**

- Con sông Đà không còn là một thực thể vô tri vô giác mà dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân nó trở thành một sinh thể sống động, một nhân vật trữ tình với những cá tính rõ nét: rất hùng vĩ mà cũng rất hung bạo, hiện thân của thứ kẻ thù số một của con người.

- Hình tượng Sông Đà tiêu biểu cho vẻ đẹp hùng vĩ dữ dội của thiên nhiên Tây Bắc qua cảm nhận của cái tôi uyên bác, giàu tính thẩm mỹ, độc đáo về phong cách, tha thiết trong tình yêu quê hương đất nước của Nguyễn Tuân.

2. Nhận xét về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

- Ngôn ngữ phong phú, điêu luyện; giàu giá trị tạo hình, giàu tính thẩm mỹ; chính xác, súc tích; đặc biệt phóng khoáng, tinh tế và mới mẻ.
 - Câu văn trùng điệp, giàu hình ảnh, giàu tính nhạc; giọng văn thiết tha, sôi nổi, hào hứng.
 - Sử dụng linh hoạt, đa dạng các biện pháp tu từ; vận dụng linh hoạt các tri thức một cách tài hoa, uyên bác.
 - Khai thác triệt để các thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, điện ảnh, hội họa...
- => Phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác.

III. Kết bài:

Khái quát nội dung và nghệ thuật.

.com ĐỀ 11	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
-----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

chính mẹ đẻ anh hùng và truyền thuyết
từ túp lều lợp lá lợp tranh
cắt cuống nhau bằng lưỡi liềm
bàn chân thô quanh năm bùn lấm
chưa một lần ướm qua sứt sách
tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ
dù uống nước đâu lòng vẫn nhớ nguồn
thương từ cái kiến con ong
tím ruột bầm gan thù bọn ác.

dân tộc tôi khi đứng dậy làm người
là đứng theo dáng mẹ
“đòn gánh tre chín dạn hai vai”
mùa hạ gió Lào quăng quật
mùa đông sắt se gió bắc
dân tộc tôi khi đứng dậy làm người
mồ hôi vã một trời sao trên đất
trời sao lặn hóa thành muôn mạch nước
chảy âm âm chảy dọc thời gian.

(Trích *Những người đi tới biển*, Thanh Thảo, NXB Quân đội Nhân dân, 2004, tr.53-54)

Câu 1: (NB) Xác định thể thơ của đoạn trích

Câu 2: (TH) Chỉ ra những từ ngữ diễn tả đời sống nghèo khó, vất vả của người mẹ trong đoạn thơ:

chính mẹ đẻ anh hùng và truyền thuyết
từ túp lều lợp lá lợp tranh
cắt cuống nhau bằng lưỡi liềm

*bàn chân thô quanh năm bùn lấm
chưa một lần ướp qua sử sách*

Câu 3: (TH) Nêu nội dung của hai dòng thơ:

*tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ
dù uống nước đâu lòng vẫn nhớ nguồn*

1

Câu 4: (VD) Nhận xét về hình ảnh dân tộc Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống.

Câu 2: (VDC)

Trong Việt Bắc, nhà thơ Tố Hữu viết:

*Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng,
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hòa bình,
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

(Việt Bắc - Tố Hữu, sách Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, trang 111)
Anh/chị hãy phân tích đoạn trích trên; từ đó, nhận xét về lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về thể thơ.

Cách giải:

Thể thơ tự do.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Từ ngữ diễn tả đời sống nghèo khó của mẹ: túp lều, lợp lá lợp tranh, lưỡi liềm, bàn chân thô, bùn lấm.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Nội dung: Câu thơ như một lời nhắc nhở thế hệ sau phải biết giữ gìn truyền thống của dân tộc, biết ghi nhớ và biết ơn giá trị của dân tộc mình.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh trình bày theo quan điểm cá nhân của mình, có lý giải.

Gợi ý:

Nhận xét hình ảnh dân tộc Việt Nam:

- Con người Việt Nam phải sống trong muôn vàn khó khăn, vất vả.
- Nhưng ở họ vẫn ngời sáng phẩm chất, tinh thần tốt đẹp: lòng biết ơn, sự kiên cường, lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc.

~...

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

- * Xác định vấn đề nghị luận: Sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống.
 - * **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Sức mạnh của tinh thần vượt khó trong cuộc sống.
 - * **Giải thích:** Tinh thần vượt khó có thể hiểu là sẵn sàng đối mặt với khó khăn, thử thách trong cuộc sống, không chùn bước khi gặp thất bại.
- => Những người có tinh thần vượt khó ắt sẽ vươn đến thành công.

* **Bàn luận**

- Người có tinh thần vượt khó sẽ không dễ dàng buông xuôi khi gặp khó khăn. Họ sẽ tìm cách giải quyết vấn đề, biến nguy thành cơ, biến khó khăn thành động lực.

- Ý nghĩa của tinh thần vượt khó trong cuộc sống:
- + Người có tinh thần vượt khó sẽ đạt được nhiều thành tựu trong cuộc sống.
- + Người có tinh thần vượt khó sẽ không dễ dàng bỏ qua các cơ hội.
- + Người có tinh thần vượt khó cũng sẽ là tấm gương sáng, truyền cảm hứng đến những người xung quanh.
- Chứng minh: HS lấy dẫn chứng phù hợp.
- Phản đề: Bên cạnh những người không ngừng nỗ lực, cố gắng khi gặp khó khăn thì vẫn còn nhiều người lười biếng, khi gặp khó khăn thì bùn bước, bỏ cuộc. Những người như vậy sẽ bỏ qua nhiều cơ hội tốt đẹp và sẽ thất bại.

*** Liên hệ và tổng kết vấn đề.**

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tố Hữu là lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng Việt Nam hiện đại. Nội dung thơ Tố Hữu hướng tới những sự kiện cách mạng của dân tộc trong thế kỉ XX.
- Bài thơ Việt Bắc ra đời sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954; được coi là một thi phẩm xuất sắc, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.
- Đoạn thơ là lời người đi để khẳng định lòng thủy chung với Việt Bắc.
- Khái quát vấn đề: Phân tích đoạn thơ từ đó nhận xét về lẽ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

II. Phân tích

1. Phân tích đoạn thơ - Bức tranh tứ bình.

- a. Mùa đông: Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi/Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

- Cảnh: Với sắc xanh ngút ngàn của núi rừng điểm những bông hoa chuối đỏ tươi như bó đuốc sáng rực xua đi sự lạnh lẽo, hiu hắt của núi rừng, thấp lên ngọn lửa ấm áp, mang lại ánh sáng hơi ấm cho nơi đây.

- Con người: Trước thiên nhiên bao la của núi rừng trở nên kì vĩ, hùng tráng hơn với hoạt động phát nương, làm rẫy.

b. Mùa xuân: Ngày xuân mơ nở trắng rừng/Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

- Cảnh: Hoa mơ rừng nở trắng rừng khiến bừng sáng cả khu rừng, làm dịu mát tâm hồn con người. - Con người: “đan nón”, “chuốt từng sợi giang”, một vẻ đẹp tình nghĩa được thể hiện qua bàn tay khéo léo, tài hoa, nhanh nhẹn, chăm chút, cần mẫn vào từng sản phẩm lao động.

c. Mùa hè: Ve kêu rừng phách đổ vàng/ Nhớ cô em gái hái măng một mình.

- Cảnh: “rừng phách đổ vàng”, màu vàng rực của thiên nhiên dường như chuyển đột ngột qua từ “đỏ” hòa quyện với tiếng ve kêu khiến cảnh sinh động, có hồn và tung bừng hơn.

- Con người: Hình ảnh cô gái hái măng một mình đã lột tả được vẻ đẹp của sự chịu thương chịu khó của con người nơi đây.

d. Mùa thu: Rừng thu trăng rọi hòa bình/ Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

- Cảnh: Ánh trăng dịu nhẹ, huyền ảo gợi không khí thanh bình yên ả.

- Con người: Hiện lên với tiếng hát ân tình thủy chung, với bao tình cảm ân tình sâu sắc với cách mạng.

2. Nhận xét về lễ sống ân nghĩa được thể hiện trong đoạn trích.

- Lễ sống ân nghĩa được thể hiện thông qua nỗi nhớ, sự lưu luyến, bịn rịn trong giây phút chia tay giữa đồng bào miền núi và các cán bộ khi trở về Hà Nội.

- Lễ sống ân nghĩa còn được thể hiện thông qua sự mừng tượng của tác giả về những kỉ niệm, sự gắn bó, giúp đỡ của những đồng bào trong suốt quá trình sống và chiến đấu của các chiến sĩ ở chiến khu Việt Bắc. -> Lễ sống ân nghĩa chính là một nét đẹp truyền thống của nhân dân ta, nó tạo nên sự liên kết giữa con người với con người, góp phần gây dựng nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

I. ĐỌC HIỂU**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Thực tế cuộc sống quanh ta cũng cho thấy, có khá nhiều người không có bằng ĐH, không xuất chúng, cũng chẳng nổi tiếng như Bill Gates, nhưng sự thành công của họ lại có phần vượt trội không ít người có bằng ĐH. Ngày nay, khi bạn có thực tài, nếu không làm cho cơ quan Nhà nước thì làm ở khu vực tư nhân; nếu không tư nhân thì là nước ngoài. Hay tự mình... dùng mình! Thậm chí, nếu ở trong nước không có đất dụng võ thì ra thế giới... Với công việc, năm châu bốn biển đều có thể là nhà của mình.

Hiện xã hội cũng đang "khát" nhân lực, hàng trăm ngàn công ty đang cần hàng triệu người có thực tâm, thực lực để giúp họ. Chẳng hạn, họ cần một chuyên gia giỏi về điện (bất kể có bằng hay không), chứ họ không cần một kỹ sư điện, nhưng lại hiểu biết quá ít về điện. Còn giả sử bạn nộp đơn vào một số nơi nào đó mà họ không quan tâm đến giá trị thực thì chắc hẳn nơi đó không thuộc về bạn.

.....

Cuộc đời không quá dài để mình có thể phung phí thời gian, nhưng cũng đủ dài để làm được những gì mà mình muốn. Và cuộc đời cũng giống như cuộc đua marathon, dù có bị thua kém bạn bè ở những km đầu tiên nhưng mình vẫn có thể là người về đích trước tiên. Hãy tin rằng: "18 tuổi, bạn còn hơn 60 năm cuộc đời, vẫn còn kịp, nhưng phải nhanh lên kẻo không kịp. Và rằng, trong cuộc đời, chỉ có "sự học" và "thực học" của mình mới tạo nên giá trị và quyết định thân phận của chính mình, và điều đó còn lớn lao hơn "ĐH" rất nhiều".

(Lược ghi ý kiến của ông Giản Tư Trung – Hiệu trưởng trường Doanh nhân PACE)

Câu 1: (NB) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.**Câu 2: (TH)** Theo đoạn trích, điều gì mới tạo nên giá trị và quyết định thân phận của chính mình?**Câu 3: (TH)** Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ: "Cuộc đời cũng giống như cuộc đua marathon, dù có bị thua kém bạn bè ở những km đầu tiên nhưng mình vẫn có thể là người về đích trước tiên"**Câu 4: (VD)** Lời khuyên "18 tuổi, bạn còn hơn 60 năm cuộc đời, vẫn còn kịp, nhưng phải nhanh lên kẻo không kịp" gợi anh/chị suy nghĩ gì?**II. LÀM VĂN****Câu 1:(VDC)** Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về giá trị của “thực học” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống.**Câu 2: (VDC)**

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

*Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rùng rợn phách trống vàng,
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hòa bình,
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

(Việt Bắc - Tố Hữu, sách Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, trang 111)

Cảm nhận của anh chị về vẻ đẹp được xem là bức tranh “Tứ bình” trong đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong cái nhìn của nhà thơ Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Điều tạo nên giá trị và quyết định thân phận của mình là: sự học và thực học.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

- Biện pháp tu từ: So sánh (Cuộc đời so sánh với cuộc đua marathon)
- Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình cho sự diễn đạt, giúp người đọc dễ dàng liên tưởng đến sự việc đang bàn luận. Qua đó, người viết khẳng định ý chí, nghị lực, tinh thần vượt khó, sự cầu tiến,... sẽ tạo động lực để tuổi trẻ đạt được mục tiêu mình đề ra.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

- Nội dung lời khuyên "18 tuổi, bạn còn hơn 60 năm cuộc đời, vẫn còn kịp, nhưng phải nhanh lên kẻo không kịp" : Tương lai tuổi trẻ còn rộng mở, vẫn còn kịp để cố gắng phấn đấu, sống cống hiến làm đẹp cho cuộc đời mình. Thế nhưng nếu vì thế mà chần chừ thì chúng ta sẽ lãng phí thời gian, đánh mất tuổi xuân.
- Nêu suy nghĩ của bản thân:
 - + Phải biết quý trọng thời gian, sống cống hiến hết mình cho cuộc đời.
 - + Cơ hội không đến nhiều lần trong cuộc đời. Vì thế, cần luôn tận dụng, nắm bắt nó từ khi còn trẻ để làm nên sự nghiệp của bản thân.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề: Giá trị của “thực học” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống.

2. Giải thích:

- “Thực học” nghĩa là học thật, nhằm hiểu biết thật, nắm tri thức thật, không phải là sự hiểu biết bên ngoài, giả tạo không có thực chất, không có mục đích chân chính, không hiệu quả, không có giá trị thật.

=> “Thực học” cần thiết đối với tuổi trẻ và nó đang trở thành một vấn đề đáng được quan tâm trong cuộc sống hiện nay.

3. Bình luận:

- Giá trị của việc “thực học”.

+ Khi “thực học” tuổi trẻ sẽ tiết kiệm được thời gian. Khi chúng ta học một vấn đề mà hiểu được hết ý nghĩa của nó thì sẽ dễ dàng ghi nhớ hơn và cũng nhớ lâu hơn. Điều ấy sẽ trở thành hữu ích khi chúng ta bắt gặp lại một vấn đề cần sử dụng kiến thức đó trong cuộc sống. Việc học sâu nhớ lâu giúp chúng ta có thể dễ dàng liên kết kiến thức này với kiến thức khác từ đó mở rộng nhiều kiến thức nâng cao hơn.

+ Việc thực học mang lại sự hiểu biết, kiến thức, khả năng phán đoán, nhận thức. Có thể phân biệt phải trái, đúng sai ở nhiều khía cạnh. Cách nhìn nhận vấn đề mang tính toàn diện hơn. Từ đó là nền tảng để phát huy nhân cách, phẩm chất, gia tăng giá trị tinh thần trong mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng và xã hội. +....

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Nhận thức: Tuổi trẻ phải hiểu và nắm bắt giá trị của thực học. Từ đó, xác định cho mình mục đích của việc học, xác định hướng đi đúng đắn.

+ Về hành động: Học tập, rèn luyện ngay từ khi còn trẻ, không lãng phí thời gian vào những việc vô bổ....

4. Tổng kết vấn đề:

- Rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng Việt Nam hiện đại. Nội dung thơ Tố Hữu hướng tới những sự kiện cách mạng của dân tộc trong thế kỉ XX.

- Bài thơ Việt Bắc ra đời sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954; được coi là một thi phẩm xuất sắc, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

- Đoạn thơ là lời người đi để khẳng định lòng thủy chung với Việt Bắc.

- Khái quát vấn đề: Cảm nhận về vẻ đẹp được xem là bức tranh “Tứ bình” trong đoạn thơ. Từ đó nhận xét mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong cái nhìn của nhà thơ Tố Hữu.

II. Phân tích

1. Cảm nhận đoạn thơ - Cảm nhận bức tranh tứ bình.

a. Mùa đông: Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi/Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

- Cảnh: Với sắc xanh ngút ngàn của núi rừng điểm những bông hoa chuối đỏ tươi như bó đuốc sáng rực xua đi sự lạnh lẽo, hiu hắt của núi rừng, thấp lên ngọn lửa ấm áp, mang lại ánh sáng hơi ấm cho nơi đây.

- Con người: Trước thiên nhiên bao la của núi rừng trở nên kì vĩ, hùng tráng hơn với hoạt động phát nương, làm rẫy.

b. Mùa xuân: *Ngày xuân mơ nở trắng rừng/Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.*

- Cảnh: Hoa mơ rừng nở trắng rừng khiến bừng sáng cả khu rừng, làm dịu mát tâm hồn con người.

- Con người: “đan nón”, “chuốt từng sợi giang”, một vẻ đẹp tình nghĩa được thể hiện qua bàn tay khéo léo, tài hoa, nhanh nhẹn, chăm chút, cần mẫn vào từng sản phẩm lao động.

c. Mùa hè: *Ve kêu rừng phách đổ vàng/ Nhớ cô em gái hái măng một mình.*

- Cảnh: “rừng phách đổ vàng”, màu vàng rực của thiên nhiên dường như chuyển đột ngột qua từ “đổ” hòa quyện với tiếng ve kêu khiến cảnh sinh động, có hồn và tưng bừng hơn.

- Con người: Hình ảnh cô gái hái măng một mình đã lột tả được vẻ đẹp của sự chịu thương chịu khó của con người nơi đây.

d. Mùa thu: *Rừng thu trăng rọi hòa bình/ Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

- Cảnh: Ánh trăng dịu nhẹ, huyền ảo gợi không khí thanh bình yên ả.

- Con người: Hiện lên với tiếng hát ân tình thủy chung, với bao tình cảm ân tình sâu sắc với cách mạng.

2. Nhận xét mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong cái nhìn của nhà thơ Tố Hữu.

- Con người và thiên nhiên nơi đây giao hòa với nhau.

- Thiên nhiên như một mái nhà lớn, chở che, bao bọc con người.

- Con người chiến đấu, hy sinh để bảo vệ thiên nhiên, tổ quốc.

- Thiên nhiên và con người đều vì nhau mà trở nên đẹp hơn.

- Giữa con người và thiên nhiên luôn tồn tại một tình yêu, niềm giao cảm.

.....

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 13

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) Có lần tôi được xem một buổi phỏng vấn của Larry King với Carolyn Thomas, một phụ nữ bất hạnh đã bị mất gần hết gương mặt. Chương trình đó khiến tôi nghĩ nhiều về lòng biết ơn. Ý tưởng lớn: Bạn trân trọng điều gì trong cuộc sống, điều đó sẽ phát triển. Bạn trân trọng điều gì trong cuộc sống, điều đó sẽ phát triển. Bạn suy tư và tập trung vào điều gì, nó sẽ lớn mạnh. Điều gì bạn đánh giá cao sẽ bắt đầu gia tăng giá trị. Hãy trân trọng vì có sức khỏe. Trân trọng gia đình. Trân trọng quà tặng, bạn bè, công việc. Hãy trân trọng cuộc sống, và viễn cảnh sẽ bắt đầu thay đổi. Bạn sẽ thấy cuộc đời mình được chúc phúc (ngược lại với những phần đời từng tan vỡ).

(2) Tôi thích lên danh sách. Đây là lời đề nghị: hãy lên danh sách năm mươi điều bạn trân trọng, biết ơn (vâng, năm mươi). Mười điều đầu tiên rất dễ: người thân, công việc, gia đình, vân vân. Biết ơn vì bạn nói tiếng Việt (hoặc tiếng Nhật, tiếng Đức). Biết ơn vì có đủ hai

mắt, có trái tim khỏe, hoặc vì bạn không sống trong vùng chiến tranh. Biết ơn người khác. Cầu chúc cho người nông dân nỗ lực làm nên thức ăn trên bàn. Cầu chúc cho người công nhân tạo ra chiếc xe máy bạn đi. Cầu chúc cho người bán hàng nơi bạn mua quần áo. Cầu chúc cho người phục vụ quán ăn bạn đến hôm qua.

(3) Đó là thái độ biết ơn. Hãy lưu tâm đến những phúc lành của mình, đừng xem bất cứ điều gì là hiển nhiên. Tôi chắc chắn bạn sẽ có nhiều thứ để biết ơn hơn những gì bạn thấy. Chỉ cần nghĩ đến. Chỉ cần trân trọng. Và để ý xem điều gì sẽ xảy đến.

(Trích Lòng biết ơn, Robin Sharma – Đời ngắn lắm, đừng nủ dài)

Câu 1: (NB) Tìm những từ ngữ chỉ thái độ của tác giả trong đoạn (3)

Câu 2: (TH) Tác giả mong muốn chúng ta hãy trân trọng điều gì trong cuộc sống?

Câu 3: (TH) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp cấu trúc được sử dụng trong những câu văn in đậm trên?

Câu 4: (VD) Nhận xét những suy ngẫm của tác giả về ý nghĩa của sự biết ơn cuộc sống được thể hiện tổng đoạn trích?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của lời khuyên hữu ích trong cuộc sống.

Câu 2: (VDC)

Trong bài thơ *Tây Tiến*, Quang Dũng viết:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi*

*Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người*

*Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích “*Tây Tiến*” – Quang Dũng, SGK Ngữ Văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr89)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét về bút pháp lãng mạn, tài hoa trong thơ Quang Dũng.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Từ ngữ: đừng xem, chắc chắn, cần nghĩ, cần trân trọng.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Chúng ta cần trân trọng sức khỏe, gia đình, bạn bè, công việc, quà tặng, cuộc sống.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

- Điệp cấu trúc: Cầu chúc cho....
- Tác dụng:
 - + Nhấn mạnh chúng ta sống phải có lòng biết ơn với những người xung quanh mình.
 - + Tạo nên nhịp điệu cho câu văn.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Những suy nghĩ của tác giả vô cùng đúng đắn, thiết thực đối với cuộc sống hiện tại. Đó cũng là bài học cho mỗi chúng ta cần phải biết ơn, trân trọng cuộc sống và những người xung quanh mình.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

- Giới thiệu vấn đề: Ý nghĩa lời khuyên hữu ích trong cuộc sống.
- Giải thích: Lời khuyên hữu ích là những lời khuyên cho giá trị, giúp cho ta ngày một hoàn thiện và tốt đẹp hơn, giúp ta đi đúng đường, đúng hướng.
- Bàn luận: Ý nghĩa lời khuyên hữu ích trong cuộc sống:
 - + Những lời khuyên hữu ích trong cuộc sống luôn giúp ta hoàn thiện bản thân.
 - + Lời khuyên hữu ích giúp ta có những cái nhìn tích cực hơn về cuộc sống.
 - + Lời khuyên hữu ích còn giúp ta đi đúng đường, hướng để vươn đến thành công.
 - + ...
- Tuy nhiên không phải lời khuyên nào cũng là lời khuyên hữu ích. Lời những góp ý, lời khuyên chúng ta cần chọn lọc để tìm thấy được lời khuyên đúng đắn và phù hợp nhất với chính mình.
- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Giới thiệu về tác giả: Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài nhưng trước hết là một nhà thơ. Bản thân là một chiến sĩ, thơ Quang Dũng chứa đựng hiện thực bi tráng với bút pháp hào hoa, lãng mạn.

- Giới thiệu tác phẩm: Tây Tiến là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Quang Dũng viết về đề tài người lính. Năm 1948, khi phải rời xa binh đoàn Tây Tiến về làng Phù Lưu Chanh, Quang Dũng đã dùng nỗi nhớ viết lên tác phẩm này.

* *Khái quát vấn đề nghị luận:* Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét về bút pháp lãng mạn, tài hoa trong thơ Quang Dũng.

II. Phân tích

1. Cảm nhận đoạn thơ.

a. Đoạn thơ mở đầu bằng hai câu thơ mang cảm xúc chủ đạo của toàn đoạn thơ - Nỗi nhớ:

- *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi*

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Đối tượng của nỗi nhớ ấy là con Sông Mã, con sông gắn liền với chặng đường hành quân của người lính. Đối tượng nhớ thứ hai là nhớ Tây Tiến, nhớ đồng đội, nhớ bao gương mặt một thời chinh chiến. Nỗi nhớ ấy được bật lên thành tiếng gọi tha thiết “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi” gọi lên bao nỗi niềm lâng lâng khó tả. Đối tượng thứ ba của nỗi nhớ đó là “nhớ về rừng núi”. Rừng núi là địa bàn hoạt động của Tây Tiến với bao gian nguy, vất vả nhưng cũng thật trữ tình, lãng mạn. Nhưng nay, tất cả đã “xa rồi”. “Xa rồi” nên mới nhớ da diết như thế. Điệp từ nhớ được nhắc lại hai lần như khắc sâu thêm nỗi lòng của nhà thơ. Đặc biệt tình cảm ấy được Quang Dũng thể hiện bằng ba từ “Nhớ chơi vơi”, cùng với cách hiệp vần “ơi” ở câu thơ trên làm nổi bật một nét nghĩa mới: “Chơi vơi” là trạng thái lơ lửng giữa khoảng không rộng, không thể bầu vịu vào đâu cả. “Nhớ chơi vơi” có thể hiểu là một mình giữa thế giới hoài niệm mênh mông, bề bộn, không đầu, không cuối, không thứ tự thời gian, không gian. Đó là nỗi nhớ da diết, miên man, bồi hồi, băng khuâng, sâu lắng làm cho con người có cảm giác đứng ngồi không yên.

b/ Đoạn thơ còn lại là sự hồi tưởng về cuộc hành quân giữa núi rừng miền Tây hùng vĩ:

* *Theo chiều không gian:*

- Tác giả gọi nhắc nhiều địa danh xa lạ: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu... để đưa người đọc bước vào những địa hạt heo hút, hoang dại theo bước chân quân hành của người lính Tây Tiến.

- Ấn tượng đầu tiên hiện ra trong nỗi nhớ của người lính TT là sương núi mịt mù: Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi Trên đỉnh Sài Khao, sương dày đến độ vùi lấp cả đường đi, vùi lấp cả đoàn quân trong mờ mịt. Đoàn quân hành quân trong sương lạnh giữa núi rừng trùng điệp không tránh khỏi cảm giác mệt mỏi rã rời. Con người trở nên hết sức bé nhỏ giữa biển sương dày đặc mênh mông ấy...

- Ấn tượng tiếp theo được tác giả tập trung bút lực để khắc họa là núi cao vực sâu, là đèo dốc điệp trùng: Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm Heo hút cồn mây súng ngửi trời Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống.

+ Những câu thơ chủ yếu dùng thanh trắc tạo nên những nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ, chạm nổi trước mắt người đọc cái hùng vĩ và dữ dội của thiên nhiên.

+ Nhịp ngắt 4/3 quen thuộc của thể thơ 7 chữ như bẻ gãy câu chữ để tạo độ cao dựng đứng giữa hai triền dốc núi:

- *Dốc lên khúc khuỷu/ dốc thăm thẳm;*

- *Ngàn thước lên cao/ ngàn thước xuống*

Nhịp ngắt đã trở thành giao điểm phân định rạch ròi hai hướng lên xuống của vô vàn con dốc tạo thành các cung đường hành quân của đoàn quân TT, gọi ra những dãy núi xếp theo hình nan quạt trải dài khắp miền Tây Bắc. Người đọc hình dung ra hình ảnh dốc rồi lại dốc nối tiếp nhau, khúc khuỷu gập ghềnh đường lên, rồi lại thăm thẳm hun hút đường xuống.

+ Những từ láy giàu sức tạo hình khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút được đặt liên tiếp nhau để đặc tả sự gian nan trùng điệp. Dốc khúc khuỷu vì quanh co, hiểm trở, gập ghềnh khó đi, vừa lên cao đã vội đồ dốc, cứ thế gập khúc nối tiếp nhau. Thăm thẳm không chỉ đo chiều cao mà còn gợi ấn tượng về độ sâu, cảm giác như hút tầm mắt người, không biết đâu là giới hạn cuối cùng. Heo hút gợi ra sự vắng vẻ, quạnh hiu của chốn rừng thiêng nước 3 độc. Từ láy cũng mang đến cho người đọc cảm tưởng rằng người lính TT đã vượt qua vô vàn những đèo dốc để chinh phục đỉnh núi cao nhất.

* *Theo chiều thời gian:*

Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

- Chiều chiều, tiếng thác nước gầm thét thị oai sức mạnh hoang sơ bản năng của núi rừng. Cái dữ dội của thiên nhiên được đẩy cao cực độ trong âm thanh gầm thét mạnh mẽ kia.

- Đêm đêm, sự hiện diện của cọp dữ thấp thoáng đâu đây đe dọa tính mạng con người... Hai chữ Mường Hịch như một dấu nặng to rơi xuống dòng thơ, không chỉ còn là một địa danh cụ thể (nơi đặt sở chỉ huy của mặt trận Tây Tiến) mà trở nên đầy ám ảnh, gợi ra dấu chân lớn vồn của thú dữ trong vắng vẻ...

=> Cảnh núi rừng miền Tây hoang sơ và hiểm trở, qua ngòi bút QĐ, hiện lên với đủ cả núi cao, vực sâu, dốc thẳm, mưa rừng, sương núi, thác gầm, cọp dữ...

* *Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến:*

-> Những gian khổ, hi sinh:

- Địa hình hiểm trở của núi rừng đã gợi ra sự vất vả, những hơi thở nặng nhọc của người lính TT trên mỗi chặng hành quân vượt dốc. Đoàn quân không chỉ có lúc mỗi một “Sải Khao sương lấp đoàn quân mỏi”, mà còn có không ít những mất mát, hi sinh: Anh bạn dãi dầu không bước nữa Gục lên súng mũ bỏ quên đời Hai câu thơ như một thước phim được cố ý quay chậm, phơi bày ra sự thật khắc nghiệt về những gian khổ, hi sinh của đời lính. Người chiến binh mệt mỏi vì đường xa, vì đói khát, bệnh tật... vẫn cố gắng tiến bước cho đến lúc buộc phải nằm lại trên dọc đường hành quân. Hai chữ “dãi dầu” đã gói ghém trong đó biết bao những khó khăn gian khổ mà người lính TT đã trải qua trên những cung đường hành quân. Chữ “gục” đã khắc tạc hình ảnh người lính kiệt sức thật tội nghiệp. Những thanh “ngã” xuất hiện cách quãng đều đặn cũng góp phần tạo nên âm điệu ảo não trong câu thơ.

- Đáng chú ý là lối xưng hô của nhà thơ, không phải là cách gọi “đồng chí” phổ biến quen thuộc trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, mà là “anh bạn”. Một từ giản dị ấy thôi nhưng gói ghém cả tình đồng chí, cả tình bạn bè và cả nghĩa ruột thịt sâu nặng.

- Tuy nhiên, nhà thơ đã dùng những cụm từ “không bước nữa”, “gục lên súng mũ bỏ quên đời” để tránh đi màu sắc tang thương, để vơi đi nỗi nghẹn ngào xót xa đang trào dâng. Chính vì thế, câu thơ nói về cái chết nhưng không có màu sắc bi lụy.

-> Sự lạc quan, yêu đời, khỏe khoắn:

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

- Dốc dựng đứng giữa trời, nên khi chinh phục được, người lính tưởng chừng như đang bỗng bênh đứng giữa biển mây, độ cao của bầu trời chỉ còn trong tầm mũi súng. Từ “ngửi” là cách nói

tếu táo, tinh nghịch của lính tráng, đám trâu ghẹo cả tạo hóa. Nó không chỉ cho thấy sự lạc quan, yêu đời của lính TT mà còn gợi ra tư thế khỏe khoắn của con người trước thiên nhiên. Người lính giữa thiên nhiên khắc nghiệt không hề bị chìm lấp đi mà nổi bật lên đầy thách thức.

-> Sự bay bổng, lãng mạn:

- Giữa mịt mù sương lạnh, người lính TT vẫn thấy con đường hành quân thật đẹp và nên thơ: Mường Lát hoa về trong đêm hơi. Vẫn là sương khói ấy thôi, nhưng cách nói “hoa về” khiến sương không còn lạnh giá nữa mà gợi sự quần tụ, sum vầy thật tình tứ và ấm áp

- Giữa cái dữ dội tốt đỉnh của thiên nhiên “dốc lên... ngàn thước xuống”, họ vẫn giữ được ánh nhìn vô cùng bay bổng: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* → Ở đây, QĐ đã rất tài hoa trong nghệ thuật phối hợp thanh điệu. Đang từ những thanh Trắc liên tiếp trong 3 câu thơ trên, đột ngột một dòng thơ toàn thanh Bằng đã cân bằng lại mạch thơ, tạo cảm giác nhẹ nhàng, thư thái như chưa từng có hành trình trèo đèo vượt dốc nào. Người lính TT dường như quên hết những mệt mỏi, gian khổ, phóng tầm mắt ra xa. Trong màn mưa phủ kín đất trời, một vài đóm nhà nhỏ ẩn hiện thấp thoáng, bồng bênh như giữa biển khơi, thật thi vị, nên thơ, ấm áp... Hai chữ “nhà ai” phiếm chỉ thật tình tứ, có lẽ trong tưởng tượng của những người lính TT cũng là những chàng trai Hà thành hào hoa thì chủ nhân của những nếp nhà kia là những sơn nữ xinh đẹp Giàu tình cảm: thể hiện qua hai câu thơ kết tái hiện một cảnh tượng thật đầm ấm:

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

- Sau bao nhiêu gian khổ băng rừng, vượt núi, lội suối, trèo đèo, những người lính tạm dừng chân, nghỉ ngơi ở một bản làng, quây quần bên những nồi cơm đang bốc khói. Khói cơm nghi ngút, hương thơm lúa nếp ngày mùa và sự ân cần của những cô gái Mai Châu đã xua tan đi những mệt mỏi...

- Câu thơ trên có ba thanh Trắc xuất hiện cách quãng đều đặn như tạc hình những tia khói mảnh dẻ bay lên qua kẽ lá rừng, đồng thời đã đẩy nỗi nhớ lên cung bậc da diết nhất.

- Câu thơ cuối lại toàn thanh Bằng tạo nên một cảm giác êm dịu, ấm áp đến vô cùng. Như vậy, ấn tượng đọng lại cuối cùng trong kí ức của người lính TT sau những chặng đường hành quân không phải là sự dữ dội, hiểm nguy mà là hương vị và tình người nồng ấm của mảnh đất miền Tây

2. Nhận xét về bút pháp lãng mạn, tài hoa trong thơ Quang Dũng.

- Sức hấp dẫn chủ yếu của đoạn thơ là vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ của rừng núi miền Tây trải dài theo chặng đường hành quân của người lính TT, được phác thảo bằng bút pháp lãng mạn ưa cực tả và thủ pháp đối lập.

- Nỗi nhớ chính là cảm xúc bao trùm cả đoạn thơ, khi thì khắc khoải với những kỉ niệm, lúc lại ẩn hiện trong những địa danh “hình khe thề núi”, lúc lặp đi lặp lại bằng ngôn từ diễn tả trực tiếp...

.....

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

I. ĐỌC HIỂU**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Bạn không nên để thất bại ngăn mình tiến về phía trước. Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm. Thực tế những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. Họ có thể nghi ngờ phương pháp làm việc đã dẫn họ đến thất bại nhưng không bao giờ nghi ngờ khả năng của chính mình.

Tôi xin chia sẻ với các bạn về câu chuyện về những người đã tìm cách rút kinh nghiệm từ thất bại của mình để đạt được những thành quả to lớn trong cuộc đời.

Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện, J.K.Rowling, tác giả của “Harry Potter”, đã bị hơn 10 nhà xuất bản từ chối bản thảo tập 1 của bộ sách. Giờ đây, bộ tiểu thuyết này của bà trở nên vô cùng nổi tiếng và đã được chuyển thể thành loạt phim rất ăn khách. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood. Thực tế bộ phim Hollywood đầu tay của anh, thất vọng lắm chứ, nhưng điều đó cũng đâu ngăn được anh vùng lên với những phim cực kì ăn khách sau đó như “Giờ cao điểm” hay “Hiệp sĩ Thượng Hải”.

Thất bại không phải cái cớ để ta chần chừ. Ngược lại nó phải là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.

(Trích Tại sao lại chần chừ?, Tác giả Teo Aik Cher,
Người dịch: Cao Xuân Việt Khương, An Bình)

Câu 1: (NB) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (TH) Anh/chị hãy cho biết mặt tích cực của thất bại mà “người thành công luôn dùng” được nêu trong đoạn trích.

Câu 3: (TH) Việc tác giả trích dẫn các câu chuyện của Thomas Edison, J.K.Rowling, ngôi sao điện ảnh Thành Long có tác dụng gì?

Câu 4: (VD) Anh/chị có cho rằng trong cuộc sống thất bại “là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung của phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về bản thân cần chấp nhận sự thất bại như thế nào để thành công trong cuộc sống?

Câu 2: (VDC)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau. Từ đó nhận xét tính dân tộc thể hiện trong đoạn thơ. *Nhớ gì như nhớ người yêu*

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.

Ta đi ta nhớ những ngày

Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi

*Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa*

(Theo Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr.110, 111)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt đã học.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo tác giả, chúng ta nên suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm. Thất bại như một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Tác dụng:

- Tăng sức thuyết phục đối với người đọc
- Khẳng định không ai thành công mà không phải trải qua thất bại. Từ chính trong thất bại họ đã vươn đến thành công.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

HS trình bày quan điểm cá nhân và lý giải phù hợp.

- Đồng tình với quan điểm.
- Vì:
 - + Thất bại giúp ta nhận ra những sai lầm, thiếu sót của bản thân để từ đó cho ta kinh nghiệm ở những lần kế tiếp.
 - + Thất bại rèn cho ta ý chí, nghị lực, không bỏ cuộc trước khó khăn.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

- Giới thiệu vấn đề: Bản thân cần chấp nhận thất bại thế nào để thành công trong cuộc sống?
- Giải thích: Thất bại: là 1 thời điểm mà người ta chưa thể thực hiện được những mục tiêu mà mình đề ra, là những vấp ngã, khiến ta cảm thấy dễ dàng chán nản và mệt mỏi. Vấn đề nêu ra:

cách ứng xử, thái độ của bản thân cần chấp nhận sự thất bại như thế nào để thành công trong cuộc sống.

– Bình luận: bản thân cần chấp nhận sự thất bại như thế nào để thành công trong cuộc sống.

+ Cần nhận thức rõ: Thất bại chỉ là khoảnh khắc, là câu chuyện của một thời điểm; Con đường đi đến thành công là con đường đi xuyên qua sự thất bại.

+ Thừa nhận và đối diện với thất bại. Chính nhờ thất bại mà con người tích lũy được kinh nghiệm, mài sắc được ý chí và nghị lực.

+ Kiểm điểm và nhìn nhận, đánh giá lại bản thân mình: Đánh giá lại năng lực, những kinh nghiệm mình đã gặt hái được.

+ Tìm kiếm một hướng đi mới hoặc tiếp tục cuộc hành trình.

– Bài học, liên hệ:

+ Vấn đề nêu ra đã thể hiện lối sống lành mạnh tiến về phía trước. Thế hệ trẻ hiện nay rất ít chịu đựng được thất bại và vượt qua thất bại, hoặc bỏ cuộc, hoặc lảng tránh,..

+ Thất bại và thành công không đối lập với nhau. Thất bại là thành công bị trì hoãn. Chấp nhận thất bại là một cách, thậm chí là cách duy nhất để kiến tạo thành công.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tố Hữu là lá cờ đầu trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ Tố Hữu mang đậm chất trữ tình, chính trị.

- Việt Bắc là đỉnh cao trong thơ Tố Hữu. Bài thơ được viết trong thời khắc chia tay lịch sử của cán bộ với đồng bào Việt Bắc để về tiếp quản Hà Nội.

- Khái quát vấn đề: Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ. Từ đó nhận xét tính dân tộc thể hiện trong đoạn thơ.

II. Phân tích

1. Cảm nhận về đoạn thơ:

- Vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và con người:

+ Vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và con người nơi chiến khu hiện lên qua nỗi nhớ cồn cào, da diết, thường trực như nỗi nhớ người yêu (cách so sánh độc đáo, ẩn tượng).

+ Thiên nhiên vừa hiện thực, vừa thơ mộng, thi vị, mang những nét đặc trưng của Việt Bắc (phân tích dẫn chứng phù hợp).

+ Cuộc sống và con người ở chiến khu Việt Bắc: cuộc sống khó khăn, gian khổ; con người Việt Bắc táo tợn, chịu thương, chịu khó, sâu nặng ân tình (phân tích dẫn chứng phù hợp).

++ Lớp học i tờ - bình dân học vụ.

++ Những giờ liên hoan sáng đuốc khắp đồng khuya -> động viên tinh thần chiến đấu + thắt chặt tình quân - dân

+ Âm thanh: tiếng mõ rừng chiều/chày đêm nện cối đều đều suối xa -> âm thanh đặc trưng -> cuộc sống yên ả, thanh bình của Việt Bắc.

- Cuộc sống tuy gian nan – khó khăn vất vả >< con người ca vang núi đèo: tinh thần lạc quan, yêu đời.

2. Nhận xét về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.

+ Về nội dung: Thơ Tố Hữu đã phản ánh đậm nét hình ảnh, con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam trong thời đại cách mạng, đã đưa những tư tưởng và tình cảm cách mạng hòa nhập và tiếp nối với truyền thống tinh thần, tình cảm, đạo lý của dân tộc. Đề cập đến đề tài chiến tranh, bài thơ "Việt Bắc" hướng cảm xúc đến nghĩa tình thủy chung cách mạng của con người Việt Nam trong kháng chiến, đó là một phẩm chất có ý nghĩa truyền thống của dân tộc. Bài thơ đã làm sống lại vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc, vẻ đẹp của cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng âm áp tình người, vẻ đẹp của lịch sử cách mạng Việt Nam một thời không quên.

+ Về nghệ thuật: Tố Hữu sử dụng đa dạng các thể thơ, nhưng đặc biệt thành công trong các thể thơ truyền thống. Thơ lục bát kết hợp giọng cổ điển và dân gian, thể hiện những nội dung tình cảm cách mạng có gốc rễ từ truyền thống tinh thần dân tộc, làm phong phú cho thể thơ lục bát dân tộc. Bài thơ sử dụng cách nói "mình – ta" và lối đối đáp của ca dao dân ca, tạo nên một giọng thơ ngọt ngào thương mến, qua đó thể hiện những vấn đề có ý nghĩa trọng đại của dân tộc.

+ Về ngôn ngữ: Bài thơ sử dụng từ ngữ và lối nói quen thuộc của dân tộc, những so sánh ví von truyền thống nhưng lại biểu hiện được nội dung mới của thời đại. Bài thơ có sự chuyển đổi linh hoạt về ngôn ngữ, giọng điệu, tạo nên hiệu quả biểu đạt cao. Chất thơ mang đậm sắc màu núi rừng và cuộc sống của những người dân Việt Bắc.

+ Nhạc điệu: thể hiện chiều sâu tính dân tộc của nghệ thuật thơ Tố Hữu. Phát huy tiếng nhạc phong phú của các câu thơ, diễn tả nhạc điệu bên trong của tâm hồn, một thứ nhạc tâm tình mà ở bề sâu của nó là điệu cảm xúc dân tộc, tâm hồn dân tộc. Giai điệu thơ vừa ngọt ngào sâu lắng khi diễn tả tình cảm gắn bó thủy chung, vừa sôi động hào hùng thể hiện cuộc chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của dân tộc, vừa tha thiết thành kính với hình ảnh Đảng và Bác Hồ kính yêu...

=> Nhận xét, đánh giá:

+ Tính dân tộc và ý nghĩa, giá trị của bài thơ "Việt Bắc" trong thơ ca dân tộc: Bài thơ vừa đánh dấu một giai đoạn lịch sử của dân tộc, vừa nêu bật phẩm chất truyền thống của con người Việt Nam trong chiến tranh.

+ Tính dân tộc và sự thể hiện phong cách thơ Tố Hữu: Sự gắn bó tha thiết giữa hồn thơ Tố Hữu và ấn tượng thơ của ông.

- Thể thơ lục bát với giọng điệu ngọt ngào, tha thiết; cặp đại từ mình – ta; ngôn từ giản dị, mộc mạc, giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm; các biện pháp tu từ: phép điệp, liệt kê, so sánh...

→ Qua nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về thiên nhiên, cuộc sống và con người ở chiến khu Việt Bắc, Tố Hữu đã ngợi ca nghĩa tình cách mạng, đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung của con người Việt Nam.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

I. ĐỌC HIỂU**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Tạm biệt khô cần, lạnh giá
 Gió bắc hoang đại rú gấm từ già mùa đi
 Như cánh én bên trời kia nhỏ bé
 Em chờ mùa xuân đến thăm thì

Chi chờ nghe mùa gõ cửa
 Cây âm thầm bật nhựa hồi sinh
 Mặc rét buốt, mặc đông còn nấn ná
 Xuân đã về trở nhánh tươi xanh.

Phù thủy mùa xuân phết màu lên ngàn cây
 Đào, mai rũ áo khoác mùa đông nở hoa rực rỡ
 Cả đất trời bùng lên sức sống
 Chim hoan ca rộn rã đón xuân về.....

(Trích “Mùa em” - Hà Kim Quy- Báo GD&ĐT Chủ nhật số 51, 18/12/2022, trang 24)

Câu 1: (NB) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên?**Câu 2: (TH)** Bức tranh mùa xuân hiện lên với những hình ảnh nào?**Câu 3: (TH)** Chỉ và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong khổ thơ thứ 3?

Phù thủy mùa xuân phết màu lên ngàn cây
 Đào, mai rũ áo khoác mùa đông nở hoa rực rỡ
 Cả đất trời bùng lên sức sống
 Chim hoan ca rộn rã đón xuân về

Câu 4: (VD) Hình tượng mùa xuân trong văn bản đem đến cho anh/chị bài học gì? Lí giải vì sao.**II. LÀM VĂN****Câu 1: (VDC)** Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những ý nghĩa tích cực khi chúng ta thay đổi.**Câu 2: (VDC)**

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhẩy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị vẫn văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở

với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

(Trích Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 7,8)

Anh/ Chị hãy phân tích tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các phong cách ngôn ngữ đã học.

Cách giải:

Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Bức tranh mùa xuân hiện lên với hình ảnh: cánh én, cây, nhánh tươi xanh, đào, mai, chim.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

- Biện pháp nhân hóa: phết (phù thủy mùa xuân), rũ (áo), ...
- Tác dụng:
 - + Giúp hình ảnh thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức sống.
 - + Nhấn mạnh vẻ đẹp căng tràn, đầy nhựa sống của thiên nhiên khi xuân về.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

HS đưa ra bài học dựa vào nội dung bài thơ và có lý giải phù hợp.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

- Giới thiệu chung: Ý nghĩa tích cực khi chúng ta thay đổi.
- Giải thích: Thay đổi bản thân: không ngừng học hỏi, cải thiện để bản thân mình tiến bộ hơn, hoàn thiện hơn từng ngày.
=> Con người thay đổi bản thân theo chiều hướng tích cực để trở nên có ích hơn cho xã hội và hoàn thiện chính mình hơn.
- Ý nghĩa tích cực của sự thay đổi bản thân:
 - + Làm cho bản thân mình ngày càng tốt hơn, mở mang tầm hiểu biết.
 - + Khắc phục được những khuyết điểm của bản thân mình từ đó được mọi người tin nhiệm, tin tưởng.
 - + Người biết hoàn thiện bản thân sẽ tiến bộ từng ngày và nhận được tình yêu thương từ mọi người.
- Học sinh lấy dẫn chứng phù hợp.

- Trong xã hội vẫn còn có nhiều người sống an phận, nghe theo sự sắp đặt của người khác hoặc quá lười biếng, không có ý thức vươn lên để hoàn thiện bản thân mình,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán.
- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học. **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Tô Hoài rất am hiểu phong tục tập quán của người dân miền núi, biệt tài phân tích tâm lí nhân vật và lời văn đậm chất khẩu ngữ.
- Vợ chồng A Phủ là sản phẩm của chuyến đi thực tế của ông cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc.
- Khái quát vấn đề: Phân tích diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tỉnh táo khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

II. Phân tích

1. Cảm nhận về đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích.

a. Những yếu tố ngoại cảnh tác động tới sự hồi sinh của Mị:

- Cảnh thiên nhiên Hồng Ngài bắt đầu vào xuân- cỏ gianh vàng ửng, gió rét dịu đi...;
- Cảnh sinh hoạt của các làng Mèo đỏ với những chiếc váy hoa đem phơi ở các mỏm đá, tiếng trẻ con nô đùa trước sân...
- Đặc biệt là âm thanh tiếng sáo ở đầu núi rủ bạn đi chơi...

b. Men rượu và tiếng sáo đã dẫn đến sự hồi sinh thực sự ở Mị.

b.1. Mị lén lấy hũ rượu uống ực từng bát:

- Nhà thống lí coi Mị chỉ như con trâu, con ngựa. Nhưng bằng hành động uống rượu này, Mị đã ý thức và tự khẳng định mình là một con người có quyền như mọi người trong nhà thống lí...
- Cách uống rượu “ực” từng bát ấy là một dạng thức của sự phản đời, hận đời của một con người đã ý thức sâu sắc bị kìm hãm đời mình.
- Cách uống rượu của Mị chứa đựng đầy sự phản kháng. Mị uống rượu như nuốt hờn, nuốt tủi, nén giận vào lòng. => Mị uống rượu mà như uống những cay đắng của phản đời đã qua và những khát khao của phản đời chưa tới.

- Men rượu và hơi xuân khiến người đàn bà không còn liên hệ gì với cuộc sống, không còn liên hệ gì với quá khứ nay bỗng “lịm mặt ngồi đấy... nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước”.

b2. Song, có tác dụng nhiều nhất trong sự hồi sinh của Mị vẫn là tiếng sáo.

- Khi tiếng sáo vọng lại, Mị không chỉ nghe mà còn hình dung rõ đôi lứa tình yêu qua tiếng sáo: “Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi”.

=> Điều đó chứng tỏ người đàn bà lâu nay đứng đưng, âm thầm giờ đây đã thoát khỏi trạng thái vô cảm, thờ ơ.

- Mị còn cảm nhận được sắc thái thiết tha, bồi hồi của tiếng sáo. Nhận ra sự rạo rực, đắm say của người thổi sáo. Thậm chí Mị còn ngời nhăm nhăm bài hát của người đang thổi. Bằng cách ấy Mị đã trở về với quá khứ.

- Tiếng sáo đã làm thức tỉnh con người tâm linh trong Mị. Mị nhớ lại kỉ niệm đẹp ngày xưa, uống rượu bên bếp và thổi sáo, Mị thấy phơi phới trở lại, đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước.

- Tiếng sáo đã đưa Mị từ cõi quên về cõi nhớ. Đã dịu hồn Mị trở về với nỗi khao khát, yêu thương. Mị ý thức được Mị vẫn trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ, Mị muốn đi chơi.

b.3. Thế nhưng, bên cạnh cái khát khao, náo nức về sự tái sinh thì ở Mị vẫn đầy lo lắng, day dứt, tủi hờn về thân phận: lòng phơi phới mà vẫn theo quán tính, Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng.

- Hình ảnh cái buồng kín chỉ có một cửa sổ, một lỗ vuông bằng bàn tay cứ trở đi trở lại trong tác phẩm đã tô đậm thân phận nô lệ, tù nhân của Mị...

- Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy bao nhiêu thì Mị lại phần uất bấy nhiêu. Phần uất và đau khổ cho thân phận và số phận trở trêu đầy bi kịch: A Sử với Mị không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau.

- Nhận thức được số phận bi kịch ấy chưa xót đến mức Mị lại muốn chết để thoát khỏi cuộc sống đầy đau, đau khổ ở nhà thống lí: “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa”

=> Nghĩ đến cái chết là Mị đã phản kháng quyết liệt lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Đó chính là khi sức sống tiềm tàng đã thức tỉnh...

- Và rồi ngay trong lúc lòng đầy phần uất ấy, “tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường”. + Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, dịu hồn Mị theo những đám chơi.

+ Đến đây, khát vọng sống tự do, khát vọng tình yêu được đẩy lên đến cao độ trong Mị.

=> Tâm hồn Mị diễn biến rất phức tạp trong quá trình thức tỉnh, nổi loạn. Mị đang sống trong nghịch lí giữa thân phận con dâu gặt nợ và niềm vui phơi phới muốn đi chơi Tết.

b.4. Ý nghĩa của hình tượng Mị trong đoạn trích

- Thông qua nhân vật Mị trong đoạn trích, nhà văn đã khám phá, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người

- Thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt.

- Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người.

- Chính những nội dung trên của đoạn trích đã góp phần đem đến cho Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài những giá trị nhân đạo sâu sắc.

2. Nhận xét sự tỉnh táo khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài.

- Diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân của Mị được nhà văn khéo léo thể hiện bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, ngôn ngữ biểu cảm.

- Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tinh tế, rất phù hợp với tính cách của người con gái Mông vốn giàu sức sống.

- Nhà văn sử dụng nhiều yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình, bữa cơm đón năm mới... Tất cả đã hoá thành những tiếng gọi đánh thức ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức niềm khao khát một cuộc sống tự do và khao khát tình yêu của Mị.

- Với sở trường phân tích tâm lí tinh tế, ngòi bút tác giả đã lách sâu vào đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách nhân vật Mị; diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những trạng thái đột biến trong tâm trạng Mị.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com ĐỀ 16	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
--	--

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Có món ngon nào giá rẻ không em
gạo trắng rau tươi cá bơi tôm nhảy
người xưa bảo tiền nào của nấy
cái lẽ đời giản dị thế thôi ư?*

*Có đam mê nào giá rẻ không em
lời tâm huyết chiết ra từ máu đỏ
câu thơ thật dối lấy đồng tiền giả
vã mồ hôi sôi nước mắt thất lòng.*

*Có yêu đương nào giá rẻ không em
ân ái đi qua nợ đời rơi vãi lại
còng lưng gánh tiếng cười con cái.
thăm thẳm mai lõm chớm nhọc nhằn.*

*Mẹ trót ru ta câu sấm mệnh con cò
thôi đừng trách cảnh tre sao mềm thế
đừng tưởng loanh quanh mọi người sống dễ
có hạnh phúc nào giá rẻ không em?*

(Chợ - trích từ tập thơ Về, Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 1994)

- Câu 1: (NB)** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?
- Câu 2: (TH)** Điểm khác biệt giữa *cái giá* phải trả cho các món ngon được đề cập ở khổ thơ thứ nhất và *cái giá* của đam mê, yêu đương ở những khổ thơ sau là gì?
- Câu 3: (TH)** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong văn bản trên?
- Câu 4: (VD)** Anh/chị tâm đắc nhất với thông điệp nào mà tác giả gửi gắm qua văn bản?

II. LÀM VĂN

- Câu 1: (VDC)** Từ văn bản ở phần Đọc - hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cái giá của hạnh phúc.
- Câu 2: (VDC)**

Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tại Mị vẫn

văng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị. Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơ phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói gì.

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quán lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

- Mày muốn đi chơi à?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quán luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...”. Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

(Trích, *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài, SGK Ngữ văn 12, tập 2)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị qua đoạn trích trên - trích trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài. Từ đó, nhận xét ngắn gọn về tâm lòng nhân đạo của nhà văn trong việc thể hiện sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.

Cách giải:

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Điểm khác biệt:

- Cái giá của các món ngon (gạo trắng rau tươi cá bơi tôm nhảy) là tiền. Có nhiều tiền sẽ mua được các món ăn ngon.
- Cái giá của đam mê, yêu đương không thể mua được bằng tiền. Đam mê phải đánh đổi bằng tâm huyết, bằng những giọt mồ hôi, bằng những trải nghiệm thất lòng; Yêu đương qua đi, cái giá sẽ là những nhọc nhằn của cha mẹ nuôi con cái lớn khôn.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

Gợi ý:

- Biện pháp lập cấu trúc: *Có món ngon nào giá rẻ không em; Có đam mê nào giá rẻ không em; Có yêu đương nào giá rẻ không em; Có hạnh phúc nào giá rẻ không em?*
- Hiệu quả:
 - + Tạo nhịp điệu đa diết cho bài thơ, diễn tả niềm khao khát kiếm tìm hạnh phúc trọn vẹn
 - + Nhấn mạnh: không có hạnh phúc nào giá rẻ, con người đều phải đánh đổi bằng những cố gắng, nỗ lực, vất vả mới có được.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh có thể rút ra những thông điệp khác nhau căn cứ vào nội dung của văn bản nhưng phải có tính thuyết phục.

Gợi ý:

- Hạnh phúc hay thành công trong cuộc sống đều có giá của nó...
- Biết chấp nhận hoàn cảnh và tự mình phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để đạt được thành công, hạnh phúc
- Không nên so bì với người khác vì muốn có hạnh phúc mọi người đều phải đánh đổi bằng cái giá nhất định...

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Cái giá của hạnh phúc.

2. Giải quyết vấn đề

Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải có hoàn thiện bản thân. Có thể theo hướng sau:

- Hạnh phúc phải đánh đổi bằng sự nỗ lực, phấn đấu của bản thân mỗi người. Đôi khi để đạt được hạnh phúc con người phải mất nhiều thời gian, công sức, thậm chí là cả cuộc đời phấn đấu không mệt mỏi.
- Để có được hạnh phúc lớn lao, con người phải hi sinh những hạnh phúc cá nhân nhỏ bé, thậm chí phải đánh đổi bằng những điều quý giá khác trong cuộc đời.
- Để có được hạnh phúc của bản thân, đôi khi chúng ta đã vô tình làm tổn hại tới hạnh phúc, sự bình yên của những người khác.
- Mỗi người phải biết trân trọng, gìn giữ những hạnh phúc mà mình có được.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học. **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Tô Hoài rất am hiểu phong tục tập quán của người dân miền núi, biệt tài phân tích tâm lí nhân vật và lời văn đậm chất khẩu ngữ.
- Vợ chồng A Phủ là sản phẩm của chuyến đi thực tế của ông cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc.
- Khái quát vấn đề: Cảm nhận về nhân vật Mị và nhận xét ngắn gọn về ngòi bút nhân đạo của Tô Hoài.

II. Phân tích

1. Phân tích diễn biến tâm trạng cùng sức sống tiềm tàng ở nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân

- Nhân tố tác động đến tâm lí của Mị: không khí mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình và men rượu... đã tác động, thôi thúc làm nảy nở trong Mị khát vọng hạnh phúc.
- Diễn biến tâm lí của Mị:
 - + Mị cảm nhận tiếng sáo: thấy lòng thiết tha bồi hồi, nhắm thắm bài hát của người đang thổi
 - + Mị uống rượu: uống ực từng bát, rồi say...lòng Mị đang sống về ngày trước Mị lãng quên thực tại, sống về quá khứ đẹp đẽ, hạnh phúc.
 - + Lòng Mị bùng lên khát vọng sống, hạnh phúc mãnh liệt: Mị thấy phơi phới trở lại...Mị muốn đi chơi... Mị dường như đoạn tuyệt với cuộc sống tù ngục, tăm tối, thậm chí chấp nhận cái chết để từ bỏ kiếp sống đọa đày.
- => Mị đã thoát khỏi trạng thái tê liệt chai lì cảm xúc, trái tim Mị đã rung lên những nhịp đập bồi hồi.
- + Mị hành động như một người tự do: đến góc nhà, lấy ống mỡ...quấn lại tóc...lấy váy hoa... những câu văn ngắn, nhịp nhanh, gấp thể hiện khát vọng hạnh phúc trào dâng mãnh liệt và Mị thực sự tìm lại được chính mình – cô gái trẻ trung, đầy khát vọng.
- + Sức ám ảnh của tuổi xuân lớn dần, hơi rượu nồng nàn, âm thanh tiếng sáo gọi bạn vẫn tha thiết, rập rờn trong đầu Mị, khiến Mị không biết A Sử vào, không nghe A Sử hỏi và không biết mình bị trói, Mị chỉ nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi...
- => Mị hành động với con người thật của mình, phản kháng lại thực tại tăm tối với lòng yêu đời, yêu sống bùng cháy mãnh liệt.
- + Mị vùng bước đi, bị sợi dây trói giữ lại, Mị chột bùng tỉnh: không nghe tiếng sáo, chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vách.
- => Mị trở về với thực tại đau đớn, ê chề, hiện hữu và thôn thức nghĩ mình không bằng con ngựa
- => Cả đêm Mị sống trong trạng thái lúc mê, lúc tỉnh với sự giằng co giữa khát vọng sống mãnh liệt và nỗi đau thân phận trâu ngựa.

=> Lòng ham sống bị dập tắt phủ phàng. Mị không thể thoát khỏi địa ngục trần gian nhưng Mị đã không còn là con trâu, con ngựa, con rùa lùi lũi nuôi trong xó cửa. Trong đêm tình mùa xuân ấy, ý thức sự sống trở về, trái tim đã hồi sinh, Mị sống lại những thời khắc thanh xuân tươi trẻ và tự do. Phải chăng đây là nguyên cớ

đẹp để Mị có được dũng khí cắt dây cửi trời cho A Phủ trong đêm mùa đông trên núi cao.

2. Nhận xét về tấm lòng nhân đạo của Tô Hoài.

- Tiếng nói đồng cảm, xót thương với thân phận khổ đau, bất hạnh của người lao động nghèo miền núi bị áp bức trước Cách mạng.

- Trong hoàn cảnh tối tăm, nhà văn phát hiện, khẳng định, ngợi ca và nâng niu bản năng sống âm thầm mà mãnh liệt trong tâm hồn người lao động Tây Bắc

- Miêu tả một cách chân thực sự vận động nội tại trong tính cách nhân vật với cái nhìn âm áp, tin yêu và trân trọng dành cho con người

=> Đoạn văn thấm đẫm chất nhân văn, thể hiện một cách chân thật và cảm động giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

* Nghệ thuật:

- Thành công trong nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật

- Nghệ thuật trần thuật uyển chuyển, linh hoạt vừa truyền thống vừa hiện đại đầy hấp dẫn

- Trang văn xuôi thấm đẫm chất thơ, chất nhạc, ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhiều chi tiết có sức gợi... **III. Kết luận**

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 17

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Về đây nghe em, về đây nghe em
Về đây mặc áo the, đi guốc mộc
Kể chuyện tình bằng lời ca dao
Kể chuyện tình bằng nỗi ngô khoai
Kể chuyện tình bằng hạt lúa mới
Và về đây nghe lại tiếng nói thơ ấu khúc hát ban đầu
Về đây nghe em, về đây nghe em
Về đây thả ước mơ đi hát dạo
Để đời đời làm giọt sương mai
Để chào đời bằng lòng mới lớn
Để hận thù người người lắng xuống
Và tìm nhau như tìm xót xa
Trong lúc lệ đã đầy vơi

(Trích lời ca khúc *Về đây nghe em*, Trần Quang Lộc,

<https://loicakhuc.com/loi-bai-hat-ve-day-nghe-em-quang-tuan/C38.html>)

Câu 1: (NB) Xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2: (TH) Chỉ ra những hình ảnh diễn tả cuộc sống bình dị của con người trong hai câu thơ:

Kể chuyện tình bằng nôi ngô khoai

Kể chuyện tình bằng hạt lúa mới

Câu 3: (TH) Nêu nội dung của đoạn thơ:

Về đây nghe em, về đây nghe em

Về đây thả ước mơ đi hát dạo

Để đời đời làm giọt sương mai

Để chào đời bằng lòng mới lớn.

Câu 4: (VD) Nhận xét về hình ảnh con người Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của những giá trị truyền thống trong cuộc sống hiện đại.

Câu 2: (- VDC)

Trong Đất Nước, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm viết:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, dân, sàng

Đất Nước có từ ngày đó

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

(Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr:118)

Anh/Chị hãy phân tích đoạn trích trên; từ đó, nhận xét về cách cảm nhận đất nước của nhà thơ được thể hiện trong đoạn trích.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các thể thơ đã học.

Cách giải:

Thể thơ: Tự do

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Những hình ảnh diễn tả cuộc sống bình dị của con người trong hai câu thơ:

- Hình ảnh nôi ngô khoai,
- Hình ảnh hạt lúa mới,
- Hình ảnh những câu chuyện kể.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Gợi ý:

Học sinh trình bày theo ý hiểu của bản thân, có lý giải.

Đoạn thơ nhắc nhở con người quay về với những giá trị truyền thống bình dị để lắng lòng lại. Chỉ khi như vậy, con người mới có dịp nhìn nhận lại chính mình với những ước mơ, khát vọng đẹp đẽ. **Câu 4**

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày theo quan điểm của bản thân, có lý giải:

- Con người Việt Nam giản dị, chân thật gắn với những hình ảnh gần gũi, quen thuộc như áo the, guốc mộc, nồi ngô khoai, hạt lúa mới,...

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

1. Giới thiệu vấn đề:

- Giới thiệu vấn đề: Ý nghĩa của những giá trị truyền thống trong cuộc sống hiện đại.

2. Giải quyết vấn đề

- Giải thích: Giá trị truyền thống là những giá trị về văn hóa, lối sống tốt đẹp được tồn tại từ lâu đời và được truyền từ đời này sang đời khác.

- Bàn luận:

+ Giá trị truyền thống giúp con người có thể hiểu rõ hơn về cội nguồn, về quê hương, đất nước mình.

+ Giá trị truyền thống là nền tảng để tạo dựng lối sống và đạo đức đúng đắn; cũng là cách mỗi người góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc. Biết trân trọng những giá trị truyền thống, chúng ta mới có thể vững vàng hội nhập và phát triển.

- Bàn luận mở rộng:

+ Trong đời sống hiện đại, có nhiều giá trị truyền thống đang có nguy cơ bị mai một. Chúng ta, những con người trong thế hệ hiện đại cần phải có những biện pháp để bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống.

+ Giữ gìn giá trị truyền thống không có nghĩa là bài trừ những giá trị hiện đại. Trong thời đại hội nhập chúng ta cần biết hòa nhập nhưng không được phép hòa tan.

3. Tổng kết vấn đề.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học. **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Phong cách nghệ thuật đậm chất triết lí, giàu chất suy tưởng.
- Đoạn trích Đất Nước nằm trong tập trường ca Mặt đường khát vọng của được viết trong thời kì chống Mỹ. Đoạn trích là cách định nghĩa mới mẻ về đất nước với tư tưởng bao trùm “Đất nước của nhân dân”.
- Khái quát vấn đề: Cảm nhận về đoạn trích, nhận xét về cách cảm nhận đất nước của nhà thơ được thể hiện trong đoạn trích.

II. Phân tích

1. Phân tích đoạn trích:

* *Vị trí đoạn trích:* Đoạn trích nằm ở ngay phần đầu của tác phẩm, khi tác giả đưa ra định nghĩa, lý giải về đất nước.

* *Cội nguồn của đất nước.*

- Tác giả khẳng định một điều tất yếu: “Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi”, điều này thôi thúc mỗi con người muốn tìm đến nguồn cội đất nước.
- + “Ta”: người đại diện nhân xưng cho cả một thế hệ nói lên ý thức tìm hiểu cội nguồn.
- + Thôi thúc con người tìm hiểu cội nguồn của đất nước
- Nguyễn Khoa Điềm đã tìm hiểu và lý giải cội nguồn của đất nước: Đất nước bắt đầu bằng lời kể của mẹ, miếng trầu bà ăn, từ phong tục tập quán quen thuộc, từ tình nghĩa thủy chung,..
- Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hóa dân tộc.

* *Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử, văn hóa.*

- Đất nước gắn liền với nền văn hóa lâu đời của dân tộc:
- + Câu chuyện cổ tích, ca dao
- + Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc
- Đất nước lớn lên từ trong đau thương, vất vả cùng với cuộc trường chinh của con người:
- + Cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, gắn liền với hình ảnh cây tre – biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc.
- Gắn với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả
- Đất nước gắn liền với những con người sống ân tình, thủy chung.

* *Đất Nước là: không gian địa lý – cội nguồn hình thành nên bản sắc văn hoá Việt.*

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn.

- Đất nước không phải là cái gì cao siêu xa vời mà nó là không gian nơi ta lớn lên, gắn với ta từ thuở nằm nôi. Khi “Đất” – “Nước” đứng cạnh nhau, cũng đồng thời ghi dấu nơi đôi ta hò hẹn. Đất nước hợp hoà, thống nhất, cũng như tình yêu đôi lứa hoà quyện. Như vậy, Đất nước là sự thống nhất, gắn bó chặt chẽ giữa các yếu tố: “Đất” và “Nước”, không thể tách rời. Cũng như tình yêu, không thể thiếu hoặc anh, hoặc em.

* *Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm.*

- Câu thơ như cây cầu dẫn về lời ca dao: “Khăn thương nhớ ai!”. Nơi em đánh rơi chiếc khăn là không gian Đất nước, nỗi nhớ thầm người yêu cũng hoà trong Đất nước. Trong tình yêu của em, trong nơi em hò hẹn, có Đất nước. Như vậy, Đất nước có trong nỗi nhớ của em, có trong tình yêu của em, của đôi ta.

* *Nghệ thuật:*

- Sử dụng thành công chất liệu văn học dân gian

- Giọng thơ tâm tình, nhẹ nhàng

=> Đoạn thơ mở đầu giản dị, thân thiết như câu chuyện kể, giọng thơ thâm trầm, trang nghiêm làm cho suy tư về cội nguồn đất nước giàu chất triết luận mà vẫn tha thiết, trữ tình. Lý giải một khái niệm lớn lao bằng những hình ảnh bình dị, quen thuộc để khẳng định: Đất nước đã có từ rất lâu đời, sự hình thành phát triển của đất nước gắn với những gì nhỏ bé, bình dị, thân thuộc trong mỗi đời sống con người Việt Nam.

2. Nhận xét về cách cảm nhận đất nước của nhà thơ được thể hiện trong đoạn trích.

- Khi lí giải đất nước có từ đâu, tác giả đã lí giải bằng những gì gần gũi, thân thuộc trong mỗi gia đình chúng ta (với những câu chuyện “ngày xưa ngày xưa”, với miếng trầu mang đậm nét văn hóa dân tộc, với truyền thuyết sâu thẳm trong tâm hồn Việt “Thánh Gióng”.

- Đất nước được cảm nhận trong chiều sâu tâm hồn nhân dân và văn hóa, lịch sử: Đất nước là phong tục “búi tóc sau đầu”, là vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của dân tộc “gừng cay muối mặn”.

- Đất nước gắn liền với nền văn minh lúa nước lâu đời “hạt gạo phải một nắng hai sương say, giã, giần, sàng” - Đất nước còn được cảm nhận bằng những phong tục dân dã, gần gũi của dân tộc bằng những cái tên nôm na, giản dị “cái kèo, cái cột thành tên”.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

.com

ĐỀ 18

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Bài thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) *Mặc ai giận, mặc ai thương nỏ biết*

Tôi vẫn yêu câu ví dặm ngàn đời

Câu ví của ông bà mợ mạc

Tôi lớn dần cùng với tiếng đưa nôi

(...)

(2) *Vẫn muối mặn gừng cay thuở ấy*

Người xưa trao câu ví thật lòng

Trao nhân nghĩa chẳng thể nào đánh mất.

Để ngàn đời hóa núi, nên sông

(3) *Câu ví thấm vào cây vào đất*

Cây xanh tươi và đất mỡ màu.

Câu ví lặn vào trăng, vào nước

Để ngàn đời trăng nước yêu nhau

(4) *Câu ví gọi quả cà, quả ổi*

Gọi vệt bùn trên chiếc áo nâu

Ơi câu ví một thời tôi thỏn thức

Đêm Trường Sơn trăng mắc võng hai đầu

1

(5) *Câu ví đượm buồn vui đau khổ*

Giống người dân xứ Nghệ ngàn đời

Câu ví dạy tôi biết ăn, biết ở

Như ông bà, cha mẹ, làng tôi.

(Phan Thế Cải, Ví dặm thương, nguồn: thivien.net)

Câu 1 (NB): Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2 (TH): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ (4).

Câu 3 (TH): Những dòng thơ sau giúp anh/chị hiểu thêm điều gì về vai trò của câu ví trong đời sống tinh thần người dân xứ Nghệ:

Câu ví đượm buồn vui đau khổ

Giống người dân xứ Nghệ ngàn đời

Câu ví dạy tôi biết ăn, biết ở

Như ông bà, cha mẹ, làng tôi.

Câu 4 (VD): Tình cảm của nhân vật trữ tình đối với ví dặm trong bài thơ trên có ý nghĩa gì với anh/chị?

II. LÀM VĂN.

Câu 1 (VDC): Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về trách nhiệm của thế hệ mình trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca ví dặm trong cuộc sống hôm nay.

Câu 2 (VDC)

“...Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hóm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh thế, Mị chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy. Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc đó bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó. Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...”

Lúc ấy, trong nhà tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng. Mị chỉ thì thào được một tiếng “Đi ngay...”, rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuyu xuống không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy. Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

– Ở đây thì chết mất. A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà che chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói: “Đi với tôi”. Và hai người lẳng lẳng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Trích Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập 2, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2018, tr13,14)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, liên hệ với chi tiết Mị nghĩ tới nắm lá ngón trong đêm tình mùa xuân để nhận xét đóng góp của nhà văn Tô Hoài khi viết về người lao động vùng núi cao Tây Bắc.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng những kiến thức đã học về các thể thơ đã học.

Cách giải:

Thể thơ: tự do

Câu 2

Phương pháp: Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ.

Cách giải:

- Liệt kê: quả cà, quả ớt, vệt bùn

- Tác dụng:

+ Liệt kê những hình ảnh gần gũi quen thuộc của cuộc sống lao động, sinh hoạt hàng ngày của người dân xứ Nghệ giúp câu thơ trở nên sinh động, gợi hình gợi cảm, thể hiện được vẻ đẹp mộc mạc của câu ví dặm.

+ Câu ví mang trong mình bao nỗi vất vả gian truân thiếu thốn của cuộc sống lam lũ đời thường.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải.

Cách giải:

Vai trò của câu ví trong đời sống tinh thần người dân xứ Nghệ qua khổ (4):

- Câu ví là tấm gương soi chiếu bao tâm sự vui buồn trong cuộc sống của người dân xứ Nghệ.

- Qua câu ví, cha ông còn truyền lại cho hậu thế những bài học nhân sinh, đạo lý làm người.

- Câu ví giúp mỗi người học thêm những điều bình dị mà sâu lắng trong cuộc sống.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh nêu quan điểm của bản thân mình, có lý giải cụ thể, phù hợp.

Gợi ý:

- Tình yêu, lòng tự hào của nhân vật trữ tình đối với ví dặm trong bài thơ trên đã gợi nhắc mỗi người cần biết trân trọng câu ví dặm- một nét đẹp văn hóa truyền thống của xứ Nghệ.

- Từ đó, biết góp sức mình bảo tồn, phát huy giá trị ví dặm trong cuộc sống hiện đại.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Viết đúng một đoạn văn nghị luận xã hội theo cấu trúc.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

- Giới thiệu vấn đề: Trách nhiệm của thế hệ mình trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca ví dặm trong cuộc sống hôm nay.
- Bàn luận vấn đề:
 - + Dân ca ví dặm là một loại hình nghệ thuật trình diễn dân ca chiếm vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người dân 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh thuộc miền Trung Việt Nam.
 - Hiện nay, các giá trị văn hóa truyền thống nói chung, dân ca ví dặm nói riêng đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Việc bảo tồn, phát huy giá trị của ví dặm là trách nhiệm chung của tất cả mọi người, đặc biệt là của thế hệ trẻ.
 - Người trẻ cần cảm nhận được vẻ đẹp của ví dặm và biết trân trọng nét đặc sắc văn hóa này. Từ đó, mỗi người sẽ đóng góp một phần sức mình để ví dặm thực sự được sống trong cuộc sống hiện đại hôm nay.
 - Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học. **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

*** Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

- Tô Hoài là một cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với hiểu biết sâu rộng đặc biệt là phong tục tập quán trong sinh hoạt đời thường của người dân miền núi kết hợp với ngôn ngữ phong phú, giàu chất biểu đạt, đậm chất khẩu ngữ, Tô Hoài đã để lại một kho tàng tác phẩm hết sức phong phú.
- Vợ chồng A Phủ là kết quả của chuyến đi thực tế dài 8 tháng của Tô Hoài lên vùng núi Tây Bắc, cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Tác phẩm đã tái hiện cuộc sống khổ cực tăm tối của con người trong giai đoạn này dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. Đồng thời bày tỏ thái độ trân trọng đối với sức mạnh tiềm tàng trong con người nơi đây.

*** Khái quát vấn đề nghị luận:** Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, liên hệ với chi tiết Mị nghĩ tới nắm lá ngón trong đêm tình mùa xuân để nhận xét đóng góp của nhà văn Tô Hoài khi viết về người lao động vùng núi cao Tây Bắc.

II. Phân tích:

1. Cảm nhận nhân vật Mị

a. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích được trích ở phần cuối của tác phẩm. Đây là diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm Đông khi chứng kiến cảnh A Phủ bị trói và hành động giải thoát cho A Phủ và cho chính mình của nhân vật Mị.

b. Giới thiệu khái quát về nhân vật Mị:

- Mị vốn là một cô gái trẻ, đẹp, một bông hoa rừng ngát hương có khát vọng tự do, khát vọng hạnh phúc.
- Mị là một cô gái hiếu thảo (xin trả nợ thay bố, vì cha sẵn sàng đánh đổi cả hạnh phúc đời mình)
- Thế nhưng bị kịch xảy ra từ khi Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lý Pá Tra.

+ Cô có cuộc sống tăm tối, lúc nào cũng lúi lũi ở xó cửa, làm việc ngày đêm như con trâu con ngựa nhưng cô không hề phản kháng. -> Bị bóc lột thể xác, tê liệt tinh thần.

+ Sự thức tỉnh của Mị trong đêm tình mùa xuân, tuy ngay lập tức bị A Phủ dập tắt nhưng đã bước đầu tạo tiền đề cho hành động của Mị trong đêm Đông.

c. Diễn biến tâm lý của Mị trong đêm Đông cởi trói cho A Phủ.

**** Bối cảnh gặp gỡ:***

- A Phủ là người ở gạt nợ trong nhà của thống lý Pá tra.

+ Quanh năm bốn ba, rong ruổi ở ngoài gò, ngoài rừng.

+ Năm ấy đói rừng -> Để hổ bắt mất một con bò cho nên A Phủ đã phải lãnh hậu quả nặng nề. A Phủ bị trói đứng vào cây cột trong góc nhà.

- Mị: Sau đêm tình mùa xuân -> Rơi vào trạng thái chết tinh thần -> Trạng thái nặng nề hơn trước.

+ Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn -> Mị không ngủ được, trở dậy thổi lửa để hơ tay, hơ lưng không biết bao nhiêu lần. Chỉ chớp mắt từng lúc rồi dậy để sưởi lửa suốt đêm -> Mị chỉ quan tâm đến ngọn lửa để xua tan lạnh lẽo về thể xác và băng giá trong tâm hồn.

+ Có đêm A Phủ về đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp, đêm sau Mị vẫn dậy để sưởi lửa.

+ Trong những đêm A Phủ xuất hiện trong tình thế bị trói đứng trên cây cột trong góc nhà -> Khi Mị thổi ngọn lửa bùng lên thì A Phủ đang đứng trong góc nhà thiêm thiếp đi như một phản xạ tự nhiên, A Phủ mở mắt trừng trừng. Cùng lúc ấy, Mị nhìn sang mới biết là A Phủ còn sống nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Thậm chí nếu A Phủ là xác chết đứng đấy với Mị cũng thế thôi. -> Sự vô cảm của Mị xuất phát từ hai lý do: Một là, cảnh trói người đến chết đã từng xảy ra không quá lạ lẫm với Mị. Hai là, sự tê liệt trong đời sống tâm hồn Mị đã lên đến đỉnh điểm. Mị chỉ còn biết chỉ ở với ngọn lửa.

**** Sự thức tỉnh, hồi sinh:***

(+) Nguyên nhân: Đêm ấy, Mị lại dậy thổi lửa vào lúc đã khuya mọi người trong nhà đã ngủ yên, Mị lại trở dậy thổi lửa, Mị thấy A Phủ cũng vừa mở mắt. Mị thấy một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ. -> Mị bừng tỉnh từ cõi quên trở về với cõi nhớ, từ cõi vô thức, Mị đã sống lại ý thức.

(+) Diễn biến tâm lý:

- “Dòng nước mắt lấp lánh”: Mị sống lại kí ức đau khổ trong một trường liên tưởng tương đồng hết sức tự nhiên. Nhớ lại năm xưa và nhận ra sự giống nhau đến kì lạ giữa hai người.

+ Cùng là thân phận người làm không công – trâu ngựa cho gia đình thống lý.

+ Cùng bị đối xử tàn tệ, bị trói đứng vào cây cột trong góc nhà. Chỉ khác Mị bị trói bằng một thừng sợi dây đay do chính tay Mị tước chỉ trong một đêm nhưng lại là đêm tình mùa xuân còn A Phủ bị trói bằng dây mây do chính A Phủ chuẩn bị trong nhiều đêm mùa đông.

+ Cuối cùng chảy tràn những giọt nước mắt đau đớn và bất lực. Mị nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ mà không lau đi được. -> Thức dậy tình thương: Thương thân rồi đến thương cho người trong sự đồng cảnh và đồng cảm.

- Xuất phát từ hình ảnh hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ. Dấu hiệu cái chết đang đến rất gần. Thần chết đang bắt đầu những nét vẽ đầu tiên trên gương mặt của A Phủ. Mị nhớ lại người đàn bà ngày trước đã chết ở nhà này -> Mị phán đoán: “Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết: Chết đau, chết đói, chết rét, phải chết”. Đó là sự tất yếu khi học làm thân trâu ngựa cho nhà thống lý. -> Chúng nó thật độc ác. -> Tình thương người đang lớn dần.

- Từ liên tưởng tương đồng thì dẫn tới liên tưởng so sánh, tương phản giữa Mị và A Phủ.

+ Mị nghĩ về chính mình: Ta là thân đàn bà – sự ảnh hưởng nặng nề tư tưởng nam quyền. Lại bị cúng trình ma – Mang thân phận con dâu gạt nợ bị trói buộc, tư tưởng thần quyền chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây mà thôi -> Vĩnh viễn không có tự do.

+ Mị so sánh với A Phủ: A Phủ khác với Mị, là một chàng trai khỏe mạnh, ưu tú. Đặc biệt anh ta chỉ là người ở gạt nợ nghĩa là anh ta vẫn còn cơ hội tự do. Cái chết rất phi lý rất đáng tiếc: “Người kia việc gì mà phải chết”. -> Cái tình thương người lớn dần, lấn át cả thương thân -> Người ta chết là đáng tiếc, đáng thương.

- Mị rơi vào tình huống trải nghiệm tưởng tượng: Biết đâu A Phủ trốn thoát, bố con nhà thống lý sẽ bảo Mị cời trói cho A Phủ và kết tội Mị, xử tội Mị bắt Mị phải trói thay và chết thay trên cây cột kia. Cái chết ấy vô cùng đau đớn, chết từ từ trong cảm giác đau đớn và rét. Thế mà Mị không hề sợ -> Tình thương người lấn át nỗi thương thân.

- Mị quyết định hành động táo bạo vì đám tha vạc hắt lửa khiến cho trong nhà tối bùng. Bóng tối trở thành đồng minh rất an toàn của Mị, hậu thuẫn cho Mị. Mị lấy con dao cắt lúa để cắt dây mây cời trói cho A Phủ. -> Hành động quyết liệt cắt dây cời trói cho A Phủ cũng có nghĩa là cắt đi sợi dây trói buộc, ràng buộc sợi dây cương quyền và thần quyền của Mị.

- Sau khi lần gỡ hết những vòng dây mây trên người A Phủ -> Mị trở nên hốt hoảng. Tình thương người được giải tỏa, chỉ còn lại nỗi thương thân -> thức dậy nỗi sợ hãi nhất là khi A Phủ đi rồi nghĩa là cái chết đang đến rất gần với Mị.

- “Mị đứng lặng trong bóng tối” Câu văn được tách ra đứng độc lập thành đoạn văn -> Có sức dồn chứa đấu tranh, giằng co. Nếu ở lại đồng nghĩa với việc Mị phải chờ cái chết khủng khiếp sắp đến. Nếu ra đi thì Mị phải liều lĩnh đối mặt với cường quyền, thần quyền -> nỗi sợ -> thôi thúc bản năng tự vệ tích cực -> quyết định vùng chạy, băng đi trong bóng tối -> quyết liệt tìm đường sống cho mình.

- Mị đuổi kịp A Phủ, Mị vừa mới, vừa thở trong hơi gió thốc lạnh buốt. “A Phủ cho tôi đi. Ở đây thì chết mất”. Sau bao nhiêu năm tháng câm lặng, câu nói đầu tiên của Mị là câu nói xin được giải cứu, quyết liệt tìm đường sống. -> Trước lời đề nghị của Mị, A Phủ đã đáp lời bằng một câu rất gọn chắc “Đi với tôi”. A Phủ thốt ra câu nói trong tình thế kiệt sức không chắc, không biết có đi nổi không; Bị động không hề có kế hoạch trốn thoát từ trước mà bản thân không biết sẽ đi đâu. Thế nhưng câu trả lời Mị vẫn đầy tự tin thể hiện sự mạnh mẽ truyền niềm tin và sức mạnh cho Mị.

- Hai người lẳng lặng đỡ nhau loạng choạng chạy xuống dốc núi. Họ đang phải nương tựa vào nhau khi A Phủ có sức mạnh tinh thần còn Mị mang sức mạnh thể chất.

-> Hai người đang chấp chới những cánh bay mở đầu giúp họ đi từ thung lũng đau thương ra đến cánh đồng vui.

- Hai người đã đến với mảnh đất Phiềng Sa nên vợ nên chồng, cùng nhau xây dựng tổ ấm hạnh phúc. Họ cùng tham gia du kích để không chỉ có thể giải phóng hoàn toàn cuộc đời chính họ mà còn quay trở lại để giải phóng bản làng quê hương.

=> Hành động dù là tự phát nhưng lại mang ý nghĩa rất tích cực: Là sự vỡ bờ khi quá tức nước, là sự vùng dậy đấu tranh để tự cứu mình. Đó là con đường tất yếu, duy nhất để họ có thể thoát khỏi chốn địa ngục trần gian, để họ có cơ hội tìm được hạnh phúc.

2. Liên hệ với chi tiết Mị nghĩ tới nắm lá ngón trong đêm tình mùa xuân:

- Trong đêm tình mùa xuân, khi bước vào buồng, Mị từng nghĩ: Nếu có nắm lá ngón trong tay, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa. Ý nghĩ về cái chết ở đây chính là biểu hiện của khát khao được sống một cuộc sống có ý nghĩa vốn chưa bao giờ bị dập tắt ở Mị. Hành động của Mị trong đêm mùa đông là sự trỗi dậy mạnh mẽ sức sống tiềm tàng ấy trong Mị.

- Đóng góp: Tô Hoài không chỉ tái hiện bức tranh đời sống tăm tối của Tây Bắc trước cách mạng mà còn ca ngợi vẻ đẹp của tâm hồn con người nơi đây. Trong đó, nét đẹp tỏa sáng rực rỡ nhất chính là sức sống tiềm tàng mãnh liệt mà không một thế lực nào có thể dập tắt được. Đây là giá trị nhân đạo sâu sắc mới mẻ của tác phẩm

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề được đặt ra ở đầu bài.

.com ĐỀ 19	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
-----------------------------	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Đêm trở gió, 20/1/2022

Gửi danh cầm Đặng Thái Sơn với đôi bàn tay kỳ diệu!

Ông có bất ngờ khi nhận lá thư được tạo nên từ những tiếng xào xạc? Là cháu đây, ngọn gió lành, gửi đến ông những lời khẩn thiết.

Cháu đang ở đây, ngay bên cửa sổ! Còn ông ngồi trầm tư bên phím đàn. Ông vừa trở về từ lễ trao giải VinFuture. Ở sân khấu quốc tế với những tên tuổi lừng danh ấy, âm nhạc của ông tạo nên mảnh ghép hoàn hảo cho hy vọng tương lai của nhân loại.

Ông vẫn nói: "Bạn cứ nghe tôi chơi nhạc, bạn sẽ hiểu tôi muốn nói gì!". Cháu cảm biết được tâm lòng của ông với cuộc đời. Nên, cháu hy vọng, ông và nghệ thuật của ông - mang sức mạnh tạo nên thay đổi, cứu vãn thảm họa thiên nhiên và gió nhỏ đã tận mắt chứng kiến.

Từ khi được sinh ra từ con cựa mình của Mẹ, cháu đã du hành khắp thế gian. Những điều ảm áp cho cháu hạnh phúc và cũng có nhiều điều khiến cháu trăn trở.

Cháu băn khoăn: Một con mèo chết gục trước cửa ngôi nhà, mười phút sau, nó được hát gọn sang cửa nhà đối diện. Có một ranh giới con người giữ sạch sẽ riêng mình.

Cháu lo lắng: Cũng con phố ấy, ngày hè oi ả, trong khi ai đó nằm điều hoà mát lạnh, thì dưới gầm cầu, góc chợ tạm... còn bao người thở nghen trong lồng ngực. Có một ranh giới con người giữ tiện nghi riêng mình. Cháu hoang mang: Dòng sông phía thượng nguồn đập đập làm thủy điện, tận dụng triệt để sức nước, thì dưới hạ lưu, tập quán của một dân tộc bị tước đi, hoặc cảnh quan của một vùng bị biến đổi. Có một ranh giới con người giữ lợi ích cho riêng mình.

Nhưng hơn ai hết, ông - một nghệ sĩ chọn cho mình cuộc sống không biên giới, hiểu rằng nhìn từ một phía nào đó, mọi ranh giới đều không tồn tại phải không?

(<https://vnexpress.net/thu-gui-dang-thai-son-doat-giai-nhatquoc-gia-viet-thu-upu-4461247-p4.html>)

Câu 1 (NB): Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2 (TH): Trong văn bản trên, nhân vật “cháu” trăn trở về những điều gì?

Câu 3 (TH): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ tương phản được sử dụng trong câu văn: “Cũng con phố ấy, ngày hè oi ả, trong khi ai đó nằm điều hoà mát lạnh, thì dưới gầm cầu, góc chợ tạm... còn bao người thở nghen trong lồng ngực.”

Câu 4 (VD): Trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói: “âm nhạc của ông tạo nên mảnh ghép hoàn hảo cho hy vọng tương lai của nhân loại.”

II. LÀM VĂN.

Câu 1 (VDC): Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: Tại sao cần xoá bỏ ranh giới trong cuộc sống?

Câu 2 (VDC)

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút; non Nghiên
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm
Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...*

(Trích Đất Nước, trường ca Mặt đường khát vọng - Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.120)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về sự kết hợp giữa chất chính luận và chất trữ tình trong đoạn thơ.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng những kiến thức đã học về các phong cách ngôn ngữ.

Cách giải:

Phong cách ngôn ngữ: sinh hoạt.

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo văn bản, nhân vật “cháu” trần trở những điều:

Cháu băn khoăn: Một con mèo chết gục trước cửa ngôi nhà, mười phút sau, nó được hất gọn sang cửa nhà đối diện. Có một ranh giới con người giữ sạch sẽ riêng mình.

Cháu lo lắng: Cũng con phố ấy, ngày hè oi ả, trong khi ai đó nằm điều hoà mát lạnh, thì dưới gầm cầu, góc chợ tạm... còn bao người thở nhe nhọc trong lồng ngực. Có một ranh giới con người giữ tiện nghi riêng mình. Cháu hoang mang: Dòng sông phía thượng nguồn đắp đập làm thủy điện, tận dụng triệt để sức nước, thì dưới hạ lưu, tập quán của một dân tộc bị tước đi, hoặc cảnh quan của một vùng bị biến đổi. Có một ranh giới con người giữ lợi ích cho riêng mình.

Câu 3

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về biện pháp tu từ.

Cách giải:

Tác dụng của biện pháp tu từ tương phản: Làm nổi bật sự phân hóa trong cuộc sống. Ranh giới giữa những người giàu và kẻ nghèo trong xã hội là rất lớn.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày theo ý hiểu của bản thân, có lý giải cụ thể.

Gợi ý:

- Cuộc sống luôn có những ranh giới phân hóa nhưng âm nhạc lại mang giá trị vô hình, hàn gắn và có khả năng xóa nhòa đi mọi ranh giới.
- Khi chúng ta không còn những ranh giới của sự phân hóa con người cùng nhau phát triển thì tương lai của xã hội sẽ tốt đẹp hơn.

II. LÀM VĂN**Câu 1:****Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

Cách giải:**Yêu cầu hình thức:**

- Viết đúng một đoạn văn nghị luận xã hội theo cấu trúc.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

- Giới thiệu vấn đề: Tại sao cần xóa bỏ ranh giới trong cuộc sống?
- Bàn luận vấn đề:
 - + Ranh giới trong cuộc sống là sự phân hóa giữa các giá trị đối lập nhau. Ranh giới hình thành nên cách đối xử giữa con người với con người.
 - + Xóa bỏ ranh giới tức là xóa bỏ đi sự phân biệt, đối xử giữa người với người. Điều này góp phần tạo nên cuộc sống có giá trị, chân thành, tin tưởng lẫn nhau.
 - + Xóa bỏ ranh giới là xóa bỏ rào cản cho sự phát triển của con người.
 - + Xóa bỏ ranh giới tạo sự gắn kết trong cộng đồng, đưa cộng đồng cùng phát triển.
-
 - Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

Câu 2:**Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:**Yêu cầu hình thức:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:**I. Giới thiệu chung***** Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

- Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Phong cách nghệ thuật đậm chất triết lý, giàu chất suy tưởng.

- Đoạn trích Đất Nước nằm trong tập trường ca Mặt đường khát vọng của được viết trong thời kì chống Mỹ. Đoạn trích là cách định nghĩa mới mẻ về đất nước với tư tưởng bao trùm “Đất nước của nhân dân”.

* **Khái quát vấn đề nghị luận:** Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về sự kết hợp giữa chất chính luận và chất trữ tình trong đoạn thơ.

II. Phân tích:

1. Cảm nhận đoạn thơ - Sự đóng góp của nhân dân trên bình diện địa lý.

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái.

- Núi Vọng Phu ở Lạng Sơn, Thanh Hóa, Bình Định... hòn Trống Mái ở sầm Sơn không chỉ là vẻ đẹp thiên nhiên mà còn là biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Vợ có "nhớ chồng", cặp vợ chồng có "yêu nhau" thì mới "góp cho Đất Nước", mới "góp nên" những núi Vọng Phu, hòn Trống Mái ấy. *Gót ngựa Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại*

99 con voi góp mình dựng đất tổ Hùng Vương.

- Hàng loạt những vết tích trên khắp sông núi nước Việt: vết chân ngựa Thánh Gióng để lại trăm ao đầm như hiện hiện một thời ngoại xâm giặc giã, và truyền thống anh hùng dân tộc, chín chín con voi góp sức dựng đất tổ Hùng Vương tái hiện quá trình dựng nước vất vả, gian lao của dân tộc.

Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm

...

Con cóc, con gà cũng giúp cho Hạ Long thành thắng cảnh

- Từ con vật thiêng, con vật tượng trưng: rồng, đến những con vật quen thuộc trong đời sống nhân dân: con cóc con gà cũng đã hóa thân lên dáng hình xứ sở, trong tưởng tượng của nhân dân, hình sông dáng núi đều mang dáng dấp, đều ẩn chứa những huyền tích.

Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên.

- "Nghèo" nhưng "người học trò" vẫn góp cho Đất nước ta "núi Bút non Nghiên", làm rạng rỡ nền văn hiến Đại Việt, văn hiến Việt Nam. Đó cũng chính là truyền thống hiếu học, vượt khó vươn lên của nhân dân ta. *Và ở đâu trên khắp ruộng đồng, gò bãi*

Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha

Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy

Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...

- Ta có thể thấy, khắp sông núi này, từ Bắc vào Nam, đâu đâu cũng có dấu tích, cũng có những câu chuyện, những huyền thoại, những sự hoá thân vào những danh lam, cảnh quan. Đâu đâu cũng có dấu ấn của nhân dân, chính nhân dân đã làm nên, tạo nên những câu chuyện cho dáng núi hình sông, phủ lên đó tâm hồn, ước mong, tưởng tượng của mình. Hay, Đất nước đã thấm sâu trong tâm hồn nhân dân, nhân dân đã tạo nên Đất nước qua tâm hồn của mình.

Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm

- Phép liệt kê trong câu thơ gợi lên những địa danh thân thuộc gắn liền với mảnh đất Nam Bộ: ông Đốc, ông Trang, bà Đen, bà Điểm.. Như vậy mỗi con người mang cho mình một cái tên mộc mạc, giản dị những đã góp nên những tên đất tên làng, mở mang thêm bờ cõi, để nước Việt mang dáng hình chữ S như bây giờ.

2. Nhận xét về sự kết hợp giữa chất chính luận và chất trữ tình trong đoạn thơ.

- Đoạn thơ thấm đẫm chất trữ tình.

+ Ở đó nhà thơ bộc lộ lòng trân trọng sâu sắc những cuộc đời, những con người đã hoá thân một cách cao đẹp vào hình hài của Đất Nước. Cảm xúc đó bộc lộ thật dạt dào nồng nàn và tha thiết.

+ Lời thơ là lời tâm tình giữa anh, em, giữa ta với người. Nhưng đoạn thơ cũng là một lập luận nhằm thuyết phục và chia sẻ nhận thức : Thiên nhiên, lịch sử, văn hoá... của Đất Nước. Tất cả đều do nhân dân xây dựng, tất cả là của nhân dân. Nhìn vào thiên nhiên sông núi tươi đẹp kia (Núi Vọng Phu, Hòn Trống Mái, những ao đầm làng Gióng, núi Bút, non Nghiên,...) liệu nơi nào lại không hiện diện hình ảnh nhân dân ?

- Tính chính luận làm cho nội dung tư tưởng của đoạn thơ thêm sâu sắc. Yếu tố trữ tình làm cho đoạn thơ có sức lay động, truyền cảm, biến tư tưởng, quan niệm, nhận thức thành cảm hứng nghệ thuật. Sự kết hợp hai yếu tố này sao cho nhuần nhuyễn, hiệu quả thực không dễ, nhưng Nguyễn Khoa Điềm đã làm được. Đó là thành công lớn của đoạn trích Đất Nước.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề được đặt ra ở đầu bài.

.com ĐỀ 20	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Bài thi: NGŨ VĂN Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
--	--

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Bao bài ca xáo trộn trong tôi
Có tiếng khóc của con chim gãy cánh
Tiếng đau rên của ngôi nhà đổ sập
Tiếng con thuyền không về được bờ quen
Tiếng mưa rơi trên ngọn cỏ yếu mềm...
Nhưng đêm hội này, chỉ một lần tôi được hát
Chỉ sống một cuộc đời giữa vô cùng năm tháng
Chỉ một lần gặp bạn, bạn yêu thương
Chẳng muốn kỷ niệm về tôi là một điệu hát buồn
Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt
Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây
Khó đau lắm nhiều, tôi chọn niềm vui
Là suối mát lòng tôi gửi bạn
Một cuộc đời - một bài ca duy nhất
Tôi chẳng muốn điệu hát buồn là kỷ niệm về tôi.*

(Tôi chẳng muốn kỷ niệm về tôi là một điệu hát buồn, Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi, Lưu Quang Vũ, NXB Hội Nhà văn, 2014, tr.185)

Câu 1: (NB) Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2: (TH) Nhân vật tôi trong bài thơ bị xáo trộn bởi những bài ca nào?

Câu 3: (TH) Anh/chị hiểu như thế nào về câu thơ “Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây”?

Câu 4: (VD) Trình bày suy nghĩ của anh/chị về những lựa chọn của nhân vật tôi trong bài thơ.

II. LÀM VĂN

Câu 1: (VDC) Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của mình về ý nghĩa của thái độ sống tích cực.

Câu 2: (VDC)

Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ. Con Sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyển ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đầm ám ám như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dàng dấy, rồi lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”.

(Trích Người lái đò Sông Đà, Nguyễn Tuân, SGK Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam). Phân tích vẻ đẹp của sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về quan niệm cái đẹp mà Nguyễn Tuân gửi gắm qua hình tượng này.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng các kiến thức đã học về các thể thơ.

Cách giải:

Thơ tự do

Câu 2

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Nhân vật tôi trong đoạn trích bị xáo trộn bởi: tiếng khóc của con chim gãy cánh, tiếng đau rên của ngôi nhà đổ sập, con thuyền không về được bến bờ quen, tiếng mưa rơi trên ngọn cỏ yếu mềm.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày theo quan điểm của bản thân, có lý giải phù hợp.

Gợi ý:

Câu thơ có thể được hiểu theo ý: Nếu hôm nay chúng ta có những suy nghĩ tích cực, gieo những hạt mầm tích cực thì tương lai sẽ gặt hái được những thành quả tích cực.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh tự trình bày những suy nghĩ của mình về những lựa chọn của nhân vật tôi trong đoạn trích, chú ý lý giải hợp lý.

Gợi ý:

Nhân vật “tôi” chọn bài ca của nắng, của người gieo hạt của những niềm vui. Đó là những bài ca tích cực của cuộc sống. Những bài ca ấy mang lại cho con người thái độ sống tích cực, tạo nên một cuộc sống có ý nghĩa.

II. LÀM VĂN

Câu 1

Phương pháp: Vận dụng kiến thức đã học về cách làm một đoạn nghị luận xã hội.

Cách giải:

* Xác định vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của thái độ sống tích cực.

1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề

2. Thân đoạn: Triển khai vấn đề

- Thái độ sống tích cực là việc đối diện với cuộc sống bằng những suy nghĩ, hành động mang chiều hướng tốt. Thái độ sống tích cực trái ngược với lối sống tiêu cực, đổ lỗi.³

- Ý nghĩa của thái độ sống tích cực:

+ Thái độ sống tích cực khiến con người trở nên vui vẻ hơn, tự đó có điều kiện để tận hưởng cuộc sống theo đúng nghĩa của nó.

+ Thái độ sống tích cực tạo ra những cơ hội mới, giúp con người tiến gần hơn với mục tiêu của mình. + Thái độ sống tích cực giúp con người nhìn nhận vấn đề theo hướng tích cực. Từ đó tạo cơ hội giải quyết các vấn đề theo cách nhanh hơn.

+ Thái độ sống tích cực góp phần đưa xã hội phát triển tốt hơn.

3. Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động

- Đối lập với thái độ sống tích cực là thái độ sống tiêu cực, đổ lỗi. Thái độ này sẽ khiến con người luôn chìm trong sự đau khổ, không tìm được lối thoát.

- Để có được thái độ sống tích cực con người phải tự tạo cho mình cách nhìn nhận vấn đề, tiếp xúc với những thông tin mang tính chất tích cực, hạn chế tiếp xúc với nguồn năng lượng tiêu cực.

Câu 2

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học. **Cách giải:**

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Tuân là một cây bút tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác, các tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn để lại ấn tượng khó quên trong lòng người đọc.

- Người lái đò Sông Đà được trích từ tập Tùy bút Sông Đà là kết quả của chuyến đi thực tế Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc. Tại đây, ông đã cảm nhận được thiên nhiên vừa dữ dội vừa trữ tình cùng với chất vàng mười trong tâm hồn người dân nơi đây.

- Khái quát vấn đề: Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về sự độc đáo trong cách miêu tả Sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

II. Phân tích

1. Phân tích đoạn trích – Vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà.

- Trước đó nhà văn đã khám phá và thể hiện vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội của Đà giang với cảnh đá bờ sông dựng vách thành, những cái hút nước hay những trùng vi thạch trận trên mặt sông... ở phương diện này sông Đà hiện lên như một thứ kẻ thù số 1 với tâm địa độc ác, nham hiểm luôn muốn tiêu diệt những người lái đò. Trong đoạn văn này nhà văn tập trung thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình độc đáo của con sông.
- Từ điểm nhìn trên cao, Sông Đà có vẻ đẹp duyên dáng, mềm mại, yêu kiều.
- + Sông Đà thướt tha, duyên dáng, đầy nữ tính như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc: Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân....
- + Sông Đà có sự thay đổi kì diệu màu nước theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng: Mùa xuân – “dòng xanh ngọc bích”; mùa thu – “nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ”.
- Từ điểm nhìn gần hơn – điểm nhìn của một người đi rừng lâu ngày bất ngờ gặp lại con sông, Sông Đà gợi cảm, Sông Đà “như một cố nhân”.
- + Sông Đà lung linh, thơ mộng, mang đậm vẻ đẹp Đường Thi.
- + Sông Đà gợi niềm vui, đem lại cảm giác “đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân” cho con người.
- Hình tượng Sông Đà được cảm nhận bằng ngôn ngữ tinh tế, giàu chất thơ; câu văn nhịp nhàng; hình ảnh bay bổng, lãng mạn; sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh... tạo những liên tưởng độc đáo thú vị, làm nổi bật vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của dòng sông.
- Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của nhà văn.
- + Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo...
- + Sử dụng từ láy gợi hình gợi cảm.
- + Câu văn giàu nhịp điệu, ngôn ngữ trong sáng đậm chất thơ...

2. Nhận xét quan niệm cái đẹp mà Nguyễn Tuân gửi gắm qua tác phẩm.

- Nhà văn nhìn Sông Đà không chỉ là một dòng sông tự nhiên, vô tri vô giác mà còn là một sinh thể có sự sống, có tâm hồn, tình cảm. Với Nguyễn Tuân, sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Vẻ đẹp của Sông Đà hòa quyện vào vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc nên càng trở nên đặc biệt. ...
- Cách miêu tả độc đáo này cho thấy Nguyễn Tuân có sự gắn bó sâu nặng, tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên Tây Bắc, với quê hương đất nước, đồng thời cho thấy được ngòi bút tài hoa, uyên bác, lịch lãm của ông...
- => Quan niệm cái đẹp của Nguyễn Tuân: Cái tôi của Nguyễn Tuân là cái tôi có cảm hứng mãnh liệt đối với những gì gây cảm giác mạnh, gây ấn tượng sâu đậm, độc đáo. Dữ dội phải tới mức khủng khiếp (con sông Đà hung bạo), đẹp phải tới mức tuyệt mỹ (con sông Đà thơ mộng, trữ tình), tài năng phải tới mức siêu phàm (hình tượng ông lái đò).

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.
- Giá trị nội dung, nghệ thuật.